

NGỌC GIÁO HỮU BÙI VĂN TÂM

NGỌC TÂM THANH

BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN

NXB TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN



bồi dưỡng

ĐỨC TIN



HỘI THÁNH BAN CHÍNH ĐẠO – TÒA THÁNH BẾN TRE
đường Trương Định, phường 6, thị xã Bến Tre
Ảnh: Đạt Linh & Đạt Truyền

Nhà xuất bản Tam Giáo Đồng Nguyên

Ngọc Giáo Hữu BÙI VĂN TÂM

Sưu tập

BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN



Nhà xuất bản TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN – 2009

Mục lục

BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN

Ngọc Giáo Hữu BÙI VĂN TÂM

Lời ngỏ	7	20. NHÀ QUAN VÀ KẺ CƯỚP	45
1. TÔN CHỈ ĐẠI ĐẠO	9	21. TÌNH ĐỜI Ý ĐẠO	46
2. CẬN TỬ NGHIỆP	10	22. ĐỨC TỰ TIN	48
3. CHỨNG NHÂN VỀ SỰ TÁI SANH: M. CROSTON	12	23. CỬA KHỔNG	51
4. CHỨNG NHÂN VỀ SỰ TÁI SANH: GNANATILLAKA	13	24. TIẾN TỚI MỘT THỂ HỆ DUY NHỨT	54
5. GƯƠNG CHUYỂN SANH ĐỜI TÙY (TRUNG QUỐC)	15	25. DƯỠNG CHƠN TẬP	56
6. CHUYỆN CHUYỂN SANH Ở CÀ MAU	16	26. SỐNG ĐƠN GIẢN	59
7. CHUYỆN ĐẦU THAI BÁO OÁN	17	26B. ẢNH HƯỞNG CỦA HOÀN CẢNH	61
8. CHUYỆN NHÂN QUẢ BÁO ỨNG	20	27. LUẬT ÂM CHẤT	62
9. SỰ TÍCH NHÀ BÈ	23	28. CẨM THÚ CÓ LINH TÁNH KHÔNG?	62
10. NHỮNG THẦN ĐỒNG	27	29. ĐIỀM ĐẠM	63
11. LUẬT NHÂN QUẢ	28	30. QUẲNG GÁNH LO ĐI	65
12. KIẾN TÁNH	35	31. ĐỨC TIN	66
13. NGỘ ĐẠO	35	32. SỨC MẠNH VÀ TƯ TƯỞNG	68
14. BỐ THÍ VỚI THAM LAM	36	33. LUẬT CÔNG BẰNG (LUẬT NHƠN QUẢ)	69
15. TINH LUYỆN CÁI TRÍ	38	34. HÃY QUAY VỀ HƯỚNG MẶT TRỜI	71
16. NẾO VÀO THIỀN HỌC	40	35. CÁCH PHÁN ĐOÁN	72
17. GÓP NHẶT CÁT ĐÁ	42	36. QUẢ BÁO CỦA SỰ CHẾ GIỂU KHINH BÍ	74
18. KHÔNG PHÂN BIỆT TÔN GIÁO	43	37. QUẢ BÁO TREO	75
19. PHÉP LẠ VÀ THẦN THÔNG	44	38. NƠI NƯỞNG TỰA CUỐI CÙNG	77
		39. TÌM LẠI TÌNH YÊU	78
		40. TẬP HIỂN MINH	80
		41. TU HỌC NỘI TÂM	81
		42. ĐỨC KHIÊM TỐN và PHỤC THIỆN	82
		43. TU HỌC	83
		44. PHÁ HÌNH DANH	86
		45. TU KHÔNG VÌ DANH	87
		46. VÀI MẪU CHUYỆN VỀ PHẠT HỮU HÌNH	88
		47. THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN	90

48. TRƯỜNG THI CÔNG QUẢ	91
49. ĐEM TRÍ LỰC RA THI THỐ	93
50. ĐÔI ĐIỀU VỀ MÊ TÍN DỊ ĐOAN	94
51. VỀ ĂN CHAY	96
52. STRESS VÀ CÁCH XỬ TRÍ	97
53. GIÁO THAI	99
54. CAO ĐÀI BIẾT BAY	100
55. KHÚC KINH TỬ HẢI CÓ NƯỚC NGỌT	101
56. VONG LINH CHIẾN SĨ TOẠI LÒNG	101
57. ĐỂ BẠN THỰC SỰ LÔI CUỐN HƠN	102
58. THẢM HỌA AIDS (SIDA) Ở THÁI LAN	105
59. DỪNG VẤN HÓA ĐỐI PHÓ GIANG HỒ	105
60. THẦN MINH	106
61. CÔNG QUẢ PHỔ ĐỘ	107
62. CẦU MƯA	108
63. THUỐC ĐỘC KHÔNG HÀ, ĐỪNG UỐNG!	109
64. HOÀNG THIÊN BẤT PHỤ HIẾU TÂM NHƠN	110
65. DANH, LỢI, TÌNH	112
66. ÔN HỌC THÁNH GIÁO	113
67. ĐẠO ĐỨC	115
68. SỨC MẠNH CỦA TÌNH THƯƠNG YÊU	116
69. YẾU TỐ THÀNH TIÊN PHẬT	118
70. MÀU XANH CỦA ĐỨC TIN	118

Lời ngỏ

Đọc báo hàng ngày, chúng ta thấy những cuộc chém giết nhau, cướp giựt, lường gạt... đủ thứ tội hình sự mà phải giựt mình: Phải chăng đây là thời mạt pháp, nên thiện không được dương, mà ác lại được phô bày, nêu gương xấu? Nhưng tôi lại tin: Đây là cơ BAO TỒN, diệt tà giữ chánh, tà phải nổi rõ lên rồi tự diệt lẫn nhau, chánh phải ẩn dưới bộ thiết giáp Đạo Đức của Thầy ban để QUI NGUYỄN bản chất THƯỜNG YÊU mà Tam Giáo gọi là “Tử Bi, Bác Ái, Nhân Nghĩa”.

Nhưng tiếc thay, còn một số người đạo cố chấp rằng Tam Giáo đã thất kỳ truyền mà không cho tín hữu mình đọc kinh sách nào khác hơn những bài đã được Hội Thánh mình ban truyền. Phải chăng, thất kỳ truyền là bao nhiêu kinh điển, lời dạy của các Đấng Giáo Chủ trước đều sai lạc và hủy hết? Như ngày nay, Hán học đã mất địa vị trong chương trình giáo dục, nhưng triết lý Nho Giáo có nên gạt bỏ hết hay cần phải hưng Nho hầu có thanh thế, phục hưng nền Đạo Đức?

Thấy việc chẳng đặng đừng, tôi tình nguyện chịu tội với Đức Giáo Tông (nếu cho rằng tôi đi sai đường lối của Ngài), dám trích lục, sưu tập ít đoạn kinh sách Đông Tây, kim cổ để tùy duyên công hiến cho đàn hậu tấn, hầu phá chấp thành kiến ngã, nhơn. Tôi chỉ mong sao có người chịu khó vui lòng đập khẽ, moi tìm trong đồng đá ngồn ngang này được ít hột kim cương để làm vốn kinh doanh đạo nghiệp của mình cho kịp lúc, là tôi mãn nguyện và xin cảm ơn.

Tôi thành thật cáo lỗi cùng quý vị tác giả, soạn giả có bài bị tôi mượn văn, trích lục vì mục đích độ đời. Kính

mong quý vị vui lòng dung thứ. Tôi trân trọng cảm đội ơn trước, và cầu nguyện Trời, Phật, Chúa ban phước lành cho quý vị trọn đời an lạc, giải thoát bản ngã, chứng quả Niết Bàn, hay về Thiên Quốc.

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nhờ Ôn Trên bổ báo phước lành cho nhơn sanh phá chấp ngã, kịp qua ngươn Đại Đồng Thánh Đức.

Ngọc Tâm Thanh

1. TÔN CHỈ ĐẠI ĐẠO

Chủ Nhật, 06-12-1926 (02-11 Bình Dân)

Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài giáo đạo Nam Phương.

Hỉ chư môn đệ, chư ái nữ, chư nhu, chư tín nữ.

Chư nhu nghe.

Ta vì lòng đại từ đại bi, vẫn lấy đức háo sanh mà dựng nên mỗi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tôn chỉ để vớt những kẻ hữu phần vào nơi địa vị cao thượng, để tránh khỏi số mạng luân hồi và nâng những kẻ tánh đức bước vào cõi nhân, cao hơn phẩm hèn khó ở nơi trần thế này.

Than ôi! Điều vui sướng lao trần chẳng ai buộc mà nhiều kẻ tìm tới, mỗi đạo đức trau thân là phương châm thoát tục mà lắm kẻ trốn lánh, bài bác mỗi Đạo Trời, khoa môi, uốn lưỡi, mà tưởng cho mình hơn đặng các phẩm nhơn sanh, chớ chẳng dè là một hình phạt rất nặng nề đã chực chúng nó nơi chốn A Tỳ. Ai đặng phước thêm cao trọng, ai vô phần thì trí não vẫn mơ hồ, nét hạnh đời càng mê muội. Biết biết, không không, luật Trời đã định, phần công quả trả cho rồi thì cảnh u nhân là nơi rước khách tục trong lúc chung quy đó...

Sanh nhằm đời có một Đạo chánh chẳng phải dễ, mà bước lên con đường chông gai, lần vào non thăm kiếm ngọc lại càng khó. Khó dễ nơi lòng. Chớ đem thói ám muội mơ hồ vào đường đạo đức, sau ăn năn rất muộn.

(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, bản in 1964, tr. 64-65.)

Bàn thêm. Chúng ta thường nghe đàn anh dạy: Tôn chỉ Đại Đạo là quy Tam Giáo hiệp Ngũ Chi, thực hành chủ

nghĩa từ bi, bác ái. Tôi tưởng câu này dạy những vị tánh đức thánh tâm, trong 92 ức linh căn còn sót lại sau hai kỳ phổ độ trước, chưa làm xong sứ mạng “hành đạo độ đời giúp chúng sanh” như lời Mẹ dạy.

Thầy mở Đạo kỳ ba này để độ rồi kẻ tội lỗi, cũng là tạo cơ hội nâng các vị tiên bối nhớ lại căn xưa mà lo tự lập vị cho mình, chớ Thầy không bồng ẵm lên đặng. Vậy ta có phần vào Đạo rồi thì phải thường xét lại biết mình là ai mà cùng bạn tri âm, tri kỷ tùy hỷ nhắc nhau giữ gìn luật Đạo, tập hành tam công, mở lòng tứ vô lượng, mới hy vọng tự giải thoát trở về quê cũ chôn Thượng Đỉnh, kéo Thầy Mẹ đội trông.

Phải quyết tâm tin tưởng vào lượng từ bi dưỡng dục quần sanh của Thầy. Chớ đừng đem dạ mơ hồ vào đường đạo mà sau phải ăn năn không kịp.

2. CẬN TỬ NGHIỆP

Đức Phật dạy rằng nếu nghiệp của chấp tư tưởng cuối cùng trước khi chết ở vào lộ trình hạ đặng và bị chi phối bởi các độc tố tham, sân, si, thì cái nghiệp tiếp tục theo đó hiển nhiên phải thuộc chính tâm này. Nói cách khác: Tái sanh làm con vật hay sanh vào cảnh giới thấp kém hơn, đều có nguyên nhân của nó... Lãnh hội và chấp nhận có tái sanh nghĩa là thừa nhận rằng tất cả đều là bạn đồng hành trong cuộc trường du sinh tử, tất cả đều chịu dưới quyền một định luật của vũ trụ và những qui tắc cơ bản. Tất cả đều là huynh đệ trong biển đời luân hồi sanh tử.

(Theo Bạn Tin Có Tái Sanh, của K. Sridhamma Nanda)

Bàn thêm. Tất cả muôn loài đều là anh em con chung một Cha Trời, nên phải thương yêu nhau, nương cậy nhau, hy sinh cho nhau, diu nhau tấn hóa đến Chân, Thiện, Mỹ

cùng Lạc Cảnh cho Đấng Cha chung được đỡ nhọc, là báo hiếu thiêng liêng, vừa cứu độ cứu huyền thất tổ của ta, từ vô lượng kiếp, đang tái sinh trong nhơn loại ngày nay.

Cận tử nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp đến kiếp tái sinh, nên nhiều kinh Phật khuyên chúng ta: Khi trong thân thuộc có người đau hấp hối nên phân phiến nhau, hay rước ban hộ niệm, đến bên giường, ngày đêm niệm Phật, đọc kinh trợ duyên cho chấp tư tưởng cuối cùng của vong được hướng về Đạo, về đường thiện. Ta cũng nên phóng tư tưởng lành cầu nguyện Ôn Trên giúp cho vong được sáng suốt nương theo chư Thần hướng dẫn về cõi thọ, ở yên tu tiếp. Tuyệt đối là đừng cho ai khóc lóc làm cho vong càng thêm bối rối hay bức mình sanh ra tư tưởng không lành. Trường hợp này chứng minh điều đó: Người chị của bà nhà tôi vừa tắt thở, các đứa con gái chị khóc rùm lên. Thằng con trai chị là bác sĩ lại nắm tóc chị giựt và kêu tên chị. Chị liền tỉnh lại nói: “Các bà bạn dẫn tao đi chùa vui quá, mà tụi bây kêu réo thảm thiết cho tao phải trở về đây”. Rồi một lúc sau chị cũng đi, mà gương mặt thấy kém vui.

Tôi tưởng: Không chờ cho cha mẹ hấp hối mới lo hộ niệm, e vong không đủ sức tự giác kịp, nếu trọn đời người không được con cháu trợ duyên cho nghe đạo lý, tưởng đến Trời Phật hay Chúa. Nhứt là những người đang đau ốm, con cháu cũng không biết làm lành, cầu nguyện hồi hướng công đức giải nghiệp cho người, mà lại sanh nạnh, giành ăn, cãi lộn nhau, hay than nghèo, than khổ, trước mặt người đau, thì khi chết cầu siêu vẫn vô ích.

3. CHỨNG NHÂN VỀ SỰ TÁI SANH: MICHEL CROSTON

Michel Croston sinh tại Liverpool thuộc Anh Quốc. Khi cậu 11 tuổi, lần đầu tiên đi viếng quê hương của mình trên hoang địa Yorkshire, cậu chưa từng đặt chân đến một nơi nào trong thành phố này trước đây... Tuy nhiên lúc cha mẹ cậu cho xe đi dọc theo con đường nhỏ hẹp dường như cậu đã biết từng khúc quanh một. Thình lình màn sương dày đặc phủ xuống, cha mẹ cậu cho biết là đã lạc đường. Trước sự ngạc nhiên của họ, cậu bé dẫn họ đến nơi sở định. Một ngôi trại cô đơn, chỉ có thể đến được bằng nhiều ngõ hậu và nhiều chặng rẽ quanh dễ lẫn lộn, cậu bé Croston không thể giải thích được làm thế nào mà cậu biết đường.

Đêm đó, tại căn nhà trại, cha mẹ và cậu của cậu nói chuyện về ông ngoại của cậu. Cậu lắng nghe cẩn thận và cậu đã nhận ra những biến cố mà họ đã bàn luận. Suốt chiều hôm ấy, cái tri thức bắt đầu trực tình lại rằng: *Chính cậu là ông ngoại cậu trước kia.*

Sáng hôm sau cậu Michel mang một con ngựa trong trại ra cưỡi một cách tự nhiên, không cần một sự cố gắng nào, mặc dù trước đây cậu chưa từng cưỡi ngựa. Vào đêm thứ hai cậu Michel không hề ngủ được. Không biết cái gì ở quanh chuồng đồng hồ quả lắc làm bằng gỗ, đặt dưới thang lầu trong nhà trại đã quấy rầy cậu.

Sau này cậu viết trong quyển nhật ký của cậu: “Tôi cảm thấy dường như tôi đang nhớ lại một điều gì. Bấy giờ đồng hồ đã điếm 11 giờ, thình lình tôi nhớ ra, chạy vội xuống cầu thang, lần tay lên mặt sau chiếc đồng hồ cũ kỹ, ngón tay chạm phải chiếc lò xo bí mật, rồi tấm chắn nhỏ bật ra. Một hộp thiếc lớn mở sẵn, bên trong rất nhiều giấy bạc.” Cậu Michel đã khám phá ra món tiền dành dụm của cả

cuộc đời ông ngoại cậu.

Bàn thêm. Ông ngoại cậu trước kia không biết xài tiền để làm việc thiện, nên tích trữ, giấu đi. Khi chết rồi hồn còn tiếc của trần, nên phải trở lại làm con của con mình, để có dịp về nhà cũ lấy lại của giấu. Trong truyện tích nhà Phật cũng có kể: Một bà mẹ chôn của dưới gầm giường, chết rồi phải đầu thai trở lại làm chó nằm dưới gầm giường giữ của đó cho con.

Ta không nên sát hại thú cầm, hiếp đáp đồng loại, mắng chửi con cháu vì biết đâu từ vô lượng kiếp trước, những linh hồn đó chẳng đã là cha mẹ, ông bà của ta.

4. CHỨNG NHÂN VỀ SỰ TÁI SANH: GNANATILLAKA

Gnanatillaka là tên của một cô bé, sanh ngày 14-02-1956 ở đảo Kotamale, thuộc xứ Tích Lan. Trường hợp này xảy ra vào năm 1960, khi cô chỉ bốn tuổi rưỡi. Bấy giờ cô bảo cha mẹ cô: “Con muốn gặp cha mẹ con.”

“Thì cha mẹ con ở đây rồi!” Bà mẹ đáp.

“Không!” Cô Gnanatillaka quả quyết. “Con muốn gặp cha mẹ thực của con. Con sẽ chỉ ba má biết nơi họ đang sống, xin đưa con đến đó đi!”

Cô giải thích cho cha mẹ cô biết đường đến ngôi nhà mà cha mẹ thực của cô đang sống. Căn nhà ấy tọa lạc gần vùng trà Talawekele, cách nơi họ đang ở khoảng 20 dặm. Cha mẹ cô không hiểu gì về câu chuyện lạ lùng của đứa con gái họ. Ngày tháng trôi qua, cô Gnanatillaka tiếp tục xin đi thăm cha mẹ thực của cô.

Chẳng bao lâu chuyện ấy lan truyền khắp nơi. Một vài giảng sư thuộc Đại Học Đường Tích Lan và Đại Đức Piyafasi đến nơi để tìm hiểu về câu chuyện ấy. Họ quyết

định nghiên cứu và lắng nghe cô ấy thuật lại câu chuyện hồi cô còn là một cậu bé mang tên Tilakaratna. Họ đã ghi chép tất cả mọi chi tiết...

Dựa theo lời chỉ dẫn của cô, họ theo cô đến viếng ngôi nhà mà cô diễn tả. Gnanatillaka chưa từng bao giờ đến viếng thăm nhà đó trong kiếp hiện tại của cô, cũng chẳng hề bước chân đến vùng đất có căn nhà này. Lại nữa hai gia đình này chưa có một mối liên quan mật thiết gì với nhau mà cũng chẳng biết gì về đời sống của nhau.

Khi mọi người đều bước vào nhà rồi Gnanatillaka giới thiệu cha mẹ thực của mình cho các vị giảng sư ấy biết. Đoạn cô giới thiệu anh chị và em trai, em gái. Cô còn gọi đúng tên thân mật của từng người anh, chị, em cô.

Cha mẹ kiếp trước của cô được mời tới, họ diễn tả tính tình và thói quen của đứa con trai họ đã qua đời vào ngày 09-12-1945. Khi cô thấy người em trai kiếp trước, cô tăng lờ không nhìn mà cũng không nói chuyện với nó nữa. Cha mẹ kiếp trước của cô giải thích rằng hai anh em nó luôn luôn đánh lộn và cãi nhau. Có lẽ Gnanatillaka vẫn còn giữ mối ác cảm từ kiếp trước.

Khi thầy giáo trong ngôi trường thuộc địa phương này nghe câu chuyện ấy, ông đến ngay căn nhà đó để xem cho tận mắt. Ông bước vào nhà thì cô giới thiệu ông là thầy của cô. Cô còn có thể nhớ lại những bài học và bài tập mà thầy giáo đã cho cô làm khi cô là cậu trai kiếp trước.

Câu chuyện cô Gnanatillaka chẳng bao lâu lan rộng ra. Một nhà sư tâm chuyên nghiệp về các trường hợp tái sanh là tiến sĩ Slan Stevannon của Đại Học Virginia từ Mỹ Quốc bay sang Tích Lan để tìm hiểu trường hợp này. Sau khi nghiên cứu ông cho biết rằng trường hợp này là một trong những trường hợp hy hữu nhất đối với tái sanh về hai phương diện: vừa chi tiết rõ rệt, vừa có tánh cách tâm

lý.

Quyển sách lý thú bàn về trường hợp của cô đã được phát hành bằng ngôn ngữ Sinnala tại Tích Lan.

Bàn thêm. Tánh bẩm sinh là cái nghiệp tiền kiếp chưa giải dứt. Kiến thức thông minh là nhờ kiếp trước có học và biết kính trọng kinh sách thánh hiền. U tối là vì kiếp trước không kính thầy, hủy hoại kinh sách. Nhớ từng chi tiết là có lẽ nhờ ít tội được mau đi đầu thai.

5. GƯƠNG CHUYỂN SANH ĐỜI TÙY (TRUNG QUỐC)

Trong *Minh Báo Ký* 冥報記 (chép chuyện báo ứng cõi U Minh) có chép một chuyện chuyển sanh như sau: Hối niên hiệu Khai Hoàng 開皇 đời vua Tùy Văn Đế 隋文帝 (581-604), ở đất Đắc Lăng (Trung Quốc) có một người tên là Thôi Ngạn Võ làm chức thứ sử tại trấn Ngụy Châu. Một ngày kia ông được lệnh đi tuần khắp các miền trong trấn. Vừa đến một ấp nọ, thành linh ông có vẽ kinh ngạc. Rồi một hồi lâu, ông đổi ra sắc mặt vui mừng, liền dừng ngựa lại mà trầm ngâm, dường như ông nhớ lại một việc đã quên từ lâu vậy. Ông bèn kêu người theo hầu mà nói rằng: Kiếp trước ta là một người đàn bà sanh trưởng ở ấp này, và ta có nhớ lại cảnh gia đình của ta hồi đó nữa. Nay nhân dịp ta đi ngang qua đây, thì cũng nên đến thăm nhà cũ cảnh xưa luôn thể.

Khi đến trước sân, Thôi Ngạn Võ xuống ngựa bảo kẻ theo hầu vào gõ cửa nhà kêu, thì thấy một ông già râu tóc bạc trắng như tuyết và coi có vẻ đạo mạo bước ra mừng quan thứ sử rồi mời vào. Thôi Ngạn Võ đi thẳng vô phòng khách ngồi chuyện vãn một hồi, rồi xin phép đi vào nhà sau mà xem. Khi đến chỗ kia, thì ông giơ tay chỉ vào tấm tường phía đông cao khỏi mặt đất chừng vài thước mà nói:

“Chính chỗ này là nơi hồi trước, tôi có đặt một cái bàn để thờ Phật và tụng kinh. Còn ở trong vách tường đây, thì khi còn sanh thời, tôi có cạy lấy ra vài cục gạch, giấu vào đó năm cây trâm vàng với một cái hộp đựng Kinh Pháp Hoa đủ bảy cuốn, mà cuốn thứ bảy bị cháy hết vài chữ ở trang chót. Song vì thân thể vô thường, vừa mắc cơn bạo bệnh thì đã vội trút linh hồn, bước sang cõi đời khác.” Ông chủ nhà nghe nói, hai hàng lệ trào ra khoe mắt. Ông bèn mời quan thứ sử trở ra phòng khách mà dùng trà. Rồi kêu kẻ gia đình bảo lại đục vách tường coi quả như vậy không. Chừng một lúc lâu, bọn gia đình đem ra năm cây trâm vàng với cái hộp bằng cây đã bị vội hồ dính mốc trắng. Trong hộp có bảy quyển Pháp Hoa, mà cuốn thứ bảy quả bị cháy vài chữ nơi trang chót.

Trên gương mặt ông chủ nhà bỗng ra vẻ thảm sầu, đôi hàng nước mắt chảy tuôn ướt cả hai má hóp. Thôi Ngạn Võ thấy cảnh tượng ông chủ nhà như vậy thì cùng ngậm ngùi, thâm sa nước mắt và ngồi làm thinh, tỏ ý xót chia nỗi đoạn trường ấy. Thôi Ngạn Võ lại lấy ra vàng bạc với y phục để mặc ấm mà tặng cho ông dưỡng già rồi tỏ vài lời xin giã từ về Ngụy Châu.

6. CHUYỆN CHUYỂN SANH Ở CÀ MAU

Ở Cà Mau cách đây khoảng nửa thế kỷ, có một câu chuyện lạ lùng đã làm dư luận bàn tán xôn xao. Ở làng Tân Việt, xứ Đầm Dơi, ông Cả Hiền có một cô gái mới 19 tuổi lâm bệnh rồi chết. Cách đó độ 100km ông Hương Thừa ở làng Vĩnh Mỹ (Bạc Liêu) cũng có cô con gái mới đau rồi chết, nhưng sống lại. Khi sống lại, cô này nhìn không biết cha mẹ và nói những chuyện đầu đầu. Cha mẹ cô tưởng là cô đau nên lãng trí nói bậy. Nhưng khi cô lành mạnh hẳn, cô lại khóc lóc, một hai đời về nhà ông Cả Hiền

và nói tên làng, tổng rõ ràng nữa. Vợ chồng ông Cả và con cái nghe được đều đến xem thật hư. Khi mọi người đến nơi, cô gái chạy ngay đến ôm ông Cả, bà Cả khóc kể. Rồi cô thuật lại những việc đã xảy ra trong nhà ông Cả không sai mấy may. Vợ chồng ông Cả tuy thấy xác cô gái này không phải con mình, nhưng về tinh thần lại chính là con mình nên đều thương yêu và công nhận là con. Về sau cô hưởng được hai phần gia tài của hai bên cha mẹ.

7. CHUYỆN ĐẦU THAI BÁO OÁN

Chuyện dưới đây là loại đầu thai báo oán. Báo *Revue des Deux Mondes* đã thuật năm 1889, ký tên nhà thần học Roux.

Bác Traveed buồn lắm, vợ đã hai lần sanh nở, song toàn hữu sanh vô dưỡng. Đứa thứ nhất tắt thở sau khi lọt lòng ba giờ. Đứa thứ hai chết sau một giờ chào đời. Cho nên bây giờ vợ bác sắp đến kỳ sanh, trong lòng lo lắng lắm.

Nhưng lần này thằng bé sống. Trông nó mạnh lắm. Hai vợ chồng đặt tên nó là Paul. Paul đi học nhanh hơn mọi người. Bác Traveed đặc chí dắt con đi chơi phố. Bác mang sẵn tiền định mua thưởng cho Paul một món quà nó thích. Nó không thích xe đạp, mà cũng không thích sách. Nó chỉ thích mua một con dao nhọn cán ngà... Chiều ý con, bác bỏ tiền ra mua con dao, song bác không vui. Paul thì thích lắm, cầm con dao nhọn múa vung lên như võ sĩ cao cường.

Thế rồi một hôm, ngồi bên mẹ, Paul chột hỏi: “Mẹ ơi, cây dừa bên hông nhà ta đâu rồi?”

“Cha con chặt mất rồi.”

“Tại sao lại chặt hờ mẹ?”

“Vì có nhiều tên trộm leo cây dừa ấy để vào nhà.”

“Trong những tên trộm đó, có một đứa tên Jainqueville bị chém chết ở gốc dừa ấy, phải không mẹ?”

“Ai nói cho con chuyện ấy? Đã mười năm nay nào ai nhắc đến chuyện ấy đâu?”

“Vâng, mẹ à, đúng mười năm trước Jainqueville bị chém hồi 12 giờ đêm, ngày 12-3-1877.”

Bác Traveed gái giựt mình kinh sợ, nhìn con và nhận thấy vài nét khác thường trên mặt nó. Bà nói lảng: “Chuyện ấy đã lâu rồi. Bây giờ con đi học bài đi!”

Lại một hôm thằng Paul hỏi cha: “Cha này, tên trộm Jainqueville có một cái sẹo ở đùi phải không?”

“Phải, nhưng sao con biết?”

“Tự con nghĩ thế, nhưng này, con cũng có vết sẹo ở đùi.”

“Đâu đâu?”

Thằng bé vạch đùi ra. Bác trông thấy mặt con cũng phẳng phất đôi nét của tên trộm Jainqueville bị bác giết.

Bác Traveed bèn cho Paul vào trường học, mỗi năm về nhà thăm hai lần. Mỗi lần về nhà như thế, thằng Paul lãnh đạm với bố. Nó ăn cơm một mình rồi lại mang dao ra chơi. Hết ngày hôm ấy lại vào trường học. Cho đến chiều 12-3 Paul lên chín tuổi, vào khoảng 9 giờ đêm, tự nhiên nó về nhà. Bác Traveed gái ôm nó vào lòng hỏi: “Làm sao con phải bỏ trường đi về?”

Paul gục trên vai mẹ khóc rung rức. Nó ngập ngừng: “Cha thuê người giết con.”

Người đàn bà rú lên một tiếng. Paul càng khóc già. Mẹ nó dô: “Con nằm đây thôi. Thật cha con không có dã tâm ấy đâu con ạ!”

“Con không nhầm đâu. Đây, tờ giấy của cha viết cho

người đầu bếp ở trường, nhờ hẩn đầu độc con. Mẹ cầm lấy mà xem.” Paul rút tờ giấy đưa cho mẹ. Paul hỏi: “Bây giờ cha con ở đâu?”

“Cha con ở trên gác, buồng bên phải.”

“Cha con có khóa cửa không?”

“Nhưng con ở đây với mẹ. Không cần gặp cha con tới hôm nay nữa.”

Paul nghe lời nằm bên cạnh. Vào khoảng giữa đêm, Bác Traveed gái chột tỉnh giấc, thấy vắng Paul. Cửa phòng thì mở. Ngay lúc ấy trên gác có tiếng động mạnh, bác vội vàng chạy lên. Cửa buồng ngủ chồng bác đóng chặt, có tiếng ằng ặc như ai giãy chết. Như điên cuồng, bác ta hô hoảng gọi người nhà lên, cùng phá cửa vào. Bác thấy chồng nằm trên vũng máu, ngực bị hai nhát dao. Cạnh đó, Paul cũng là cái xác chết mắt trợn ngược. Bác Traveed gái rung rung nước mắt, sợ cho cái hình phạt của Hoàng Thiên, cúi đầu không khóc ra tiếng.

(Theo Tiêu Liên, *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*, số 393, ngày 27-12-1942)

Bàn thêm. Kiếp trước hai người có tình cảm khăng khít, hay có hận thù sâu đậm phải tìm nhau kiếp này để trả quả. Như trường hợp trên đây, nếu người cha biết đạo, sớm ăn năn sám hối, thành tâm cầu siêu cho vong linh tên trộm, và khi nhận thấy quả đã đến tận mắt, thì phải thành thật hối lỗi, thân thiết với con, lấy ân báo oán, nuôi dạy con chu đáo. Cha diu con vào đạo để cùng giải nghiệp cho nhau. Đàng này ông cha chưa đoái công chuộc tội, lại ngoan cố gây thêm tội ác, thì tránh sao khỏi luật trả vay, vay trả truyền kiếp. Tiếc thay, người không biết đạo chỉ sợ quả mà không biết tránh nhơn, nên trọn đời họ không biết làm lành.

Ngày nay có người cho tôi biết là đã bị cha mình bỏ ngải cho chết. Nhưng y nhờ có làm nhiều việc phước đức lớn nên được người đạo Cao Đài trước kia có học cách giải trừ đã giúp cho hai vợ chồng được sống sót.

Tôi không tin, nhưng trước sự xác tín của y, quyết nhớ mối thù này tới chết đem theo, tôi phải giải thích: Nếu quả thực cha mình có ý hại mình, thì đó cũng là nghiệp quả phải trả thôi. Biết đâu kiếp trước y đã giết người, nên kiếp này y phải đầu thai vào nhà người để có dịp cho người hại lại. Y nên nghĩ rằng nợ đã trả xong mà vui bỏ qua cho nhẹ nhàng tâm trí. Lỗi phải về ai thì hãy để Ông Trên công bình phân xử. Bỏn phận làm con không nên nghi ngờ oán trách cha. Khoe việc lành trước của mình, nhờ nó mà khỏi chết vì bị bỏ ngải, rồi tự đắc sanh kiêu, không vui phấn khởi làm lành tích cực hơn nữa, thì thực là mê muội, e phải bị thoái hóa, đáng tiếc thay!

8. CHUYỆN NHÂN QUẢ BÁO ỨNG

Trụ trì chùa Bích Liên ở Quảng Nam là sư cụ Huyền Quang, năm nay 90 tuổi, nhưng tinh thần tốt lắm, nhưt là mặt đạo hạnh thì thật là tấm gương sáng trong cửa thiền. Là một điều, về mặt kinh kệ, cụ không được uyên bác như các vị sa môn khác.

Nguyên cụ là một người lính (tạm gọi theo pháp danh là Huyền Quang). Lúc Tây mới qua, trong xứ ta không được yên ổn. Ở biên giới phía Bắc thường bị bọn giặc khách quấy nhiễu. Chúng tụ tập ở trong núi, rồi thỉnh thoảng kéo ra đánh cướp. Vì thế nên chánh quyền phải cho lính đóng đồn ở biên giới ấy để canh giữ. Huyền Quang bấy giờ là lính được đỏi đi Móng Cái cùng với một toán quân do viên quan hai người Pháp chỉ huy.

Gần đồn Huyện Quang đóng có bà già góa chồng, tuổi ngoài 60, nghèo nàn hết sức, sống bằng cái nghề buôn bán kiếm lời từng cắc, từng xu. Trong đồn có người lính tên Lợi, rất can rỡ, rất điêu ngoa. Thường bà già ấy đem đồ đến bán thì Huyện Quang cũng như các lính khác đều ra mua. Ngày một ngày hai, đôi bên thành ra quen thuộc. Sự buôn bán cũng từ chỗ quen thuộc ấy mà sanh ra thiếu đủ cùng nhau. Nhưng bà ấy là một người nghèo, đồng vốn của bà chính là tiền vay nợ góp của người khác.

Một hôm thành lính nghe có lệnh chuyển quân, bà liền tới trước cửa đồn để đón thân chủ của mình đòi món nợ cũ. Người đôi ba cắc, kẻ một đồng. Huyện Quang biến đâu không thấy, còn Lợi mãi đến nhá nhem tối mới trả một đồng bạc. Bà cầm đồng bạc ấy về mau mau đem trả người cho vay tiền góp. Than ôi, đó là đồng bạc giả. Chủ nợ mắng nhiếc bà thậm tệ, hăm he bắt bà giải quan vì tội tiêu tiền giả. Bà nghe vậy uất quá, tên Lợi đi xa rồi, lấy tiền đâu trả cho người ta. Đành rằng bán hết đồ đạc trong nhà đi thì cũng có thể lo kham được, nhưng sẽ lấy gì mà sống? Nghĩ đi nghĩ lại chỉ còn có nước chết mà thôi. Bà liền cởi dây lưng treo cổ mình lên cây trính. Bỗng đâu Huyện Quang bên ngoài xô cửa bước vào. Huyện Quang lật đật nhắc hông chân bà lên, rồi cởi dây đỡ cho bà nằm xuống giường, chạy đi kiếm nước gừng đổ cho bà tỉnh lại. Bà nhìn Huyện Quang khóc nức nở, nói không ra tiếng. Huyện Quang thấy vậy mới hỏi nguyên do. Bà vừa khóc vừa kể lại chuyện tên Lợi làm và nông nỗi của mình nghèo khổ, chủ nợ hăm he. Huyện Quang nghe vậy động lòng nhơn, liền móc lưng lấy ra một đồng với mấy cắc đưa hết cho bà mà rằng: “Cái đồng bạc của anh Lợi đâu, đưa tôi tìm ảnh đổi lại. Còn bây giờ tôi đưa đồng bạc của tôi đây cho bà.” Thế là bà ấy thoát khỏi thần chết.

Tốp lính kia thì cứ vâng lệnh trên mà kéo ra mặt trận

Lào Cai. Không ngờ, toán quân ấy đang quanh co men theo đường núi, bỗng bị quân địch núp trong hốc đá bắn vãi ra. Tên Lợi là người trước nhứt ngã nhào xuống đất và Huyện Quang cũng trúng đạn ngã theo. May sao có cứu viện kéo tới đánh lui được bọn giặc và chở các người tử thương về trại. Lạ thay, Huyện Quang lần hồi tỉnh lại. Thầy thuốc xem xét khắp người Huyện Quang không có vết thương nào cả. Khi khám tới túi áo Huyện Quang thấy có dấu đạn. Lật đật cởi áo ra coi thì đồng bạc ở túi áo văng ra lăn tròn xuống đất. Huyện Quang lượm lên, thấy nó bị lõm sâu một lỗ. Đồng bạc giả kia chính là cái bia đỡ cho Huyện Quang viên đạn ấy.

Về sau Huyện Quang liền xin thôi lính, xuống tóc đi tu.

(Theo Đào Thiệu Thuật, báo *Sài Gòn*, ngày 16-4-1939)

Bàn thêm. Có tích một hàn sĩ vắc lều chõng đi thi, được thầy tướng số danh tiếng cho biết sẽ chết trước khi tới trường, và khuyên anh hãy trở về. Thế mà anh cương quyết đi tiếp và thi đỗ. Chuyển vinh qui anh lại gặp thầy tướng số. Thầy hỏi anh có làm việc gì phước lớn không. Anh nói không có. Ông quả quyết rằng ông đoán chưa hề sai, thì anh mới nhớ lại: Có vót một nhánh cây bần bị gió bão làm gãy trôi sông, vì thấy tội nghiệp đàn kiến đang bò lúc nhúc trên đó. Cứu mấy con kiến còn được phước báo hưởng gì cứu độ một người thoát nạn, hay khỏi bệnh. Vậy chúng ta đừng chê việc phước nhỏ mà không làm. Phước nhỏ lớn là do tâm mình làm lành vì trắc ẩn hay vì háo danh, vị kỷ.

9. SỰ TÍCH NHÀ BÈ

Ngày xưa ở Gia Định có một người tên là Thủ Hoàng, dân chúng thường gọi là Thủ Huồng, xuất thân làm thợ lại. Trong hai mươi năm luôn lọt trong các nha, ty, hấn đã làm cho biết bao gia đình tan nát, biết bao người oan uổng. Nhờ đó hấn vợ vét biết bao tiền của. Vợ chết sớm lại không con, nên tiền bạc của hấn không biết tiêu đâu cho hết. Khi thấy cuộc sống quá thừa thãi, hấn bèn thôi việc về nhà sống đời trưởng giả.

Một hôm có người mách cho Thủ Huồng biết chợ Mãnh Ma ở Quảng Yên là chỗ người sống và người chết có thể gặp nhau vào nửa đêm ngày mùng một tháng Sáu hàng năm. Thủ Huồng rất yêu vợ. Vợ đã chết ngoài mười năm nhưng hấn không lúc nào quên. Hấn quyết đi tìm vợ nên giao nhà cửa lại cho bà con coi dùm, rồi lên đường ra Quảng Yên.

Khi gặp vợ, Thủ Huồng không dám hỏi vì thấy vợ ăn mặc rất đài các. Sau cùng, người đàn bà ấy cũng nhận ra được chồng. Thủ Huồng mừng quá vội dắt vợ ra một chỗ, kể cho vợ nghe cảnh sống của mình từ lúc âm dương cách biệt. Rồi hấn hỏi: “Mình lâu nay làm gì?” Đáp: “Tôi làm vú nuôi trong cung vua.”

Thủ Huồng muốn theo vợ xuống âm phủ chơi. Vợ đồng ý. Thủ Huồng cùng vợ đi qua mấy dặm đường tối mịt. Chả mấy chốc đã tới cõi âm. Hấn rùng mình khi lọt qua bao nhiêu cổng trước lúc vào trong Diêm Đình. Ở mỗi cổng đều có một tên quỷ gác, mặt mày gớm ghiếc dữ tợn. Nhờ có vợ nên chỗ nào cũng lọt qua được.

Đến gian nhà bếp, vợ hấn bảo: “Đây là nhà bếp, đằng kia là nhà ngục, trước mặt là cung hoàng hậu, chỗ tôi túc trực hàng ngày. Qua khỏi chỗ này là cung vua. Cứ ần tạm

trong buồng vắng này vì không thể lên trên kia được.” Chiều hôm đó, người vợ đi hầu hoàng hậu về trao cho Thủ Huồng một tờ lệnh được phép đi xem mọi nơi, trừ cung vua và cung hoàng hậu.

Hấn dạo quanh đây đó, đến nhà ngục. Tiếng kêu khóc, tiếng thét la ở trong ngục vang dội làm cho hấn bồn chồn. Qua mấy nơi quỷ sứ mổ bụng, móc mắt, cắt tay hấn thấy nơi đây quả là nơi trả báo những tội lỗi của con người ở trần thế, đúng như lời đồn. Sau cái bàn xẻo thịt là một kho gông. Trong đó có một cái gông vừa to vừa dài.

Thủ Huồng lân la hỏi người cai ngục: “Thứ gông này để làm gì?” Đáp: “Để chờ một thằng ác nghiệt trên trần gian xuống đây. Bao nhiêu cái gông đều có chủ cả. Cứ xem gông to hay nhỏ thì biết tội ác của nó.”

Thủ Huồng lại hỏi: “Thế cái gông này là của ai vậy?” Cai ngục giở cuốn sổ dày tra tên và chỉ vào hàng chữ đọc: “Võ Thủ Hoàng, tục danh là Thủ Huồng, nguyên quán tại Đại Nam quốc, Gia Định tỉnh, Phúc Chính huyện...” Nghe nói tên mình, Thủ Huồng giật mình, mặt xám ngắt.

Lát sau hấn lấy được bình tĩnh, hỏi tiếp: “Hấn ở trần gian có tội gì?” Cai ngục nhìn vào sổ nói: “Khi làm thợ lại hấn bẻ mặt ra trái, làm bao nhiêu việc oan khốc, đến nỗi tội ác hấn chép kín cả mấy trang giấy đây. Năm Ất Sửu, hấn sửa hai chữ ngộ sát thành cô sát làm cho mẹ con Thị Nhãn bị chết, để cho người anh họ chiếm đoạt gia tài. Việc này Thủ Huồng được mười nén vàng, mười nén bạc, một trăm quan tiền. Cũng trong năm đó hấn làm ông Ngô Lại ở thôn Bình Ca bị hai năm tội đồ chỉ vì trong nhà có cái áo vải vàng, để đoạt không của ông ta mười hai mẫu ruộng.”

Thủ Huồng sợ tái mặt, không ngờ nhứt nhứt mỗi việc, từ nhỏ đến lớn của mình trên thế gian dưới này đều rõ mồn một. Thủ Huồng hỏi sang chuyện khác: “Thế vợ hấn có

đeo gông không ông?” Đáp: “Ồ, ai làm nấy chịu. Vợ hấn nghe đâu là người tốt đã xuống đây rồi.” Thủ Huồng lại hỏi: “Nhu hấn muốn hỏi cái có được không?” Cai ngục đáp: “Đã vay thì phải trả. Nếu hấn muốn thì phải đem những thứ của cải đã cướp được bỏ thí cho hết đi.”

Từ biệt cai ngục với những nơi tra khảo tội nhơn khủng khiếp, Thủ Huồng không còn bụng dạ nào để đi xem nơi khác nữa. Vợ nghe chồng đòi về bèn đưa ra khỏi Diêm Đình và tiễn đến cuối đoạn đường tối tăm mù mịt. Lúc chia tay hấn bảo vợ: “Tôi về trang trại công nợ, có lẽ ba năm nữa, tôi xuống. Minh nhớ lên đón tôi nghe!”

Về đến Gia Định, Thủ Huồng mạnh tay bố thí. Hấn tập hợp người nghèo khó trong vùng lại phát cho họ tiền, lúa. Hấn đem ruộng đất của mình hiến cho làng, cho chùa, chia cho họ hàng thôn xóm. Hấn mời hầu hết sư sãi các chùa quanh vùng tới nhà mình cúng cơm tốn kém kể tiền vạn. Cứ như thế, ba năm Thủ Huồng tính ra đã phát tán được ba phần tư cơ nghiệp. Nhớ lời hẹn hấn khăn gói lên đường ra Bắc, đến chợ Mãn Ma. Hấn lại được vợ đưa xuống cũi âm lần nữa. Lần này mục đích chính của Thủ Huồng là đến chỗ cũ xem lại cái gông.

Tại nhà ngục, Thủ Huồng thấy quang cảnh như cũ, duy chỗ kho để gông thì có ít nhiều thay đổi. Bên cạnh những cái gông còn nguyên hình xưa, có những cái gông bé nay lại lớn lên. Đặc biệt cái gông dành cho chính hấn teo lại nhiều. Thủ Huồng lân la hỏi cai ngục: “Cái gông để nơi đây, trước kia tôi nhớ hình như to lắm thì phải?” Đáp: “Đúng đấy! Có lẽ gần đây trên dương thế, thằng cha ấy biết chuộc lỗi, nên nó nhỏ lại. Nếu hấn cố gắng nữa thì rồi sẽ có phúc lớn.”

Thủ Huồng trở lại trần gian, lại tiếp tục bố thí. Lần này hấn bán tất cả những gì còn sót lại, kể cả ngôi nhà để ở.

Hấn đến Biên Hòa, dựng một ngôi chùa lớn để cúng Phật. Rồi hấn xuôi sông Đồng Nai để làm việc nghĩa cuối cùng. Từ Đồng Nai về Gia Định, đường sông Đồng Nai và sông Sài Gòn lúc đó còn hoang vu. Do vậy ghe thuyền qua lại, lỡ con nước phải dừng lại, không có quán xá, chợ búa nên rất bất tiện.

Thủ Huồng quyết định ở lại đây. Hấn kết một cái bè lớn, trên bè dựng nhà, đủ chỗ nghỉ, có sẵn nồi niêu, đồ dùng, gạo củi và mắm muối. Những thứ ấy hấn có thể dùng để tiếp rước người qua lại, nhứt là những người khốn khó lỡ đường. Hấn cho họ tạm trú trên bè năm ba ngày mà không nhận của ai một cắc. Hấn làm công việc đó mãi cho đến ngày chết.

Sau đó khá lâu, có một lần ông vua nhà Thanh (Trung Quốc) tên là Đạo Quang (1782-1850) lúc mới lên ngôi (1820) có cho sứ sang Việt Nam hỏi lai lịch một người ở Gia Định. Số là khi mới sanh, trong lòng bàn tay thái tử có mấy chữ “Đại Nam, Gia Định, Thủ Hoằng”, nên nhà vua cần biết lai lịch Thủ Hoằng. Vua Trung Quốc có cúng vào chùa Chúc Thọ ở Biên Hòa ba tượng Phật tam thế bằng gỗ trầm hương. Do việc đó người ta bảo: Thủ Huồng nhờ thành thật hối lỗi, chẳng những làm tiêu tan cái gông chờ hấn ở cũi âm, mà còn được cho đi đầu thai làm vua Trung Quốc.

Ngày nay, ở cù lao Phố (tỉnh Đồng Nai) còn có một ngôi chùa, tương truyền do Thủ Huồng lập, mang tên chùa Thủ Huồng. Con rạch chạy ngang qua đường Tân Vạn vòng qua quốc lộ 1, do chính Thủ Huồng vét nên gọi rạch Thủ Huồng. Chiếc cầu đá trên đường gần sông Đồng Nai đi Tân Vạn cũng gọi cầu Thủ Huồng, vì chính ông ta bắc cầu. Chỗ ngã ba sông Đồng Nai và sông Sài Gòn được gọi là sông Nhà Bè để ghi nhớ cái nhà bè của Thủ Huồng trên

khúc sông đó.

(Theo *Ngàn Năm Bia Miệng*, của Huỳnh Ngọc Trảng)

Bàn thêm. Thủ Huồng là một tay đại gian đại ác (cái gông của y lớn hơn hết) mà cũng không phải là hoàn toàn xấu, đến mức không còn sửa được. Y còn ít nhiều điểm tốt: (1) Tri túc, biết đủ giàu không mù quáng chạy theo danh lợi đến tận đời. (2) Vợ chết rồi cũng không ý của tự do sống buông thả, khác với thói đời năm thế bảy thiệp. (3) Can đảm mới dám thẳng tay bỏ thí để giải nghiệp.

Trông gương này chúng ta đừng bao giờ mặc cảm rằng phạm phu tu không thành mà không dám tu, sợ uổng công, tiếc của. Cũng đừng chê ai quá tệ không thể độ được, không biết tìm trong họ còn có điểm nào tốt ngoài những thói hư tật xấu. Ta cũng nên nhớ Thánh xưa có nói: *Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu*. 天網恢恢，疏而不漏. (Lưới trời lồng lộng, thưa nhưng chẳng để lọt ai.) Bao nhiêu việc làm của Thủ Huồng đều được ghi rõ nơi âm cảnh đó. Ta đừng thấy làm quấy không bị phạt nhãn tiền mà coi thường luật công bình của trời đất.

10. NHỮNG THẦN ĐỒNG

Những câu chuyện tương tự, những bằng chứng luân hồi nhân quả đã nói ở đoạn trước còn rất nhiều, không kể hết ra đây. Ngoài ra còn bao nhiêu vị thần đồng, những cậu bé có thiên tài xuất chúng rải rác trên thế giới trong lịch sử mà chúng ta thường nghe nói đến như:

Ông Blaise Pascal (1623-1662), một triết gia kiêm nhà toán học Pháp, mới bảy tuổi mà đã thông thạo môn hình học.

Ông Mạc Đĩnh Chi (1280-1346) mười hai tuổi đậu trạng nguyên.

Nhạc sĩ Mozart (1756-1791), người Áo, mới bảy tuổi đã biết đặt nhạc hòa âm.

Ông Christian Heineken vài giờ sau khi ra đời đã nói chuyện được. Khi lên một đã đọc thuộc lòng vài đoạn trong cuốn Kinh Thánh, lên hai đã trả lời tất cả những câu hỏi về địa lý, lên ba đã nói được tiếng Pháp và tiếng Latin, lên bốn đã có thể theo các lớp triết học.

Ông Stuart Mill (1806-1873), triết gia kiêm kinh tế gia Anh, lên ba đã học chữ Hy Lạp.

Ông William James Sidis (1898-1944), thần đồng Mỹ, lên hai đã đọc và viết tiếng Anh; lên tám đã nói được tiếng Pháp, Nga, Đức, một ít tiếng Latin và Hy Lạp...

Những bằng chứng rõ ràng trên, không ai có thể chối cãi được, nhưng cũng không ai có thể giải được lý do vì đâu mà có hiện tượng lạ lùng như thế. Các nhà khoa học cố gắng giải thích là do những hạch tuyến trong người các thiên tài ấy phát triển một cách nhanh chóng khác thường. Nhưng tại sao hạch tuyến chỉ phát triển trên một số người ấy thôi? Có người giải thích là do di truyền. Nhưng lời giải thích ấy cũng không làm cho ta thỏa mãn. Vì ông cha của những thần đồng ấy cũng không có gì xuất chúng. Và lại con của những vị thần đồng ấy cũng không thừa hưởng được gì của ông cha. Chỉ còn một lời giải thích duy nhất có thể đứng vững được là: Nhân lành của nhiều đời nhiều kiếp trước đã phát triển thành quả lành trong đời hiện tại.

11. LUẬT NHÂN QUẢ

Luật ở đây là thiên nhiên, luật tự nhiên, bao trùm cả vũ trụ vạn vật, chớ không nằm trong phạm vi loài người. Người ta có thể khám phá ra luật ấy, chớ không thể đặt ra luật ấy. Đức Phật cũng không chế ra luật ấy. Ngài chỉ là

người dùng trí tuệ sáng suốt của mình để vạch cho người thấy rõ ràng cái luật NHÂN QUẢ đang điều hành vũ trụ mà thôi. Luật đó phải do Đấng nào tiền định? – TRỜI.

NHÂN QUẢ. Nhân là nguyên nhân [cái ý sanh ra hành động], quả là kết quả của nhân [hậu quả]. Nhân là cái mầm, quả là cái hạt do mầm ấy phát sinh. Nhân là năng lực phát động, quả là sự thành hình của năng lực ấy. Nhân quả là một định luật tất nhiên có tương quan mật thiết với nhau và chi phối tất cả mọi sự việc. Nhân và quả không biệt lập. Cho nên khi chúng ta muốn có kết quả như thế nào đó, thì phải hội đủ điều kiện, nghĩa là hội đủ nhân duyên, thì kết quả mới như ý. Có nhiều người muốn được kết quả như thế này, lại không hội đủ nhân duyên như thế ấy, khiến kết quả phải sai khác, và do đó họ đâm ra nghi ngờ sự đúng đắn của luật nhân quả. [*Như muốn tu giải thoát phiền não, muốn hưởng Niết Bàn mà họ chỉ nhập môn, đi cúng mấy ngày sóc vọng, thỉnh thoảng đến thánh thất làm công quả ít ngày, mà thấy đã quá đủ. Không tạo thêm duyên lành, đọc kinh, nghe giáo lý, trì chí hy sinh ban vui giải khổ cho ai, thì tu bao lâu tâm mình vẫn còn thấy khổ phiền mới sanh lòng nghi hoặc, giảm đức tin.*]

Trong nhân có quả, trong quả có nhân. Chính trong cái nhân hiện tại đã hàm chứa cái quả vị lai. Cũng chính trong cái quả hiện tại đã có hình bóng của nhân sắp tới.

Một sự vật mà ta gọi là nhân, là khi nó chưa biến chuyển để hình thành trạng thái mà ta đã quan niệm. Mỗi vật đều có nhân và quả. Đối với quá khứ thì nó là quả, nhưng đối với tương lai thì nó là nhân. Nhân quả đắp đổi nhau không bao giờ dứt. [*Cách thức và quan niệm ta tiếp nhận cái quả làm thành cái nhân mới.*] Duy sự biến chuyển từ nhân ra quả có khi mau có khi chậm còn tùy hội đủ nhưn duyên ta sẽ tạo tiếp. Nếu tiếp đó ta tạo nhân

ngịch duyên, thì quả của nhân trước sẽ không thành. [*Ta giúp người nên việc là nhân lành, kể đó ta kê công mắng chửi họ, đòi họ phải phục tùng mình, thì quả lành sẽ không bao giờ tới. Ta lỡ đánh người mà sau đó ta đến năn nỉ xin lỗi thì quả ác cũng không sanh. Thủ Huồng trước đã vay nhiều, mà sau biết ăn năn đem ra bố thí trả hết lại cho chúng sanh, thì cũng tự giải nghiệp, chận được cái quả mang gông ở âm cảnh.*]

Luật nhân quả cho ta thấy thực trạng của sự vật. Do đó người học hiểu được luật nhân quả không đặt sai đức tin tưởng của mình, không mê tín cầu xin một cách vô ích, không ý lại thần quyền mà đi hỏi lộ, không lo sợ hoang mang. Không biết cuộc đời của mình là do nghiệp nhân của mình tạo, mà không tin tưởng ở mình, thì còn tin tưởng ở ai? [*Tin mình có Phật tánh, có tiềm năng Thượng Đế ẩn tàng để trì chí cố tìm phát hiện ra.*]

Lòng tự tin ấy là một sức mạnh vô cùng quý báu làm cho con người dám hành động, dám hy sinh làm điều tốt. Vì những hành động tốt ấy họ biết sẽ là những cái nhân quý báu đem lại những kết quả đẹp đẽ (xứng đáng). Người biết tin nơi luật nhân quả CHỈ SỐNG TRỌN TRONG THỰC TẠI, vui nhận những kết quả đang gặp do nhân cũ mình đã làm. [*Vui với thực tại không nhớ dĩ vãng, không thấy thời gian lâu mau. Nếu còn để ý tới thời gian thì còn phải khổ.*] Không trách ai, không thù người, oán Trời và chủ tâm làm hết khả năng việc vừa tới, không mong vọng tương lai. Trước khi giải quyết việc gì đưa tới ta nên nhắm mục đích hướng thượng tâm hóa, yêu sinh, để đoán xét hậu quả tốt xấu. Hình dung rõ ràng cái quả sẽ không hại người cũng không hại mình rồi mới trồng nhân. Phàm làm việc gì, trước phải xét kỹ hậu quả của nó.

Luật tự nhiên không phải là một luật bó buộc, mà là

một luật giúp ta hành động. Nó dạy ta biết những điều kiện nào mà ta phải giữ nếu ta muốn tạo thành hay tránh xa một cái hậu quả nhưt định. Người dốt nát mới bó tay chịu bất lực trước những luật tự nhiên. Còn nhờ sự học hỏi rộng sâu, tầm chơn lý mà ta thấu hiểu luật Trời, kiểm soát được động lực của ta sanh ra hậu tránh những kết quả không hay về sau. [*Thí dụ: Biết luật quân bình “Tồn hữu dư, bổ bất túc” (bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu) thì ta không dư trữ vật chất, khí lực quá nhiều; phải bớt tiền của, công sức, trí lực giúp người thiếu hụt để giữ mực quân bình. Không sống xa hoa hay quá sung sức khiến nổi lòng dục làm bậy, gây tai nạn bệnh hoạn cho hao bớt. Phải giữ mực khiêm nhường giản dị, đừng tự cao tự mãn se sua mà phải bị lật đổ.*]

Vậy quý bạn hãy ra công học hỏi luật Trời cho sâu rộng, quý bạn sẽ biết trong trời đất vạn vật đều theo luật thăng bằng và luật điều hòa. Nếu ta làm chình sự điều hòa, sự thăng bằng, thì tự nhiên ta bị vật phản lại để cho quân bình như cũ. Đó là thuyết thế lực quân bình (équilibre des forces) của khoa học. Và toàn thể khí lực của vũ trụ không khi nào mất hay thêm bớt [*bất tăng bất giảm, duy có chuyển biến tùy duyên, luân hồi*].

Trong lúc con người ăn uống, thì nó tiêu khí lực vô mình, rồi tự nhiên biến đổi khí lực này ra những cử động của thân thể. Trọn đời con người là cái máy biến điện, nó tiêu khí lực của vũ trụ rồi biến đổi ra việc làm lành hay dữ [*lâu lâu cabine bị nổ là tại chạy quá tải như ta dùng khí lực không điều độ*]. Kỳ trung khí lực không lạnh không dữ, cũng như điện ta dùng nấu nướng được, chạy máy móc đốt đèn được và giết người cũng được, tùy cách ta sử dụng.

Trời không buộc ta sanh trong hoàn cảnh nào cứ phải ở

trong hoàn cảnh đó. Ta phải tìm học định luật để tập thể hiện ý Trời mà tấn hóa. Hoàn cảnh tạo ra anh hùng. Trời cho ta tự do ý chí ban đầu trong phạm vi hẹp hòi, như biết dùng nó đặng giúp ích cho đời, thì cái phạm vi đó sẽ nói rộng ra dần. Các Đấng Thiêng Liêng nếu thấy ta dùng tự do ý chí làm hại chúng ta, thì các Ngài hạn chế lập tức. Cũng như một đứa nhỏ, nếu ta vịn nó mãi thì làm sao nó biết đi, ta phải cho nó đi thông thả song phải coi chừng hào hồ. Sau nó lớn khôn biết lợi hại, ta sẽ nói rộng quyền tự do của nó. Nếu chừng đó nó đi phá xóm, phá làng thì ta phải kềm giữ nó lại ngay. Những tánh tốt xấu của mình, đem theo kiếp này, tất cả đều là cái quả của kiếp trước, đó là số tiền định. Nhưng mình có quyền sửa đổi cái xấu ra cái tốt, ấy là tự do ý chí.

QUẢ NHÃN TIỀN. Chớ nghĩ lầm: *Tưởng hay muốn mà không làm thì không tội.* Người ta tưởng trước rồi mới làm sau. Có khi người ta vụt làm mà không suy nghĩ, vì tư tưởng lâu ngày đã lớn mạnh không hay và đã biến người theo hình tư tưởng đó [*có khi là tư tưởng của kiếp trước chưa được thi hành*].

Theo lời ông Charles Webster Leadbeater (1854-1934) thì gần chín mươi phần trăm những đau khổ, những khó khăn của con người bây giờ, không phải do căn quả kiếp trước mà do sự tính toán lầm lộn hoặc do lòng tham lam quá lẽ của kiếp này mà ra. Con người chưa thật biết luật nhân quả, mỗi lần quả tới thì rên siết, thở than, oán trời trách đất, hờn người giận vật, rửa hoàn cảnh, chửi mắng, đánh đập, bực dọc, chớ không chịu thành thật xét mình coi từ tư tưởng, ý muốn, lời nói và việc làm có trong sạch hay không. Vì vậy nên trong lúc trả quả cũ, lại gây quả mới, thành ra họa vô đơn chí.

NHỎI QUẢ. Những vị nào thành tâm mộ đạo, quyết

đem chơn lý giúp đời, trong lòng không còn chút háo danh hay vì tư lợi thì được Thiên Đình nhồi quả cho. Mấy vị trải qua nhiều khó khăn, tai nạn dồn dập, có khi chết một cách thảm thiết nữa. Đối với con mắt phàm thì họ là những con người đau khổ nhứt, mà đối với các Đấng Thiêng Liêng trái lại là những người hưởng hạnh phúc nhiều hơn hết. Trong một kiếp có thể trả những quả mà thường phải dùng đến 40-50 kiếp.

Bàn thêm. Cũng vậy, học sinh có xuất sắc mới được cho học một lớp đôn hai ba chương trình. Người tu thấy được Thầy cho giải càng nhiều bài khó, càng thấy trình độ tiến hóa mình cao, mà vui lòng tin tưởng, cầu nguyện định thần nhìn trở vào trong, lắng nghe tiếng nói vô thình của Thầy ngự nơi tâm mách mẹo cho phát sinh sáng kiến. Thầy không bao giờ cho bài ngoài chương trình, quá mức trung bình trong lớp cho chúng ta rớt hết đầu. Người tu đã giác ngộ sẽ thấy: Gặp nghịch cảnh là được dịp thực tập thể hiện tình thương yêu, nêu gương thí vô úy để đắc quả vị cao mà thêm vui nhận chớ không thấy khổ phải nhồi quả.

Ta tưởng: Hễ tu thì được hưởng phước, mà tiêu bớt tai nạn đi, cho nên trong lúc ăn chay niệm Phật mà bị những sự đau khổ đưa tới thì ngã lòng, không còn sốt sắng như trước. Những cuộc thử lòng nhỏ như thế mà không chịu nổi thì làm sao xả thân cứu đời như Phật Thích Ca hay đấng Christ được?

QUẢ BÁO VỀ PHƯƠNG DIỆN GIÁO DỤC. Người ta chỉ biết trả quả phần nhiều là chịu đau khổ, chớ không để đứng về phương diện giáo dục, quả báo là một ông thầy rất hay, đến dạy dỗ những điều ta còn sơ sót và cho ta những kinh nghiệm đầy đủ. Những sự trở ngại mà ta gặp trên đường đời là những cơ hội tốt giúp ta mở mang trí phân biệt, quan sát, phân đầu dạng tìm những phương tiện

hay, phá tan bức tường xây lên để ngăn cản không cho ta đạt được mục đích. Ta phải mở những năng lực còn ở ngậm trong lòng ta. Hãy xem con gà con vịt, chúng nó có cánh mà không bay được là tại chúng nó không tập bay. Trong mình ta có nhiều năng lực mà tại ta không biết dùng cho nên năng lực nằm yên như hai cánh con gà không hoạt động. Vậy khi quả báo tới, làm cho ta điều đứng mà ta không chịu cảnh ngộ, thì thật là bơ thờ.

CÁCH TRỪ QUẢ BÁO. Không gây quả mới, tức là không chịu ảnh hưởng cái kết quả của những việc lành của mình [*đặng phước không mừng, đặng của không ham, hay là tập tánh dứt bỏ*]. Trước hết phải tập đừng mên tiếc của cải. Một món đồ mình mất đi thì phải tìm kiếm. Như được thì tốt, không được? Bỏ đi! Không ân hận gì, không nên nghi ngờ cho ai. Xác thân ta đây, một ngày kia dù ta không muốn, ta cũng phải buộc lòng mà bỏ nó đi. Còn vàng bạc châu báu chức tước, nay tới tay ta, mai về tay người khác, trù mền làm chi cho bận lòng, rộn trí.

Bất kỳ việc gì, ta cũng phải vui lòng làm hết bổn phận và khéo léo, song chớ nên để ý tới cái kết quả cho mình, nghĩa là đừng trông mong lợi lộc. Mỗi lần ta giúp ai thì phải tận tâm kỹ lưỡng, nhưng trong lòng đừng nhớ tới công đức, đừng bảo người đó biết ơn, hay là muốn cho thiên hạ khen mình hơn đức. Ta làm việc vì thương đời, vì muốn cho đời trở nên cao quý và thể hiện được lòng từ bi vô tận vô biên của Đức Thượng Đế... Tuy ta làm mà kể như không làm (*vô vi nhi vô bất vi 無爲而無不爲*) chớ không phải làm gì cũng tượng trưng cho có hình thức mà lòng mong được nhiều công đức, có công quả. Ngày nào ta không còn ưa mền hay ghét bỏ người nào, vật nào thì ngày đó hết gây quả mới nữa [*để giải thoát*].

DIỆT TRỪ QUẢ CŨ. Hãy lấy ân đáp oán, thì oán mới tiêu. Người khác quấy rối ta bao nhiêu, thì ta làm phải với người ấy bấy nhiêu. Ta suy nghĩ xem từ trước tới giờ ta đã làm khổ bao nhiêu người rồi. Nếu mấy người đó còn sống, ta phải làm sao giúp ích cho họ lại để đền bù lỗi xưa. Như họ quá vắng rồi thì phải cầu nguyện cho họ.

Trong khi hưởng quả tốt nếu không gấp rút tiếp tục gây nhân lành thì đời sau chắc không còn ở trong cảnh giới tốt đẹp nữa.

(Theo *Nhân Quả Luân Hồi*, Hương Đạo xuất bản)

12. KIẾN TÁNH

KIẾN là thấy biết. **TÁNH** là Phật tánh, chơn như bản tánh. Kiến tánh là chứng biết cái bản tánh, chơn tâm, tiêu linh quang là nguồn an lạc yêu thương bình đẳng, để lập chí vững mạnh, ban vui giải khổ, giác tỉnh mọi người. Ta nên biết trị bệnh phải trị tận gốc. Ở ngoài hành vi động tác là ngọn, trong tạng thức là gốc. Cái thói hư tật xấu phải bắt đầu dứt một lần rồi trừ luôn tánh hay chấp trước, chấp ngã là bứng gốc. Không cố giữ sự tu bề ngoài, mà tự nhiên theo tâm mình thấy chánh, thì những điều phiền não trần lao không nhiễm được. Giữ giới thiền định phát huệ, thấy tánh mình vẫn còn sáng, thấy được tánh vạn vật vốn vô thường không còn mê lầm lấy nghi thức, vật lễ tượng trưng làm chơn thiệt tướng để cố giữ và dạy người phải giữ không cho xê xích.

13. NGỘ ĐẠO

Ngộ là gặp, nhưng đây là gặp bằng cảm giác, khai mở trí khôn. Đạo là nguyên lý của vũ trụ, chơn tâm bản tánh

đồng như thể, đạo vô vi thường hành trong vạn hữu, dưỡng dục quần linh. Sau nhiều ngày suy nghĩ lẽ chánh, bỗng trí mình lóe ra ánh sáng, điện quang trong mình bùng ra một cách thình lình là NGỘ. [*Như ông Gallilée thấy cái đèn treo ở nhà thờ lắc qua trả lại đều đều, bỗng tâm ông bật ra sáng ý phát minh cách đo thì giờ.*]

Chơn lý đạo như nguồn điện sẵn có trong tâm, chưa gặp mỗi dòng thì phải dụng công tu tỉnh, khi dụng nhằm công tắc thì điện bật sáng tự nhiên gọi là NGỘ. Ngộ đạo rồi phải giữ mình hành theo lý Đạo thường hằng mới có ngày đắc đạo. Người đời suy nghĩ cũng ngộ được chơn lý Đạo, nhưng rồi bỏ qua không cố giữ nên tâm mình mãi ở trong tình trạng tranh tối tranh sáng, mập mờ mà tự mãn. Đối với những người này thật là khó độ.

14. BỐ THÍ VỚI THAM LAM

Người xin thì bao giờ cũng có cử chỉ e dè, ngại ngùng. Bồ tát biết vậy nên dịu dàng trước: “Người là ân nhân giúp tôi có duyên thật hành hạnh bố thí, tập tánh từ bi. Cần xin chi người cứ lấy.” Khi người xin thỏa mãn thì hai mối hoan lạc [*của người cho và nhận*] giao hòa với nhau như an lạc niết bàn. Giàu mà cho không có lòng thương thì gọi là cho, không gọi là bố thí. Tuy vậy, sự cho cầu đền trả ấy vẫn có kết quả vô cùng, hưởng chi cho vì thương người, không cầu sự đền trả thì làm sao mà tả nổi. Giàu có mà bố thí thì giàu đó mới bền, bố thí mà có từ bi, thì bố thí mới chắc [*có âm chất*].

Kẻ chấp bản ngã thì lấy ÁI làm thể chất. Người cứu giúp người thì lấy BI làm bản thể. Ái nặng thì không còn biết gì đến ai nữa. Bi nặng thì không còn biết gì đến mình nữa. Nhưng nếu không bố thí thì làm sao biết tâm TỪ BI. Nếu thấy người nguy khốn mà mạnh tay bố thí thì biết

người đó có từ bi. Kẻ tham lam thì dù cha mẹ, bà con họ đến xin cũng sinh tâm oán ghét. Người từ bi thì kẻ thù, người ác đến cầu cũng mến trọng như bạn. Tài sản phải mất bỏ vào hai lúc: Lúc mất mạng hay bị cướp giựt, và lúc bỏ thí. Chết mà bỏ thì bỏ hết, tất cả không một mảy mang theo đến đời sau. Bị cướp giựt mà bỏ thì thêm đau khổ. Bỏ thí mà bỏ thì kết quả nhiều. Kết quả không những ở đời này mà còn theo đến đời sau. [*Bố thí là tạo của âm chất gọi ngân hàng thượng giới, không sợ trộm cướp mới chuộc, lại có lời nhiều.*] Đối chiếu như vậy, ai là người TRÍ mà không bỏ tham lam, làm bố thí?

Bàn thêm. Bao nhiêu tội ác trần gian đều do tham: tham ăn, tham lợi, tham quyền, tham danh, tham hưởng lạc... Tham muốn cái gì cũng phải hơn thiên hạ... tham là do chữ HAM, càng được nhiều càng ham muốn thêm. Ham quá thành mê say, bị mùi vàng vị bạc làm TÊ liệt, thần kinh giao cảm không còn cảm xúc được sự đau khổ của kẻ khác, mà cũng không cảm thấy sự tai hại đến trước mắt mình. HAM thêm TÊ (T) thành THAM.

Vậy ta muốn tu tránh tội lỗi thì hãy bỏ tánh HAM muốn chiếm hữu của thế gian, cho tinh thần không bị căng thẳng TÊ dại, cũng đừng ham chấp lỗi người. Muốn đạt được tánh hi xả trước tiên phải tập ép mình sống khiêm nhường giản dị nương theo kỷ luật Đạo. Bởi mình không đủ nghị lực ép mình làm bố thí, mới có hội thiện, ban hành thiện đến lạc quyền, vừa như nài ép vừa ban cho danh thơm mà vui lòng mở tú. Họ ghi sổ vàng, phát giấy cảm tạ, hoặc bằng khen, để dụ lòng tham của hóa ra tham danh. Số đông người tu có tham phước báo, tham Thiên vị mới chịu làm công quả, bố thí. Bố thí vô danh thì ít có người làm, vì thế các thánh thật đều dẹp cái thùng vô vi. Chừng nào người ngộ lý “Sắc tức thị không” bố thí ba la mật mới dứt được tham mà làm bồ tát. Vậy BỐ THÍ là phương pháp

đối trị bệnh tham hữu hiệu nhất. Bố thí có: thí tài trợ duyên cho thí pháp; làm gương không sợ nghèo, không sợ đói, không sợ chết là thí vô úy.

15. TINH LUYỆN CÁI TRÍ

Cái trí rất kiêu căng tự phụ. Nó thường chê bai thiên hạ và tự cho nó là giỏi, là hay, ít ai bì kịp. Khi nó nghe ai khen một người nào trước mặt nó thì nó tỏ vẻ bực tức, không bằng lòng. Nhưng điều nguy hại hơn hết là nó chia rẽ. Nó dựng bức tường ranh giới giữa ta và người.

Từ ngàn xưa, muốn làm chủ cái trí thì phải tập định trí tham thiên và lãnh đạm [*dứt bỏ, không mến luyến thụ hưởng*] trước mọi cám dỗ lợi quyền.

* **Giai đoạn thứ nhất.** Kiểm soát hoàn toàn giác quan. Đây là làm chủ tình cảm và các sự ham muốn, không để cho chúng sai khiến mình. Phân biệt cái nào thật là ý muốn của mình, cái nào là ý muốn của xác thân, ý muốn của vía và ý muốn của cái trí (hạ trí).

Bây giờ phải cố gắng bắt buộc cái vía phải tuân theo ý chí của mình: Phải tưởng điều lành, nói điều lành, làm việc lành, tức là tập cho có những tánh tốt. Nên đọc những truyện ca tụng gương trung hiếu tiết nghĩa, thanh cần, liêm chánh. Không nên xem những tranh ảnh, những tiểu thuyết, những phim trộm cướp và kêu gọi dục tình. Luôn luôn đề phòng vì thường tình cảm thắng lý trí. Làm chủ cái vía còn khó hơn tập làm chủ xác thân. Tại sao vậy? Bởi vì người ta quan niệm rằng sống là nhờ có tình cảm và ý muốn, dứt đi thì không còn cái gì cả. KHÔNG! Không có chuyện diệt tình cảm và ý muốn đâu. Chỉ cần sửa đổi mục tiêu mà thôi. [*Thay vì chỉ thương yêu gia đình vợ con, ta mở rộng lòng thương đồng bào, yêu vạn loại, tinh thần*

cao cả hơn.] Phải luôn luôn nhớ tới tánh tốt, đừng bao giờ nhớ tới tánh xấu của mình hay của ai. Vì tư tưởng sẽ tới thêm sức mạnh cho tật xấu.

* **Giai đoạn thứ hai - Định trí.** Định trí là bắt buộc cái trí trụ vào một chỗ, không cho nó xao lãng, không cho nó nhớ tới chuyện này chuyện kia. Là chú ý hay tập trung tư tưởng vào một việc làm hay một vấn đề nào hữu ích. Phải định trí mới làm chủ cái trí được. Lúc nào muốn tưởng thì tưởng, không thì thôi, để cái trí trống rỗng.

VÀI CÁCH ĐỊNH TRÍ

a. Đọc sách đừng bao giờ đọc nhiều. Đọc 5-10 hàng thôi, rồi tìm hiểu coi tác giả muốn nói gì, gọi cho ta ý gì. Thật hiểu rồi đọc 5-10 hàng khác kế tiếp. Hết rồi sẽ đọc lại trọn bài để hội ý mà tìm chơn lý để tiếp thu và ứng dụng mở trí.

b. Dù làm việc gì cũng phải chú ý hết sức vào đó, tưởng một việc mà thôi. Hết việc này mới tới việc khác. Trong lúc làm việc chớ nói chuyện tầm phào làm cho cái trí bị xao lãng.

c. Mỗi ngày niệm ít nhất một lần (vài mươi phút một giờ) một câu thần chú, một bài kinh. Những sự rung động của câu chú, câu kinh giúp cho cái trí lần lần trở nên yên tịnh. Đừng để cho cái trí ở không, luôn luôn phải có sẵn tư tưởng thanh cao, từ bi, bác ái, những câu châm ngôn, để khi cái trí không hoạt động thì nhớ những câu này liền.

* **Giai đoạn thứ ba - Tham thiền.** Người tu thiền, lúc nào cũng để tâm trụ vào cái thể vắng lặng, trống không thường còn mà ngẫm nghĩ lẽ huyền vi của Đạo.

Bắp thịt thường vận động mới nở nang, cứng cáp mạnh khỏe. Nếu ít vận động, nó sẽ teo rút, con người yếu đuối bệnh hoạn.

Cái trí có thường suy nghĩ đến nghĩa lý của sự việc xảy ra trong đời hay lời kinh sách thánh hiền truyền lại, thì trí mới mở mang, đa văn quảng kiến, phát huệ đặc pháp, mới sống thoải mái, sống vui, sống khỏe, giải thoát mọi phiền não hiện tiền và có thể giải thoát luân hồi. Người lười suy nghĩ cái trí sẽ dần dần thành vô minh, tinh thần bạc nhược làm nô lệ cho tam độc của ma vương đau khổ trọn đời. Xác thịt cần cơm, nước, thực vật ngày ba bữa, thì cái trí cần chơn lý đạo giáo lý ít nhất ngày bốn thời.

16. NỀ VÀO THIÊN HỌC

Đức Phật thường khuyên đệ tử không nên phí thì giờ và tâm lực vào những suy luận vô hình, vào những tư tưởng huyền đàm. Cuộc đời ngắn ngủi không thể đem tiêu phí một cách vô ích trong những sự suy luận siêu hình mà biết không có triển vọng đưa mình đến chơn lý.

Nhưng nếu tri thức khái niệm không thể là dụng cụ khảo sát thực tại, thì ta phải vận dụng thứ dụng cụ nào?

Chơn lý thực tại, theo đạo Phật chỉ có thể chứng nghiệm bằng sự sống bản thân mà không thể được học hỏi. Tôi mời anh một tách trà, anh nhắm nhấp mà uống một ngụm, có vẻ khoan khoái. Bây giờ thử hỏi anh về hương vị tách trà. Anh sẽ vận dụng ký ức khái niệm và ngôn từ để diễn tả cảm giác của anh. Anh tả sao cũng không đúng thật cái cảm giác thuần túy của anh khi nhắm nhấp tách trà. Không ai chứng thực được hương vị trà trực tiếp và tròn đầy như anh lúc đó. Trong giây phút cảm giác thuần túy kia, anh sống với hương vị trà là một, không phân biệt, không trắc lượng, không suy diễn. Giây phút cảm giác ấy mới là sự nhận thức trực tiếp chơn lý hiện hữu. Chứng thực tại không là kết quả của sự thu góp tri thức mà là TỈNH THỨC giữa lòng thực tại.

Chân lý của thực tại chỉ có thể thực chứng, chứ không thể diễn bày. GIÁO LÝ KHÔNG CÓ MỤC ĐÍCH TRÌNH BÀY CHƠN LÝ, mà là phải được xem như là những phương tiện hướng dẫn hành giả trong việc thực chứng chân lý. *Phương tiện bị nhận lầm là cứu cánh thì trở thành ngục tù giam hãm kẻ kia không cho có dịp tìm đến chơn lý.* Một phương tiện không thể áp dụng cho tất cả mọi trường hợp. Cho nên phải sáng tạo một số phương tiện khác nhau. Người ta thường nói có tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn tức là cánh cửa đi vào chơn lý. Pháp môn cũng chỉ là phương tiện. Một trong những công năng lớn của phương tiện là phá chấp, là đập vỡ những thành kiến cố chấp, và giúp hành giả giải thoát ra được sự kềm giữ của tri thức và những ảo giác mà hành giả đang bám bấu hoặc mắc kẹt.

(Theo *Nẻo Vào Thiền Học*, của Nhật Hạnh)

Bàn thêm. Xin ai đừng ỷ lại, đọc kinh nào mới được cứu rồi, phải suy nghĩ tìm chân lý ẩn trong kinh mà vâng theo lời kinh dạy. “*Sử nhơn vô ác tâm linh nhơn thân đắc độ. 使人無惡心，令人身得度。*” Phải bỏ dữ về lành, để tâm được trong sạch tưng cầu thánh kinh mới được Ở Trên hộ trì trợ duyên cho đạt thành sở nguyện. Rửa lòng trong sạch bằng cách nào? Thưa: Thực hành công trình, công quả và công phu thiền định.

Nghi thức cúng kính chỉ là phương tiện để định tâm cầu nguyện chứ không phải cứu cánh giải thoát. Nếu cố chấp cứng theo nghi thức, không biết tùy nghi quyền biến cho hợp thời, hợp nhơn tâm địa phương thì phải bị kẹt không phương giải thoát.

17. GÓP NHẶT CÁT ĐÁ

RÓT TRÀ. Vào thời Minh Trị (1860-1912), Nan In, một thiền sư Nhật, tiếp một giáo sư đại học đến hỏi thiền. Nan In mời trà. Ông đã rót đầy tách của khách, nhưng vẫn tiếp tục rót thêm.

Vị giáo sư ngồi nhìn nước trong tách trà tràn ra, cho đến khi không kèm được nữa: “Đầy quá rồi xin đừng rót nữa.”

“Giống như cái tách trà này,” Nan In nói, “tâm ông cũng đầy ắp những quan niệm, những tư tưởng của ông. Làm sao tôi có thể bày tỏ thiền cho ông được. Trừ phi ông trút cạn cái tách của ông trước.”

Bàn thêm. Hãy gạt bỏ hết mọi thành kiến chấp trước đi, rồi mới có thể học giáo lý, học thiền, tìm chơn lý ở nội tâm. Một người tu chức phẩm cũng trung bình cao, đọc sách tôi, lần nào anh cũng than: “Tôi đọc rồi sao không nhớ được gì hết.” Có lẽ cái tách của anh cũng đang đầy ắp rồi. Nhưng nếu xét cho kỹ: thì nước mới rót chắc cũng nhờ có trón xuống mà được hòa lộn với nước cũ phần nào, nhưng anh không thể để ý phân biệt được cũ mới trong đó thôi.

BA LOẠI ĐỆ TỬ. Thiền sư Gettan sống vào khoảng thời đại Tokugawa. Gettan thường bảo: “Có ba loại đệ tử: Những người truyền thiền cho những kẻ khác [thí pháp], những kẻ giữ đèn, và rồi có những cái bị gạo và những các mắc áo [*những người ăn chay mặc áo đạo mà không biết tu tâm, thiền định gì cả, không làm gì lợi ích cho nhơn sanh, cho cơ phổ độ*].”

Gasan cũng diễn cùng một ý đó. Khi Gasan theo học Tekisui, thầy của Gasan là một người rất nghiêm khắc, đôi khi đánh cả Gasan. Các đệ tử khác không chịu nổi loại

giáo lý này nên tháo lui nơi khác. Gasan ở lại, nói: “Một đệ tử tôi làm lợi cho tài năng của thầy. Một đệ tử khá, kính trọng sự tử tế của thầy. Một đệ tử giỏi lớn mạnh dưới kỷ luật của thầy.”

Bàn thêm. Người yếu chí không tự chủ mới thường phá kỷ luật, thầy phải trở tài thuyết phục... Người có chí ham học thì nhờ giữ kỷ luật đúng mà tiến bộ nhanh. Kẻ chê trách thầy nghiêm mà bỏ trốn thì ví như trâu kén cỏ, trâu gầy; học trò kén thầy, học trò dốt.

(Theo *Sa Thạch Tập*, của Thiền Sư Mujū)

18. KHÔNG PHÂN BIỆT TÔN GIÁO

Ai giúp ích cứu khổ chúng sanh thì đó chính là bồ tát, và người Phật tử sẽ cảm ơn người ấy. Như cảm ơn một người thay mình làm Phật sự. Mỗi tôn giáo sống trong sự cảm thông lẫn nhau. Một tôn giáo có ý đồ thông trị thì không còn là một tôn giáo nữa mà chỉ là *chánh trị quyền lực*. Thời vận Phật Giáo (Đạo Giáo) đang có cơ phát triển ở trời Tây. Những sứ giả Như Lai có sứ mạng chánh yếu, không phải qui y cho thật nhiều tín đồ, lập nhiều chùa tháp, mà làm sao cho nhơn loại Tây phương hiểu Phật (Đạo) vậy. Mà hiểu Phật cũng có nghĩa là tự hiểu mình. Người truyền bá Phật Giáo sẽ làm sao cho người với người biết thương nhau không phân màu da, chủng tộc, tôn giáo, ý hệ... Đó là sự thành công vẻ vang nhứt cho một sứ đồ có lẽ còn tốt hơn cả việc cầu siêu, cầu an và truyền pháp qui y, nếu sự qui y này chỉ dựng thêm một bức tường phân cách giữa người với người.

(Theo *Pháp Luật*, nội san 11-12, năm thứ ba)

Bàn thêm. Tôi tưởng đây cũng là tôn chỉ của mỗi người Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, có sứ mạng làm gạch nối cho

các tôn giáo tìm hiểu nhau hơn để hợp nhất tinh thần phục vụ nhơn sanh, phụng sự cho cơ tiến hóa.

19. PHÉP LẠ VÀ THẦN THÔNG

Chúa Giê-su có thần thông mà Kinh Thánh gọi là phép lạ. Theo Kinh Thánh thì khi về đến thành Giê-ru-sa-lem, quê hương của Ngài, Chúa Giê-su không làm phép lạ. Vì sao vậy? Vì muốn cho phép lạ hay thần thông biểu hiện, phải cần có đức tin của chúng sanh làm duyên phụ với oai thần của Chúa. Chúa khi về Giê-ru-sa-lem, người trong thành đã quá quen biết Ngài từ lúc còn thơ ấu, do cảm thấy gần gũi thân thiết, họ không có lòng kính tin nhiều đối với Ngài, như dân chúng các nơi khác. Vì vậy Ngài không hiện phép lạ.

Ta có thể suy luận rằng: Phép lạ có là do lòng tin. Hay ngược lại, nếu có lòng tin thì ta sẽ thấy phép lạ. Không tin thì có phép lạ trước mắt cũng không thấy.

Quanh tôi có những người cày ruộng suốt ngày không đủ ăn, dệt vải mãi tháng mà không đủ mặc, xây lâu đài cho người khác ở mà chính mình thì không có lấy một cái nhà... Thật là phép lạ, khi tôi không dệt vải mà có áo mặc, không cày ruộng mà có cơm ăn...

Nguyện cho tất cả mọi người cũng thấy phép lạ thường ngày để nhớ ơn Trời Phật tràn trề, ơn chúng sanh lai láng đề thương yêu và kính trọng tất cả, thì thế giới này sẽ hóa thành tịnh độ vậy.

Bàn thêm. Thánh lúc còn mang xác phàm cũng cần phải ăn uống, tiêu tiểu, tức là đang khứ trực lưu thanh. Người quá gần gũi chấp cái thấy của mình, chỉ trích cái phần trực phóng ra mà không nhận thức được phần thanh

ần trong nên không tin tưởng hoàn toàn.

*Chi lan mọc lẫn cỏ hoa thường,
Chẳng để mũi gài chẳng biết hương.
Hiền ngộ sanh nhằm đời bạo ngược,
Dầu trong thánh đức cũng ra thường.*
(*Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, 1964, tr.

112)

Kinh Cao Đài đọc sau bữa ăn có câu:

*Nguyện nhớ ơn nông canh nhàn nhọc,
Nguyện ơn người lúa thóc già xay.
Ngậm cơm, ơn ngậm hằng ngày,
Nên người, con nguyện ra tài lợi sanh.*

Ta thử nghiệm xem lợi sanh là làm gì? Phải chăng là giúp ích cho chúng sanh, đem lại hạnh phúc an vui cho nhơn loại? Hay chỉ làm lợi ích cho sự sống của bản thân, của gia đình, hay của bè phái mình thôi?

20. NHÀ QUAN VÀ KẺ CƯỚP

Họ Trần ở huyện Ky Thủy hồi nhỏ thiếu ăn thiếu mặc. Cha mẹ, em út kêu đói như bọng. Gặp năm thất mùa, lúa gạo mắc, sưu cao thuế nặng, cực chẳng đã mới đi trộm cướp. Sau đó Trần bị bắt, giải đến quan huyện họ Từ, vốn là người ở huyện Ngô, phủ Tô Châu. Quan huyện bắt viết lời khai. Họ Trần viết bài thơ như sau (dịch):

*Lựa là kẹp khảo, lựa là tra ,
Chước niệm nhà người, xảo quá ta.
Tay xá móc gan, rồi lấy huyết,
Guom đao đầy bụng mổ hằng hà.*

Quan huyện họ Từ xem thơ, rồi nói với các thơ lại rằng: “Chúng ta thiệt cũng như ăn cướp, còn muốn xử tội ăn

cướp sao? Các thơ lại, cai bếp, quân lính đều đi bắt đầu này đầu kia mà kiếm chác cho ta, thì cũng như bọng lâu la kiếm của tang cho chủ trại! Chi bằng ăn năn cho sớm, lo tu nhơn tích đức mà nhờ thân sau, cho khỏi mắc đao.”

Bọn nha dịch đều bảm rằng: “Chúng tôi đã tập quen thói dữ rồi, vả lại mắc nuôi gia quyến, khó ăn năn chữa lỗi!”

Nghe vậy họ Trần góp ý: “Có khó chi! Kẻ tu thân phải có can đảm, trí huệ khác hơn người thường, Cũng lẩn lướt mạnh mẽ như đũa ăn cướp thì mới nên việc. Đũa trộm cướp dạn dĩ không sợ mới dám phá cửa mà giựt của người, dễ như trở tay, muốn làm sao thì làm vậy. Nếu quyết hồi tâm đi tu, thì cũng phải can đảm lẩn lướt như vậy, thì dữ nào mà bỏ không rồi, lành nào mà làm không đặng!” Nói rồi họ Trần ngâm bài kệ như vậy (dịch):

*Guom trùng há giục người làm dữ
Chuông tự nào khuyển thế ở lành
Chuông kiếm vốn không hiền với độ
Tánh tình sẵn có trước cùng thanh
Xưa mê ngũ dục say vô độ
Nay tỉnh ăn năn sợ thất thanh
Chừa lỗi hồi tâm tu dễ quá
Ăn tham, ăn cướp bỏ thì thành*

Sau đó thầy trò quan huyện nhiều kẻ hồi tâm, từ chức đi tu mười mấy người.

(Theo *Hồi Dương Nhơn Quả*, nhà xuất bản Việt Hương)

21. TÌNH ĐỜI Ý ĐẠO

“Ăn cơm có canh, tu hành có bạn.” Trong hầu hết hoàn cảnh sống, sự kết giao thân cận để có đối tượng tôn thờ,

nương tựa là điều tối cần.

Để có đối tượng tôn thờ nương tựa, chúng ta hãy quay về chánh pháp, quay về CUỘC SỐNG NỘI TÂM... Như đã nói: Tình cảm và lý trí là hai yếu tố vô cùng quan thiết. Phối hợp nhịp nhàng được cả hai là chúng ta đã có đối tượng sống. Tình cảm và lý trí từ con người mà có. Vậy đối tượng cuộc sống là con người... Không như thiết là lý trí phải thắng tình cảm hay ngược lại. Mà tất cả đều tùy thuộc nhân duyên. Nếu nhân duyên thích nghi với tình cảm, thì dùng tình cảm trước, còn nhân duyên thích nghi với lý trí, thì áp dụng lý trí.

Sau khi xuất gia, đại đức Ananda đã noi gương Đức Phật trong công cuộc độ đời. Có lúc đại đức đã tỏ ra cứng rắn dứt khoát như trường hợp quyết hy sinh mạng sống để cứu Đức Phật. Đức Phật đã ba lần bảo lùi lại sau, mà đại đức vẫn bất động trong tư thế quyết tử. Đây là sự rung cảm chân thành của CON TIM và sự khăng định thuần túy của KHỐI ÓC. Có khi đại đức phải khổ cực trong vấn đề tiếp độ thiếu nữ Kokila (người đã yêu đại đức say đắm). Ngài đã khuyên cô: “Phải chết vì chánh pháp, chớ không nên chết vì tình yêu. Làm người ai cũng có lúc lầm lỗi, nhưng một khi đã hồi quang phản tỉnh thì sự giác ngộ cũng gần. Hơn nữa cô là bậc xuất gia, một phẩm hạnh thanh cao, một tâm hồn ly tục, một ý chí kiên cường, thì cô hãy tích cực và xứng đáng.”

Các loại trầm, kỳ nam tuy khô vẫn giữ được mùi hương. Voi chiến dù chết không lùi, mía bị ép bị nấu vẫn ngọt. Bậc trí tuệ dù gặp khổ đau, thà chết chớ không bỏ Đạo. Cô đã từ bỏ cuộc sống của một thiếu nữ tầm thường, đã bỏ hình thức thế nhân, đã đem thân nương nhờ cửa Phật thì cô hãy cố gắng từ bỏ những liên hệ tư tưởng khác phái. Vì nó là kẻ thù nguy hiểm của giới hạnh.”

Bàn thêm. Đức Phật dạy: “Ngũ dục là vô thường, vui ít khổ nhiều, đầy đầy tội lỗi. Cực đoan là nhân, khổ sở là quả. Tình dục là mẹ đẻ của luân hồi.”

Đức Tôn Sư dạy: “Nhờ ái dục để dứt ái dục, nhờ kiêu mạn để lia kiêu mạn”, nhưng vấn đề tình dục thì không thể như vậy được... Không thể nhờ chính nó để dứt nó được, trừ phi tích cực hành đạo để đoạn lia.

Nhờ ái dục để dứt ái dục. Là mượn lòng thương người, muốn người được tự do để làm nên đạo nghiệp. Có vậy mình mới bỏ được tánh ái dục ích kỷ, muốn chiếm hữu người để cho mình vui riêng. Nhờ thế mình có công quả trợ duyên cho cơ phổ độ.

Nhờ kiêu mạn dứt kiêu mạn. Là lấy lòng tự kiêu khi thấy mình là con Thượng Đế sẽ trở về ngôi xưa vị cũ vĩnh hằng ở Thiên triều, và nhờ thế bỏ được cái lòng kiêu mạn vì đang có địa vị sớm còn tối mất ở trần gian. Ông Michel de Montaigne (1533-1592) có nói: “Hôn nhưn như bầy thú, con ở trong lồng thì muốn ra, con ở ngoài thì lại tò mò muốn vô.”

Đức Cao Đài dạy:

Kìa biển hẹn non thì phải dứt,

Dây buộc mình cắt đứt chớ vương.

(Đại Thừa Chơn Giáo, Sài Gòn 1950, tr. 202)

22. ĐỨC TỰ TIN

Chúng tôi còn nhớ như in: Lúc chúng tôi khởi sự viết sách này, vì hiểu rằng một công việc tốt đẹp nhất đòi hỏi những khả năng vượt quá tầm hiện hữu của mình, nên chúng tôi chỉ còn cậy trông ở sự giúp của Thượng Đế. Tiện nội và chúng tôi thường có một “chánh sách” coi Chúa như người bạn đồng lao cộng khổ trong mọi vấn đề

và trong mọi hành động. Do đó chúng tôi đã cùng nhau cầu nguyện, cầu xin Chúa hướng dẫn, rồi đặt mọi sự trong tay Chúa an bài. Nhờ học cách tổng khứ những tư tưởng tiêu cực ra khỏi tâm trí, không chịu làm nô lệ tinh thần cho những tư tưởng bệnh hoạn. Nhờ dẫn nguồn nghị lực tinh thần chảy tuôn trào vào tư tưởng bạn, bạn có thể vượt thắng mọi khó khăn, mà thường thì chúng đánh bại bạn. Bạn có thể học tập các phương pháp thực hành để xây dựng cho mình [với sự trợ giúp của Thượng Đế] cái lối sống mà mình tha thiết mong muốn đạt được [sống hữu ích để lại cho đời chút ảnh hưởng tốt]. Để gọi là “trường sanh bất tử”.

HÃY TỰ TIN. Một chút tự ti mặc cảm không thích đáng sẽ làm giảm niềm hưng phấn của lòng hy vọng. Nhưng lòng tự tin sẽ đưa bạn đến chỗ thực hiện được những mong ước và thành công ở đời...

Có người hỏi: Tôi nay được nghe ngài diễn thuyết đề cập đến sức mạnh của tư tưởng tích cực, tôi muốn hỏi ngài, tôi phải làm sao để có một chút lòng tự tin. Tôi có lòng tự ti khủng khiếp. Tôi không tin là mình sẽ làm được gì. Tôi rất thất vọng và buồn bã sau mấy lần thất bại...

Đây, ông nghe tôi: Đêm nay trên đường về, tôi xin ông nhắc lại một câu nói tôi sẽ cho ông. Trước khi đi ngủ, ông nhắc lại câu đó nhiều lần. Sáng mai thức dậy đọc câu đó ba lần trước khi rửa mặt. Trước khi bắt tay vào công việc, ông cũng phải nhắc lại câu nói đó nhiều lần. Ông đọc ra tiếng và *chú tâm tin tưởng vào câu nói đó*, thì ông sẽ có đầy đủ sức mạnh và tài khéo để giải quyết công việc đầu vào đó.

Và đây là câu nói tôi cho ông: “*Nhờ Chúa Giê-su ban sức mạnh cho tôi, tôi có thể làm mọi việc trên đời.*” Vì ông không quen với câu nói đó, nên tôi đã viết lại trên một tấm

thiếp và bảo ông đọc lại ba lần thật to... Sau đó một thời gian, ông cho tôi biết rằng cái công thức này đã giúp ông gạt hái nhiều thành công tốt đẹp. Dần dần ông có một đức tin mạnh mẽ, quyết liệt, hợp lý. Ông luôn miệng bày tỏ rằng hiện giờ các việc chiều theo ý ông. Giờ đây ông đã tự tin vào các khả năng của mình.

(Theo *Sức Mạnh Và Tư Tưởng*, Phương Tây xuất bản)

Bàn thêm. Nếu ông ấy tự hào là nhờ đức tự tin mà mọi việc phải chiều theo ý ông thì ông quá tự cao, ngã mạn, vong ân. Tôi thấy ông phải có tha tín và Thiên tín. Ông phải tin đàn anh đi trước truyền lại kinh nghiệm quá hay mới dám đem ra thực nghiệm. Ông phải tin vào sự mầu nhiệm linh ứng của thiêng liêng Thượng Đế, Chúa, Tiên, Phật, thần minh hộ trợ thì tinh thần mới bình tĩnh vững mạnh, nghe được Ôn Trên “*thường thi thần giáo dĩ lợi sanh*” mới phát sanh sáng kiến cải tiến kỹ thuật mà vượt qua mọi khó khăn.

Chúng ta cần phải thật có lòng thành kính nguyện mới được Ôn Trên hướng dẫn cho thành công – “*Hữu thành tất hữu thần.*” Ngặt có kẻ kính Trời tin Phật mà trong lòng chẳng thật kính thành, tai qua rồi lại dạ đành phụ vong, tự hào khoe tài mình. Cái khó khăn cho người cầu nguyện là những lời cầu nguyện của họ không đủ sâu xa và *thành tâm*... Như vậy tâm hồn ta cần được nuôi dưỡng bằng những tư tưởng có tánh chất tích cực, nghĩa là ta phải luôn luôn tự kỷ ám thị bằng những tư tưởng trong sáng và hữu ích cho đời. Cần phải đặt một KỶ LUẬT cho tinh thần trong khi ta muốn tái giáo dục tâm hồn ta.

Tôi nghĩ: tác giả không muốn khoe danh, nhưng cũng phải kể ra nhiều trường hợp mấy ngàn người đã áp dụng công thức của ông mà đạt được kết quả, là chỉ để độc giả đến sau để tin, mà thực hiện theo thì lời nói của tác giả

mới thực sự hữu ích. Nếu không trung bằng có cụ thể, thì độc giả ít người chịu khó tin hành. Thuộc hay mà không được quảng cáo, ai biết mình có để đến tìm xin hay mua dùng.

Kinh nghiệm bản thân tôi: Lúc còn dạy học, tôi luôn luôn tin câu “*Đại Từ Phụ xin thương khai khiếu*” mà câu nguyện mỗi khi soạn bài cho học sinh, nên luôn có kết quả như nguyện. Đức tin đó truyền miệng qua học sinh và họ hàng thân quyến. Đến nỗi nhiều vị giám khảo chấm thi tuyển học sinh vào lớp đệ Thất (lớp Sáu) cũng vô tư thần thánh hóa trường tôi, còn những trường tranh cạnh lại phao tin là tôi mua đề thi.

Nhưng có ai ngờ tôi tuy bất tài mà có Thiêng Liêng tiếp ứng theo lời cầu nguyện của tôi (*Nhơn hữu thiện nguyện, Thiên tất tòng chi*). Chúng ta là con tin của Thượng Đế, làm việc để thể hiện tình thương của Ngài, thì không đến nỗi thất bại.

Đọc “Sức Mạnh Và Tư Tưởng” chúng ta rút kinh nghiệm để củng cố đức tin nơi Thầy Mẹ và Đức Lý Giáo Tông. Phật tử thì thêm tin Phật. Điều nhắm mục đích dẹp tan lòng tự ti mặc cảm.

23. CỬA KHỔNG

Đạo không xa người, người lại làm cho Đạo xa người, đi tìm cầu ở sấm vĩ và quái đản là những cái gì ngoại tại (thì tất nhiên không phải là Đạo nữa, không đáng làm nền móng cho văn hóa vì ít hay nhiều có chứa chất giết người). Cần phải lộn trở lại đưa văn hóa đặt hẳn sang con người: càng sâu thăm nơi thâm cung càng không sợ lạc mất Đạo. Mà chỗ sâu thăm nơi con người thì còn đâu bằng NỘI TÂM. Lý trí còn có thể nhận ra cần phải lấy làm nền móng

cho đạo lý, cho văn hóa. Đó là ý câu: “Thiên lý tại nhân tâm.”

Con người thật quả xứng đáng làm mục tiêu TÌM HIỂU cũng như PHỤNG SỰ mà không gây tổn thương cho nhân phẩm của nó như lúc phải gò lưng bái lạy quì quì trước thần cây đa, ma cây gạo, cú cáo cây bồ đề... [*biết giá trị của nội tâm mình mới trừ được dị đoan mê tín*].

Khổng Tử ý thức được tâm trạng quần chúng vẫn còn đứng núi nọ trông núi kia cao, nên phải nhân nhượng duy trì lễ tế Thiên và lễ gia tiên để cụ thể lòng kính quí thần. Nhờ vậy lễ gia tiên trở nên lợi khí cảm thông giữa các thế hệ đã qua và những thế hệ đang đến. Còn chữ thần cũng được đưa sang nghĩa mới, chỉ sức huyền vi linh diệu chu lưu khắp trong muôn vật [*dưỡng dục quần sanh thống ngự vạn vật*] có khi còn gọi là Thái Cực, có khi là Thượng Đế, là Thiên.

Nhờ vậy mà lòng khát vọng siêu việt thế được khá thỏa mãn qua các tâm trạng: bằng siêu thức nơi những người đã giác ngộ, hoặc bằng những nghi lễ bên ngoài cho các cỡ tâm thức hạng trung dĩ hạ. Đôi khi môn đệ chưa ý thức đề hỏi thêm, Khổng Tử nói: Tìm tòi những sự bí ẩn, làm những việc quái đản cho đời sau khen, thì ta không làm. Sao không làm? Vì bề ngoài tưởng đâu là cao cả đáng tôn đáng quí lắm, kỳ thực chính là lộn trở lại thời vong thân [*chỉ biết lực của ngoại vật thiên nhiên không biết đến tâm linh*].

Hãy nói những cái trước mắt đã: Con người và ĐẠO SỐNG đây này. Trờ trờ ra kia còn chưa biết được, chưa phụng sự được đã vội bàn những chuyện bí ẩn xa xôi quỷ thần với tử vong. Chưa học tập làm trong cõi nhân sinh rõ rệt vội đi vào cõi quỷ thần, không ai kiểm soát được tha hồ tô điểm.

TÂM LÝ. lấy tâm lý mà xét lòng người, thì thấy TÌNH DỤC ví như cỏ dại mọc lên lan tỏa, cần phải dùng LỄ làm cày bừa, tức là tiết chế tình dục, dục mà không thỏa mãn thì không thể không cầu. Cầu mà không giới hạn độ lượng thì không thể không tranh chấp. Tranh chấp thì loạn. Loạn thì khôn cùng. Tiên vương ghét loạn, nên chế ra lễ nghĩa để phân định [*quân bình*] để nuôi dưỡng cái dục của người ta, đáp ứng nhu cầu của người ta. Đó là những điều thiết yếu cho thời đại này.

Đời sống của đại chúng, của con người dưới phổ thường chỉ sống với tầm kích xã hội, nghĩa là chỉ lo lắng “Làm như con người” là đủ rồi [*xu hướng theo dư luận, mà không sống với nội tâm mình, suy nghĩ làm theo khối óc của mình*].

Chỉ có một thiểu số, đến một giai đoạn nào đó tự nhiên cảm thấy mỗi bản khoán siêu hình đặt câu hỏi: “Người ta là ai? Tôi là ai? Sao tôi phải làm theo như người ta? Tôi có thể là tôi chăng?” Đây là khúc rẽ tâm tình, một sự trở lại tìm về CÁI NƠI CHƠN THẬT, phục hồi CÁI TÂM đã bị phân tán vào muôn vật bên ngoài, quên hẳn cái NỘI TÂM CĂN BỔN. Cái nhu cầu THỐNG NHẤT ở NỘI TÂM thúc đẩy học giả đem hết mọi thứ giá trị qui kết, thống nhất lại một điểm trên bình diện siêu việt và làm cho mọi tư tưởng của mình hướng vào một mối. Đó gọi là NHẤT QUÁN [*tôi tưởng đồng nghĩa với qui nguyên về một gốc Đạo thương yêu ban vui giải khổ cho người phục vụ cho con người*].

Đại chúng có đặc tính hay tin tưởng hay hòa theo [*chữ nho gọi là “đồng lưu” kiểu đàn cừu của Panurge thiếu phán đoán tự chủ*]. Hỏi rằng Khổng Tử đã vượt qua đợt “đồng lưu” chưa? Nho giáo mỗi ngày mỗi cùn nhạt và hầu như bị tê liệt dưới cái học TỬ CHUƠNG, huân hồ, chỉ còn

biết nhắm mắt lại: Tử viết, Tử viết mà thôi [*Đạo bé cũng vì giáo phẩm như các hủ nho cố chấp theo từng chữ trong thánh giáo*].

Khi nào có một môn sinh thoát ra khỏi vòng “đồng lưu” Tử viết, Tử viết liền nhận ra trước mặt mình là cả một con đường thênh thang. Tuyệt nhiên ông thầy không đặt ra cái gì ngang đường để cản bước tiến của mình. Không gì khác hơn là một lời hướng dẫn để mình tự trung tín với chính mình với các nguồn sống tâm linh, đại đồng linh diệu vô cùng đang ngấm chảy trong mình, cũng như trong muôn vật....

Chính Khổng Tử đã truy nhận ngay thẳng là ông không biết chân lý, nhưng chỉ biết phương tiện để đạt chơn lý. [*Đức Phật cũng nói: Lời nói của ta không phải là chơn lý, mà ví như ngón tay chỉ mặt trăng.*] Chơn lý tự mỗi người nghiệm chứng ở nội tâm mình, chớ không ai truyền cho ai được.

(Theo *Cửa Khổng*, của Kim Định)

24. TIẾN TỚI MỘT THỂ HỆ DUY NHỨT

Khi cái thực tại quan yếu, Thánh Linh và cơ bản nhập vào tâm dạ và đời sống của mọi người, thì nó gây ra giữa họ sự hòa hợp mà chỉ có Thánh Linh mới tạo ra được. Bởi vì Thánh Linh tác động trong xã hội như cách mà tinh lực của sự sống tác động trong thân thể con người (...) Nguyên lý đầu tiên của nền triết học Thánh Linh là sự đồng nhất của thể giới, sự thuần nhất của nhân loại. TÌNH YÊU THƯƠNG thắt chặt Đông Tây và dung hợp mọi tâm hồn. Cả ngàn năm qua máu cứ chảy mãi, thật là quá nhiều rồi! Đã đến lúc phải hợp tác với nhau trong tình thương và trong hòa điệu.

Tất cả các vị sứ giả của Thượng Đế đều minh xác sự đơn thuần của Thượng Đế và sự đồng nhất của nhơn loại. Các ngài đều dạy rằng: “*Muốn tiến bộ mọi người đều phải THƯƠNG YẾU NHAU và tương trợ nhau.*”

Các Đấng tiên tri của Thượng Đế là những nhà giáo dục đầu tiên của loài người. Những nguyên tắc căn bản đặt ra nguồn gốc, là động lực của sự tiến bộ của quốc gia. Về sau những bất chước công trình của các vị ấy chỉ chủ về HÌNH THỨC nên không dẫn đến tiến bộ. (...) Tôn giáo đã là biểu hiện của thật tại Thánh Linh, thì phải sống động. Không tiên hóa, nó sẽ thiếu cái sinh lực Thánh Linh và trở thành một xác chết.

(Theo *Tiến Tới Một Thế Hệ Duy Nhất*, của đạo Baha'i)

Bàn thêm. Theo định luật tự nhiên: SỐNG là mềm mại, linh động, hoạt động làm vui cho mọi loại như chính mình. SỐNG cho đúng nghĩa sống, cho đáng sống là hành động tích cực, làm việc hữu ích cho sự tiến bộ văn minh đạo đức chung cho người vui. Đạo là nguồn sống xuyên vào các chất giúp chúng ta tiến hóa từ từ. Những người biết dò theo chiều hướng Đạo tiến mà hành động làm nhơn trợ duyên cho vạn vật phát triển nhanh, đem lại hòa bình hạnh phúc cho nhơn loại, mới đúng nghĩa là sống và giá trị tinh thần vẫn ngang nhau bất phân địa vị ở cõi trần. Người hốt rác, gánh phân âm thầm phục vụ cho dân vui còn đáng giá hơn một ông quan giàu sang uy quyền mà sâu dân một nước vô trách nhiệm. Mọi người tu tại gia mà tâm hằng thanh tịnh, đi ta bà độ thế, với kẻ xuất gia đem thân ở núi, ở chùa thất, mà tâm luôn bị động vì việc nhà, ham đắc thân thông, mong thành Phật. Xin quý bạn xem vị nào có tinh thần đáng quý và sẽ đoạt vị thiêng liêng cao.

25. DƯỠNG CHƠN TẬP

HỌC. Học là con đường đi tới cái Đạo. Thánh kinh hiền truyện có phải là người DẪN ĐƯỜNG [*chớ không dạy*] cho ta không?

(...) Kẻ học đạo chỉ phải thâm tâm về mà kèm giữ cho vững vàng. Bỏ tâm ra mà dụng công ở chỗ khác, tức là không phải chánh đạo.

Học đạo chẳng phải nói qua là xong, cũng chẳng phải hiểu biết là rồi. Tất phải thành thiết ngộ vào trong tâm mình, quét sạch hết thấy những điều vật dục cho ráo rẻ thì tự nhiên hiệp với Đạo.

Chí của người học đạo gặp cảnh nghèo càng phải thêm cứng cáp, gặp cảnh già càng phải thêm MẠNH MẼ. Nếu bị khách khí [*hành động theo khí huyết sử khiến*], ngoại vật thâm đoạt, thì lỗi ấy chẳng đổ cho khí hay là cho vật được. Bệnh này do nơi cái CHÍ chưa lập mà ra, thì chỉ nên trách nơi mình mà thôi.

(...) Tai nghe, mắt thấy ví như ăn uống, ngày ngày phải dùng mà ngày ngày lại phải tiêu hóa để tống ra ngoài [*phân cận bã, phần thừa*]. Nếu tống không hết còn đình trệ trong bụng, sau lâu rồi thành bệnh. [*Thu thập được khí lực từ điển cũng phải đem ra sử dụng giúp đời, độ thế, đừng để lại quá thặng mà có hại.*]

Bạch Tẩn Lão Nhơn nói rằng: “Kẻ thế gian học đạo nường nược, đại để chẳng phải vì danh thì cũng vì lợi. Ngoài hai chữ danh lợi ra mà siêng học, dụng công như vậy, thì có mấy người đâu?”

HÀNH (làm). Biết và làm là giai đoạn công phu vẫn cứ hiệp nhứt chẳng rời nhau. Thường giữ được cái biết ở với ta thì tự nhiên làm được. Nếu một khắc mà không làm tức là một khắc hôn mê. Người quân tử lấy thân mà vừa theo

Đạo. Hễ thân ở chỗ nào thì Đạo ở chỗ đó. Cho nên đi thì có công phu đi, đứng thì có công phu đứng, ngồi thì có công phu ngồi, ngủ thì có công phu ngủ. Lúc nào KHÔNG NIỆM LỰ ĐỀU là lúc công phu cả.

Phàm có làm mà không tán được, ấy là cái biết chưa thiết đúng. Nếu biết cái lý cho thiết đúng rồi thì tự nhiên vui thích mà làm theo lý. Cho nên nói “Học bất yếm, tri dã”, nghĩa là học chẳng nhàm là biết vậy.

(...) Con người ai cũng có lương tri, lương năng. Song lương tri, lương năng quý là nhờ ở khuếch sung. Khuếch sung cốt ở nơi CẦN HỌC ham hỏi đó thôi. [*Hỏi để học những điều thực dụng, chớ không phải hỏi để bắt bí người.*]

Cái chơn tánh của con người đã linh thiêng mà lại thần diệu. Niệm vừa động thì nó bay đi, mà chẳng thấy hình. Nếu muốn lưu nó lại, thì phải xét đến cội gốc của nó. Cái cơ (máy động) của nó thường ở tại con mắt, mà cái nhà của nó lại ở nơi TÂM. Tâm thường thanh tịnh thì thần khí qui về cội gốc, lâu lâu rồi sanh ra món chí bửu (...).

KINH (dè dặt). Cái bản tánh linh quang của người không có sanh hay diệt, mà cũng không có tăng hay giảm. Tuy nó bị che tối lâu ngày, mà hễ vừa phát chiếu ra thì có thể tiêu diệt muôn ngàn điều ác, mà sanh ra muôn ngàn điều thiện. Chỉ bảo thủ linh quang cho được thường tại (còn chiếu hoải) thì ta với Thánh nhơn có khác gì?

Có kẻ hỏi: Làm sao mà bảo thủ linh quang cho được thường tại, phải là kinh không?

Duy có kinh mới là bảo thủ linh quang thường tại. Giới thận (răn dè), khủng cụ (e sợ) là kinh, căng căng nghiệp nghiệp (nơm nớp trong lòng) cũng là kinh. [*Sách Trung Dung nói: “Người quân tử răn dè chỗ mình không thấy, e*

sợ chỗ mình không nghe, tuy không thấy không nghe chớ cũng chẳng dám kinh dè.”] Kinh thì không dám sanh lòng tưởng quấy, không tin việc ám mờ. Có phải là chỗ CỐT YẾU ĐỂ TỒN TÂM, cái phép tắc dùng tu kỹ đó chăng? Từ xưa, thánh nhơn lấy đó mà truyền tâm cho nhau.

Nay con người sửa áo khăn, định tư lự, tự nhiên sanh lòng kinh. Kinh là chỉ phải chủ nhứt. Chủ nhứt thì tự nhiên tà, giả không xen. Tâm là chủ cái thân. Kinh là chủ cái Tâm.

Người bước vô chùa miếu bèn sanh lòng kinh là vì thấy ở trên có cốt thần. Còn ở tại thân mình cũng có một vị thần rất chơn, rất thiết ở nơi mặt trong, mà chẳng tưởng đến, để duôi chẳng biết kinh là có sao?

(...) Qui củ, chuẩn thẳng là gì? Là LỄ đó. Lễ là lấy sự kính làm gốc. Trong nước không có lễ, đạo tặc dấy lên, thì nước mất. Trong thân không có lễ, tình dục mạnh hơn thì thân mất.

QUÁN. Con người từ khi thức dậy, lo lắng cả ngày, thiết có biết cái tâm đi hướng nào đâu. (...)

Âm Phù Kinh nói rằng: “Hòa sanh tại mộc, hòa phát tất khắc”, nghĩa là cây sanh ra lửa, mà lửa dấy lên thì họa đến cây, cây phải bị thiêu, là nói về cái Tâm đó. (Cũng như nói: Tâm sanh ra tà, mà tà dấy lên thì họa đến Tâm, rồi tánh phải loạn). Cái tâm rất hoạt bát mà thần diệu, phải bình cái tánh của nó, thuận theo cái cơ của nó để dưỡng nó, chẳng cho một mảy phóng dật, một mảy miễn cưỡng, một mảy gián đoạn, thì mới có thể gọi là phép dưỡng Tâm.

(...) Số là cái thần của con người ở trong tâm, mà cái cơ của tâm ở ngoài mắt. Hễ mắt dùng vào trong thì tâm cũng theo nó vào trong, cho nên nói: Quán tự tại.

Quán tức là phản quán (xem ngược lại). Mắt ở tại đó thì tâm tự nhiên cũng ở tại đó. Nếu con người xem ngược vào đó, lâu rồi chẳng những tâm ở tại đó, mà rốt cuộc cũng sẽ định nữa. (...)

Khi mặt trời chen lặn thì, ở trong nhà, cái tối này ở đâu lại cũng không biết. Đến lúc đốt đèn lên thì cái tối kia đi xứ mô cũng không rõ. Không lý ánh đèn đuổi bóng tối, bóng tối có tinh gì mà sợ đèn? [*Nếu bóng tối bị đuổi ra ngoài thì ngoài phải dày đặc hơn, chớ sao được lờ mờ tỏ.*] Phải hiểu rằng: Hễ đầu này có thì đầu kia mắt không phải hao một tí sức lực nào cả.

Có thể lấy ánh đèn mà tỷ dụ sự giác chiếu, lấy bóng tối mà tỷ dụ tánh vô minh.

(Trích *Dưỡng Chơn Tập*, Nguyễn Minh Thiện dịch)

26. SỐNG ĐƠN GIẢN

Muốn cho người ta làm tròn bổn phận không phải chỉ bắt người ta theo sức mạnh: bắt làm cái này, tránh cái kia mà được đâu. Muốn đưa dần người ta về bổn phận cần phải có một sức mạnh khác: “Sức mạnh bên trong”. Cái sức mạnh tiềm tàng trong đó là THƯƠNG YÊU. Phàm một người mà đã ghét nghề nghiệp của mình thì thường làm việc một cách ẻo oải, chán chường, bất cứ sức mạnh nào trên trái đất này cũng không thể nào làm cho người đó làm việc chăm chỉ vui thú được. Trái lại kẻ nào yêu nghề thì tự mình ra sức mà làm, không những đã chẳng cần ai thúc giục, mà lại không có cách nào ngăn cản cho người đó thôi làm việc. Mọi việc ở đời này đều thế. Điều cao cả nhất là cảm thông được tất cả cái gì thiêng liêng và đẹp trường cửu trong kiếp sống của ta, là do kinh nghiệm đạt tới cái điểm YÊU KIẾP SỐNG đó với tất cả đau thương

và hy vọng của nó: là yêu thương người đồng loại vì óc CAO THƯỢNG và vì đau khổ của họ, là hòa mình vào nơn loại với trí óc với tâm can, lòng dạ của mình.

Một sức sống lạ lùng sẽ xâm nhập lòng ta như thể gió đẩy cánh buồm của một con thuyền và đưa ta đến bờ bên của NHÂN ÁI và CÔNG LÝ.

Một người sống trong phạm vi chật hẹp của mình, giữa những khó khăn và vất vả mà thành thật hy sinh cho công việc của mình, ấy là người đó đã giao cảm với nguồn yêu thương bất diệt. Sức mạnh quan trọng đó biểu hiện dưới muôn vàn hình thức khác nhau. Khi thì nó là sức mạnh bất khả chế ngự, khi là lòng triu mến vượt ve, khi là tinh thần chiến sĩ công phá và đánh bại cái xấu, khi là tình mẫu tử đem về nuôi dưỡng một vài đứa trẻ mồ côi, khi là lòng nhân nại của những kẻ tìm tòi khảo cứu (khoa học hay đạo lý).

Song le, sức mạnh của thương yêu chạm tới cái gì thì đều có để dấu vết lại, và những người được nó thúc đẩy đều cảm thấy rằng vì có nó mà ta sống, vì có nó mà ta mới có ngày nay. Phục vụ sức mạnh đó là một hạnh phúc và là một phần thưởng cho họ. Và chỉ phục vụ như thế thôi cũng đủ rồi. Người phục vụ không cần cái bám ở ngoài, vì họ biết rằng chẳng có gì lớn cả mà cũng chẳng có gì nhỏ cả, chỉ duy có hành động của ta và cuộc đời của ta có giá trị. Mà sở dĩ có giá trị như thế là vì TINH THẦN ở BÊN TRONG.

(Theo *Sống Đơn Giản*, của Charles Wager, nhà xuất bản tổng hợp Đồng Tháp, 1990)

Bàn thêm. Giá trị con người không do của cải vật chất người có, không do dáng vóc, sắc tướng, y phục bên ngoài mà do tinh thần phục vụ, biết hy sinh cho việc phải điều lành, do sức mạnh của tình thương bình đẳng. Mức độ hy

sinh so với khả năng sở hữu càng cao thì giá trị tinh thần thiêng liêng càng quý giá. Thí dụ, một người chạy gạo ăn từ bữa, còn hai chén cơm dấm đem cho kẻ đói hơn mình một chén thì mức độ hy sinh cao hơn ông tử phú đem cúng chùa một tấn gạo.

26B. ẢNH HƯỞNG CỦA HOÀN CẢNH

Bản tánh loài người ham bắt chước. Những điều ta mục kích chung quanh ta là những tấm gương khuyến lệ, kích thích lòng hâm mộ. [*Muốn đạt cho được, đó cũng là hình thức tham lạ, trọng kỳ. Như kẻ chạy theo thời trang ngoại lai, bắt chước ăn chơi phóng đãng thì đáng trách, nhưng bắt chước biểu lộ đức Nhân, Trí, Dũng mới đáng khen, đáng khuyến khích và nâng đỡ.*]

Khi còn nhỏ đi xem hát thấy Quan Công đánh cờ, Hoa Đà mổ tên..., tôi hết sức cảm phục cái thái độ điềm tĩnh của Quan Công, đến lập nguyện trong tâm. Về sau không chịu rên khóc khi phải vấp ngã, hay thương tổn...

Tạo cho mình một hoàn cảnh, một không khí đầy sức mạnh thiêng liêng giúp cho mình rất nhiều trong bước đầu trên con đường siêu thoát. Bởi vậy hãy tránh xa những kẻ nhút nhát rụt rè, những kẻ háo thắng nóng nảy, hay khoe khoang. Trái lại tìm mà làm bạn, hay nên gần gũi với những kẻ điềm đạm quả quyết, cử chỉ thuần hậu, ôn hòa. Nếu hoàn cảnh bắt buộc phải sống chung hay gần gũi với những người có tánh vụt chạc lẳng lơ, náo động nhưثرời, thì hãy xem họ như cái gương xấu để ngừa.

(Theo *Cái Dũng Của Thánh Nhân*, của Nguyễn Duy Cần)

27. LUẬT ÂM CHẤT

Đừng bước trên đường tà nẻo vậy. Chẳng nên dối lòng, phải ăn ở cho có đức. Lập nhiều công quả. Phải giữ lòng lành mà thương loài vật. Nên sửa mình cho chơn chánh, rửa lòng cho trong sạch. Thương người quá vãng, hoài bão hậu sanh. Hãy kính trọng người già cả, thương yêu trẻ dại khờ. Mến người mồ côi, xót người góa bụa. Bảo hộ loài côn trùng thảo mộc.

Hãy khuyên lơn sự lỗi của người. Vui mừng sự lành của người. Cứu vớt người ra khỏi cơn nước lửa (hiềm nghèo). Thấy người đặng như mình đặng. Thấy người mất như mình mất. Phải giấu sự lỗi của người. Bày sự tốt sự lành của người. Nhường phần nhiều lấy phần ít.

Chịu nhục nhã mà chẳng nên oán trách. Được yêu chuộng phải giựt mình mà sợ sệt. Làm ơn chẳng cầu trả. Giúp người rồi chớ hề nghĩ lại mà tiếc...

Sự cảm hứng của con người phát sinh là do lòng. TÂM tạo ra trước, rồi thân hình mới vận chuyển mà hành động theo sau. Bởi vậy dù ở tôn giáo nào cũng đều phải trọng chữ TÂM mà thôi. Hễ lòng tưởng lành thì được sự lành trả cho. Còn lòng tính làm điều dữ thì bị họa dữ, dường như do máy thiên nhiên bắt buộc cho đúng lẽ công bình của Tạo Hóa. Từ xưa đến nay đổ ai tránh khỏi luật tuần hoàn như quả của trời đất.

(Theo *Cảm Ứng Kinh Chú Giải*, của Nguyễn Hữu Đắc)

28. CẨM THÚ CÓ LINH TÁNH KHÔNG?

Vua Louis II được vị chiêm tinh trong triều cho biết hôm nay trời đẹp. Nhà vua liền tổ chức cuộc đi săn lớn. Đến rừng, nhà vua cao hứng vung roi cho ngựa phi nước

đại đến nỗi lạc mất đoàn tùy tùng... Gặp người nông dân đang dẫn lừa đi, nhà vua hỏi thăm đường, anh nông dân không biết là vua, nên chỉ cho và còn dặn với: “Này anh bạn đi nhanh kẻo trời mưa lớn đấy.” Vua hỏi: “Sao ông biết?” Anh thản nhiên trả lời: “Con lừa của tôi không báo sai bao giờ.” Nhà vua hỏi tên người nông dân, rồi đi. Lát sau Vua gặp đoàn tùy tùng, thì trời ập mưa lớn. Nhà vua về đến triều thì ốm nặng.

Louis II đuổi nhà chiêm tinh ra khỏi triều và cho người tìm người nông dân cùng con lừa vào triều làm quan.

Kinh nghiệm của dân gian qua bao đời cũng cho thấy động vật rất nhạy cảm và dự báo thời tiết khá chính xác. Trước khi xảy ra động đất tại Tokyo năm 1922, và tại Rumania năm 1977, người ta thấy cá vàng nuôi trong hồ nhảy ra khỏi mặt nước, gào chạy theo người ta.

(Theo báo *Đông Tháp Chủ Nhật*, số 69, 1992)

Bàn thêm. Loài kiến biết trời sắp mưa to mà lo dòi ổ. Chim dòng dọc làm tổ cuống dài vẫn tùy theo mùa đó có đông to hay không. Trâu bò bị dẫn đến lò sát sanh thì chảy nước mắt... Loài nào cũng đều được Trời ban cho một linh tánh đặc biệt khác nhau. Con người đừng tự cao khôn hơn muôn vật mà hiếp đáp, đánh đập, giết chóc làm vui là mất linh tánh, không biết trước tội tình mình phải gánh sau này.

29. ĐIỀM ĐẠM

Đức hạnh con người dù có nhiều đến bực nào cũng không ngoài hai loại: TƯ ĐỨC và CÔNG HẠNH (công đức). Tư đức là những đức tánh ăn chịu về nhân cách riêng của từng cá nhân như: nhẫn nại, can đảm, quả quyết, điềm đạm. Công hạnh là những đức hạnh tốt của cá nhân

đối với người chung quanh như: từ bi, nhẫn nhục, khoan dung... ĐIỀM ĐẠM là gì? Là tư đức căn bản đưa con người lên đến bậc chí nhân. Điềm đạm tức là cái tính như như bất động, thản nhiên bình tĩnh không để cho ngoại vật động đến tâm mình. Người điềm đạm tức là người đã làm được chủ cả tình dục và ý chí của mình. (...) Những nhà luyện khí Trung Hoa, Ấn Độ sai khiến tạng phủ, nói với tạng phủ, như chủ nói chuyện với tớ. Họ tập cho tạng phủ của họ quen với kỷ luật với sự tuân mạng lệnh của Thần Minh, nếu không thì khi hữu sự nó không theo ta. Cái đó là lẽ cố nhiên. Khi ta muốn yên tâm, mà nó cứ lo sợ. Khi ta muốn giữ ôn hòa thì nó vẫn nổi nóng... là tại ta không tập bắt nó phục tùng từng việc nhỏ hằng ngày cho quen.

Ta phải sai khiến nó từ cái ăn, cái ngủ, cái làm. Ví như ta muốn ăn đồ ngon (rượu thịt), ấy là cơ thể ta ham muốn sự sung sướng. Ta phải lấy cái lý mà suy và thấy không có lợi ích gì cho xác thịt, hãy ra lệnh cho nó đừng ăn, ta thắng được nó. Cứ mỗi cái nhỏ nhặt như thế ta tập cho nó quen sự vâng lời, thì đến khi việc lớn, không bao giờ nó dám cãi. Đừng đi kiếm những việc khó làm, lớn lao khác (cứ làm những việc vụn vặt mà người ta hay khinh thường, không chịu làm). Ta bắt nó phải làm chu đáo, thì khi gặp việc lớn lao ta cũng đủ ý chí bắt nó phải tuân lệnh, hy sinh tư kỷ mà thành phi thường hay phi phạm.

Điềm tĩnh là một trạng thái của nội giới. Bởi ta điềm tĩnh bên trong, nên bề ngoài dáng điệu cử chỉ mới thấy vẻ im lặng. Cái đó là tinh thần ảnh hưởng vật chất. Nhưng vật chất cũng ảnh hưởng lại tinh thần. Những cử chỉ điềm đạm, nếu khéo giữ gìn, cũng khiến được tâm hồn trầm tĩnh. Trị được thân thể cử động của mình là đã đi được một bước khá dài trên con đường đến điềm đạm. (...) Trong những cuộc hành lễ của các tôn giáo, những cử chỉ nhứt định như quỳ lạy, đọc kinh đi lễ... cũng đều do một

nguyên tắc ấy mà ra. Thật vậy, những cử chỉ khiêm nhường gây cho thân trí người có một khuất phục. Muốn có đức tin và lòng tôn kính hãy bước vào đền thờ hay chùa thất, hãy dự vào những cuộc cúng lễ đi. Pascal nói: “Hãy bắt thân, trí anh bỏ tự ái, qui gối và đọc kinh, rồi đức tin sẽ đến cho anh.” (Có đức tin sẽ tăng thêm đậm.)

(Theo *Cái Dũng Của Thánh Nhân*, của Nguyễn Duy Cần)

30. QUẢNG GÁNH LO ĐI

Ông Edward E. Svans gần tự hủy đời ông, cho tới khi ông học được rằng: “Đời sống ở trong hiện tại, ở trong ngày đang sống, trong giờ đang sống.” Ông giúp việc trong một thư viện để nuôi một gia đình bảy người. Sau tám năm ông mới dám ra số vốn 55 mỹ kim mượn của bạn. Ông phát đạt ngay, và mỗi năm ông kiếm được 20.000 mỹ kim. Ông nói: “Tôi ăn không được, ngủ không được. Tôi đau một chứng kỳ dị mà nguyên nhân chỉ là ƯU PHIÊN. Một hôm đang đi tôi té xỉu trên lê, từ lúc đó tôi không nhắc chân được, mỗi ngày một yếu. Sau cùng bác sĩ nói rằng tôi chỉ sống được hai tuần nữa mà thôi. Tôi sợ lắm, lập di chúc rồi nằm đợi chết. Từ đó tôi hết lo lắng phần đầu nữa. Tôi bỏ tuốt cả, nghỉ ngơi yên chí đợi chết (hết sợ chết, không sợ thất bại). Tôi ngủ được vì biết chắc sẽ giữ sạch nợ đời. Ngủ li bì như một em bé, hết lo thì tôi cũng hết mệt, ăn được và lên cân. Rồi sau sáu tuần, tôi đi làm. Trước kia tôi kiếm 20.000 mỹ kim một năm, bây giờ mỗi tuần có 30 mỹ kim mà tôi thấy hài lòng. Tôi đã học được một bài học: Không còn lo lắng, không còn tiếc thời phong lưu trước, không lo về tương lai nữa. Tôi đem hết thì giờ nghị lực và hăng hái để làm nghề mới.” Thế rồi, ông Edward lại lên như điều làm chủ phi trường Edward,

một phi trường mang tên ông.

Một người khác nói: “Tôi AN PHẬN nhận cái tai hại nhưt có thể xảy ra, kể cả cái chết. Rồi tôi rán cải thiện nó bằng cách để cho tinh thần hưu dưỡng và hết lo nghĩ để tâm hồn bình an trong thực tại. Sự bình tĩnh trong tâm hồn đã phát ra một nguồn sanh lực mới, nhờ vậy tôi thoát chết.”

GIẾT TA BẰNG CÁI ƯU SẦU. Sợ lo, oán ghét, tánh vô cùng ích kỷ, không biết thích nghi với hoàn cảnh là nguyên nhân của bệnh đau bao tử ... Một cuộc nghiên cứu 15.000 người đau bao tử ở nhà thương Mayo đã chứng thực điều này.

Platon nói: “Các y sĩ có một lỗi lầm lớn nhưt là họ chỉ rán trị thân thể. Không nghĩ tới trị tinh thần, mà thân thể và tinh thần là một. Không thể trị riêng, không có gì giải trí và làm cho ta được nghỉ ngơi bằng lòng tín ngưỡng, giấc ngủ, âm nhạc, vui cười.

Ta phải tin ở Thượng Đế là yên chí ngủ ngon. Phần đông chúng ta mạnh khỏe hơn ta tưởng. Chúng ta có những năng lực tiềm tàng mà chưa bao giờ dùng tới đó là ĐỨC TIN.

(Theo *Quảng Gánh Lo Đi*, của Dale Carnegie)

31. ĐỨC TIN

Khi ta có việc tranh chấp, thưa kiện, trong lòng bối rối lo âu, ta giao luật sư đảm trách việc kiện tụng tranh chấp đó thể cho ta. Tự nhiên trong lòng ta yên ổn không lo ngại. Vì ta đặt đức tin rằng với tài hùng biện tháo vát, luật sư ấy sẽ có thể gỡ rối và giúp cho ta được việc. Cũng y như thế, trong những cơn thất bại, đau khổ của cuộc đời, sau khi ta

đã vận dụng hết sức mình để tìm phương giải quyết, ta nên đặt trọn đức tin nơi Thiên Liêng. Giao phó vận mạng của ta trong tay Thượng Đế thì ta sẽ được bằng an trong tâm hồn và tránh khỏi mọi điều phập phồng lo sợ cho tương lai.

Các nhà chữa bệnh thần kinh ngày nay hầu như trở thành những nhà truyền giáo. Họ khuyên người đời nên có đức tin nơi thiên liêng và lòng tin ngưỡng tôn giáo, không phải để tránh hỏa ngục ở cõi giới bên kia mà để tránh lửa hỏa ngục của đời sống hiện tại. Đó là ngọn lửa của ƯU PHIÊN. Nó giày vò, thiêu đốt trong tâm can, gây nên những chứng bệnh: đau tim, loét bao tử, áp huyết cao, loạn trí, loạn thần kinh, và điên khùng. Thánh Gandhi đã nói: “Nếu tôi không nhờ sự cầu nguyện thì chắc tôi đã bị loạn trí từ lâu rồi.”

Nhờ có đức tin con người mới có đủ sức nhẫn nhục trước nghịch cảnh, đủ sức phấn phát, đủ sức hành động nếu cần phải hy sinh vì đạo lý như những bậc tử đạo. Muốn có đức tin, nên học hỏi đạo lý để thông hiểu luật Trời, biết rõ những định luật tiến hóa, luân hồi, nhân quả để hiểu thấu Thiên cơ. Đức tin phải do ta tự tạo ra, chứ không ai cho ta được. Muốn tự tạo cho mình có đức tin, ta hãy áp dụng nguyên tắc này: Muốn biết lợi phải nhảy xuống nước. Muốn có đức tin ta hãy cầu nguyện hướng mọi tư tưởng vào một đời sống tâm linh, tự đặt mình vào một tư thế thuận lợi cho việc giao cảm với Thiên Liêng. Thí dụ như thường lui tới các nơi đạo viện tiếp xúc với các bậc chơn tu đạo hạnh, hoặc siêng năng đi nghe thuyết giảng đạo lý ở các giảng đường. Nhờ đó, chúng ta có thể tiếp nhận được điều lành của Ông Trên và đức tin sẽ lần khai mở để giúp chúng ta vững bước trên đường hành đạo.

(Theo *Luân Hồi, Nhân Quả, Tiến Hóa*)

Bàn thêm. Làm ăn thật thà lương thiện để giúp nhau no cơm ấm áo, sống bình an. Dạy học, nuôi trẻ, nêu gương hành động hướng thiện, hướng thượng cũng là một khía cạnh hành đạo bát chánh vô tâm.

32. SỨC MẠNH VÀ TƯ TƯỞNG

Một khi ta đã xác tín vào tầm quan trọng của việc Chúa giúp đỡ ta trong khi hành động và thứ nhất là khi ta chữa bệnh, thì ta thấy có sự tiến bộ rõ rệt trong việc giúp bệnh như phục hồi sức khỏe.

Một ông giám đốc xưởng chế tạo hóa phẩm ở Hoa Kỳ thuật: Mấy năm trước đây tôi bị chứng cốt thủng ở quai hàm, các bác sĩ nói bệnh này không chữa được. Tôi bắt đầu đọc Kinh Thánh và thấy được an ủi, thanh thoi tâm trí. Tôi nhận rằng cái điều làm tôi khổ sở, nay trở thành không đáng kể cho lắm... Từ đó bệnh tôi cứ thuyên giảm dần. Tôi trở lại với các bác sĩ đã khám bệnh cho tôi. Họ đều ngạc nhiên và cho rằng đó là tạm thời. Tuy nhiên, trong thời gian sau đó, tôi đi khám lại, thì họ cho biết là bệnh của tôi đã khỏi hẳn.

Y khoa hiện đại cũng nhấn mạnh vào mối tương quan tâm sinh lý trong sức khỏe của con người, nghĩa là mối tương quan chặt chẽ giữa sức khỏe tâm hồn và thể xác lành mạnh... Có một điều hiển nhiên là ta thường thấy rằng: Thượng Đế tỏ quyền năng của Ngài qua vị bác sĩ, người thực hành khoa học và qua vị mục sư người thực hành đức tin. Vì tin tưởng sâu xa vào lối chữa bệnh này mà bác sĩ Lieb và Smiley Blanton đã sáng lập một dưỡng đường tôn giáo trị liệu tâm bệnh đã từ nhiều năm nay.

(Theo *Sức Mạnh Và Tư Tưởng*, Phương Tây xuất bản, 1971)

Bàn thêm

*Đức tin như bình ắc qui
Sạc bằng Thiên điển đủ khi có dùng
Bật đèn tâm sáng vô cùng
Bắt đài tiếng nói Thiên Cung, Diêu Trì
Phát ra nhọn điện từ bi
Diệt trùng tam độc, sánh bì thuốc tiên*

33. LUẬT CÔNG BẰNG (LUẬT NHƠN QUẢ)

Nếu gặp nghịch cảnh quá lớn, người hiểu biết đạo lý chấp nhận như là sự hành động đương nhiên của luật nhơn quả. Nhưng tùy theo trình độ hiểu biết đạo lý của họ nhiều hay ít, sâu hay cạn, mà mỗi người có một cách phản ứng khác nhau.

a. Thái độ tiêu cực: Có người cắn răng chịu đựng đau khổ trong âm thầm. Vì đã quá hiểu rõ luật Trời, họ không còn than trời trách đất, không nguyên rủa Thượng Đế bất công, nhưng họ chịu đựng nghịch cảnh đó với một thái độ tiêu cực. Họ chịu đựng sự ngang trái đau khổ bởi vì họ bắt buộc phải chịu đựng, họ không thể làm khác hơn.

b. Thái độ tích cực: Thay vì âm thầm chịu đựng đau khổ, thái độ khôn ngoan nhứt là hợp tác với nghịch cảnh, hay thích ứng với hoàn cảnh, nó sẽ giúp ta vượt qua mọi tai họa; khổ đau hay hoàn cảnh ngang trái một cách dễ dàng.

Nhà tâm lý học Alfred Adler có nói rằng: “Một trong những đặc điểm kỳ thú của con người là con người vốn có tiềm năng để chuyển bại thành thắng, hóa dở thành hay, làm cho xấu trở nên tốt.” Ông Dale Carnegie có chép một trường hợp này, do một thiếu phụ kể chuyện lại như sau: “Tôi khổ sở quá, trong cơn thất vọng, tôi bèn viết thư cho

cha mẹ tôi, kể rõ sự tình và nói rằng tôi không thể chịu đựng nổi được nữa và sửa soạn trở về nhà.” Cha mẹ tôi trả lời. Trong đó chỉ có hai câu nhưng hai câu ấy đã làm tôi thay đổi thái độ, mà nó lại hoàn toàn thay đổi cả cuộc đời tôi từ đó trở về sau: “Hai người tù nhìn ra song cửa sổ, một người nhìn thấy trăng sao.” [*Cần đọc nhiều lần hầu suy nghĩ mới thấy thâm thúy lý cao siêu.*] Tôi quyết định tìm thấy cái khía cạnh tốt trong hoàn cảnh hiện tại. Tôi phải nhìn lên để mà thấy trăng sao thay vì nhìn xuống vũng bùn. Hoàn cảnh không thay đổi, thay đổi chính là tôi: Tôi đã thay đổi thái độ tinh thần của tôi, nhờ tôi đã chuyển cái cuộc sống khốn đốn, khổ sở của tôi trở thành một cuộc sống phiêu lưu kỳ thú nhất trong đời. Thế là tôi đã vượt mình ra khỏi cái ngục tù [*trong tư tưởng*] trước kia để nhìn lên mà thấy cánh trăng sao sáng sửa tốt đẹp huy hoàng. Thánh Gandhi biết sử dụng thời gian bị giam cầm trong nhà ngục một cách hữu ích... Coi như những thời kỳ mà ông nhập tịnh thất. Trong những năm ở đê lao, ông có dịp suy gẫm trong im lặng, hướng tư tưởng tới các đấng thiêng liêng, tịnh dưỡng tinh thần và bồi bổ tâm linh cho được khỏe khoắn để khi được trả tự do, ông lại có thể tiếp tục hoạt động chánh trị một cách sáng suốt với một nguồn cảm hứng thiêng liêng dồi dào phong phú.

Ta có thể coi tất cả mọi đau khổ, nghịch cảnh như những phương tiện cần thiết cho cuộc tiên hóa tâm linh của mình. Người học đạo gặp nghịch cảnh thì nghĩ rằng: “Cái tai họa này có thể đem lại cho ta bài học gì? Bằng cách nào ta có thể cải tiến, sửa đổi cho xấu trở nên tốt, để có chuyển bại thành thắng?” Những điều ta muốn thường không có lợi cho cuộc tiên hóa. Chỉ có Đấng Toàn Năng cầm quyền sanh hóa vạn vật mới thấy ta cần những gì và cần gặp những hoàn cảnh nào thuận hay nghịch để giúp cho ta tiến hóa. Hiểu như vậy, ta có thể đón nhận mọi

ngịch cảnh một cách bình tĩnh hồn nhiên khi nó xảy đến.

Một tư tưởng thù hận cũng đủ cắt đứt dòng ảnh hưởng của những công quả thánh thiện và phúc đức. Vậy mỗi khi ta nhớ đến những điều thương tổn do người khác gây cho ta, hãy thốt lên câu này: “Tôi tha thứ cho những kẻ đã lãng nhục tôi hay làm khó tôi. [*Ở đời này mấy ai khỏi lỗi; ta rộng lượng tha thứ lỗi người mới mong được Ôn Trên cầm cân công bằng xá tội cho ta.*]” Hãy thốt lên chứ không chỉ nghĩ trong trí mà thôi. Bởi vì, lúc đầu có thể rằng lòng ta chưa muốn tha thứ hoặc chưa thương yêu. Việc thương yêu kẻ thù của chúng ta chỉ có thể do kết quả của một sự cố gắng tuần tự chậm chạp, một sự thay đổi lần lần. Những lời nói do ta thốt lên sẽ giúp cho ta thực hiện sự thay đổi đó. Chúng sẽ có tác động trên những trung tâm xúc cảm và thay đổi tình cảm của ta.

34. HÃY QUAY VỀ HƯỚNG MẶT TRỜI

Một buổi sáng đẹp trời, tôi đi dạo trong vườn. Mặt trời ló dạng và tỏa ánh sáng chói lòa vào một cây lê đang trổ bông. Thật là một cảnh đẹp vô cùng làm tôi chóa mắt. Tôi bước đi chậm rãi. Và sau đó tôi thấy vàng mặt trời nằm trọn vẹn trong cây táo, rồi trong những cành hoa một cây cổ thụ, tỏa ra những tia sáng rực rỡ tung bưng. Tôi trầm nghĩ vào giờ này, những ai quay về hướng mặt trời đều thấy vàng thái dương toàn vẹn xuyên qua tất cả những cảnh vật mà họ ngắm nhìn. Nhưng nếu tôi quay lưng lại mặt trời, tôi chỉ thấy cái bóng đen của tôi thôi.

Cũng như thế, khi chúng ta hướng về tinh thần thiêng liêng cao cả, chúng ta nhìn thấy sự thiêng liêng cao cả đó trong tất cả chúng sanh. Trái lại, khi ta quay lưng lại tinh thần, chúng ta chỉ nhìn thấy nơi mọi người cái bóng đen của sự nghi ngờ sợ sệt, lo âu của chúng ta cái màn đen ảm

đạm của những tội lỗi, khuyết điểm sai lầm của họ. Hãy quay về hướng mặt trời đầy ánh sáng, hãy quay về tinh thần thiêng liêng, tức Chơn Như, Phật tánh, Chơn Ngã bất diệt, ta sẽ thấy chiếu diệu nơi họ và xuyên qua họ những tia sáng diệu quang đến mắt ta, truyền qua ta. Những thói xấu, những sai lầm của họ sẽ không tồn tại được bao lâu.

Bàn thêm. Hạnh phúc như bóng theo hình. Nếu ta quay lưng về hướng mặt trời, chạy theo bóng thì không bao giờ bắt được nó. Nếu ta quay lưng lại bóng, trông về phía mặt trời, thì nó theo ta.

35. CÁCH PHÁN ĐOÁN

Người ta thường vì những sự không đâu nhỏ mọn mà gây ra phiền não cho mình. Nếu ai cũng biết thản nhiên đối với sự vật, bình tâm mà xét sẽ thấy trên trăm việc đến cho mình, chín mươi việc không đáng bận tâm chút nào cả. Làm cho người phiền muộn không phải là tự ở sự vật, mà chính là ở cái cách người ta phán đoán về sự vật. Như vậy, mỗi khi ta buồn bực rồi phiền não ta đừng trách ai, chỉ nên trách ta, trách sự phán đoán của ta mà thôi. [*Phải nhớ rằng ở đời, vui buồn sướng khổ nhục vinh đều do mình nhận xét phán đoán và cảm chúng chớ không ai có quyền gì đem đến cho mình khi ta biết tự chủ.*]

Người trí là người biết phân biệt: Trong đời những cái gì là định mệnh, những cái gì là tự do. Nghĩa là những cái gì không tùy ta và những cái gì tùy ta. Không tùy ta như: sanh tử, tai nạn, giàu nghèo... Những điều ấy đến cho ta hoặc bỏ ta mà đi thì ta không quyền cản trở nó được. Tùy ta là ý nghĩ và sự phán đoán của ta. Người ta chửi mình là điều không thể cản đặng, nhưng không vì thế mà ta cho là nhục, giận dữ bực tức, hoặc ta xem đó như không có, bình tĩnh thản nhiên, thế mới là tùy mình.

Tâm trí con người bị mắc trong vòng lẩn quẩn của cái SỢ, làm gì không sanh sự KHIẾP NHƯỚC được. Người ta vì quá ham mê sự sung sướng về mặt vật chất thành ra tâm hồn phải trở ra hèn yếu bạc nhược. Họ rất sợ sự nghèo khổ... Trong khi lo sợ như thế họ phải khép mình chịu nhiều nỗi khuất phục về tinh thần trước nhiều thế lực. Họ tưởng họ làm chủ lấy sự vật, thật ra sự vật ấy làm chủ lấy họ mà họ không dè. Kẻ nào còn sống nô lệ tình dục mình, nô lệ sự sung sướng xác thân của mình, đều là những người không bao giờ mong mỏi đi vào cõi chí thiện của sự điềm đạm được.

Kết luận: Muốn đi đến một tinh thần đại dũng không phải là một việc không thể làm được. Cần yếu là phải có ĐỨC TÁNH THÀNH THẬT VỚI MÌNH.

Luôn luôn để cái trí tưởng tượng dưới quyền kiểm soát của trí thức. Trí tưởng tượng có hại là khi nào ta để nó hỗn loạn tha hồ, không kiểm soát gì hết. Nếu ta khéo lợi dụng nó thì nó sẽ là một lực lượng giúp cho sự điềm đạm của ta không phải nhỏ. Thay vì dùng trí tưởng tượng để tăng sự lo sợ khiếp hoảng, sao ta không biết dùng nó để tăng sự điềm đạm của ta thêm? [*Cứ tưởng tượng có Thượng Đế toàn năng ngự nơi tâm để cầu nhờ hướng dẫn, tưởng tượng việc làm phải sẽ có chư Thần ám trợ hộ trì. Đừng tưởng tượng bị bệnh gì theo lời người ám thị, hay sợ tai nạn nào có cô hồn theo ám ảnh, xúi bậy.*] Trí tưởng tượng là một sức mạnh phi thường hiệp cùng ý thức chánh đáng nó có thể thay đổi hết cả cuộc diện của đời người. Làm chủ được trí tưởng tượng là làm chủ được một lực lượng lớn lao nhứt trong đời không còn cái gì mà ta không làm được.

(Theo *Cái Dũng Của Thánh Nhân*, của Nguyễn Duy Cần)

36. QUẢ BÁO CỦA SỰ CHẾ GIẾU KHINH BỈ

Ông Edgar Cayce (1877-1945, người Mỹ) soi kiếp và trình bày những bằng chứng về quả báo.

Sự kiêu ngạo có thể tạo nên nghiệp báo đau đớn xác thân, như là khi nó biểu lộ bằng sự chế giễu hay khinh bỉ. Một cái cười độc ác, hay những lời nói gièm pha, chỉ trích, chê bai, dường như gây một cái nhân tương đương với một hành động bạo tàn sẽ mang đến một quả báo dội ngược. Người chế nhạo phải bị một thứ bệnh tật tai ương đau khổ giống như người bị chế giễu.

Thí dụ 1: Một người đàn bà 34 tuổi bị liệt bại từ năm lên 6, nên bà què chân và xiêu vẹo cột sống. Một lần bị té ngã trên những bậc thang bằng đá làm cho bà phải nằm liệt giường. Nguyên nhân: Linh hồn này thuộc dòng dõi nhà vua Palatius và thường đến vũ trường xem những cuộc đấu võ giữa hai tội nhon hoặc một tội nhon với một thú dữ. Sự đau khổ hiện thời, một phần lớn là bởi y đã cười cợt một cách khinh bỉ trước sự yếu đuối bất lực của kẻ tù nhon bị thú dữ xé xác. [*Ai vui thú đá dế, đá gà, thích xem đấu võ có thấy ón không?*]

Thí dụ 2: Một thiếu niên bị tai nạn xe hơi hồi 16 tuổi, bị đứt ngang tủy xương sống, hoàn toàn liệt bại nửa thân mình. Trong kiếp trước, y là một người lính trong đạo binh La Mã và lấy làm khoái chá khi nhìn thấy nỗi đau khổ của những người theo đạo Da Tô bị hành hình ở pháp trường. Về sau y thích xem những địch thủ của y đối đầu với các thú dữ. Y đã nhận thấy nhiều cảnh tượng tàn ác, gây sự đau khổ chết chóc, nhưng y không chút động lòng. Hậu quả là kiếp này y phải nhìn thấy sự đau khổ của chính mình. Quả báo này có tác dụng sâu xa là nhờ bản thân đau khổ, y cảm thấy rằng tín ngưỡng tôn giáo mà y giễu cợt nhạo báng kiếp trước, thì nay tín ngưỡng ấy đã đột khởi

trong tâm hồn y để bù lại những gì y đã tạo ở kiếp trước.

Những quả báo đau khổ xảy đến cho ta có lẽ gây một ấn tượng sâu xa thắm thía hơn là những quả báo tốt lành. Nhất là nó lại càng thắm thía hơn vào thời buổi hỗn loạn và suy đồi hiện nay.

Thử thách hữu hiệu nhất để biết được người thắng được tật ham ăn hay chưa là đặt trước mặt y những món cao lương mỹ vị mà y ưa thích để xem y có biết tự chủ hay không. [*Thử người nghiện rượu, thuốc, sắc đẹp cũng thế.*] Người ta không thể biết được một người đã hoàn toàn tự chủ, nếu y không gặp thử thách.

(Theo *Bí Ẩn Cuộc Đời*, Nguyễn Hữu Kiệt dịch)

37. QUẢ BÁO TREO

Người ta tự hỏi: Tại sao nghiệp quả không báo ứng ngay tức khắc, như một quả banh dội lại ngay sau khi được ném vào tường?

Một là linh hồn đã gây nhơn, tạo nghiệp, phải đợi đến khi có hoàn cảnh và thời giờ thuận tiện cho quả kia kết thành hình, chờ hội đủ nhơn trợ duyên. Trong khi chờ đợi, thì thời gian đó được sử dụng để cải thiện cho tâm linh đương sự biết hối ngộ, tu thập thiện mà giải nghiệp lần. Chừng nào đương sự mãi ngoan cố không biết phục thiện lại còn tái phạm, tạo thêm nhơn trợ duyên, thì quả mới đến để thức tỉnh. Thí dụ người kia vay năm triệu đồng, làm ăn thất bại nay không thể nào trả hết số tiền đó một lần. Nếu y có thiện chí xin làm công trừ lần thì ắt chủ nợ cũng thương tình chế bớt tiền lời. Mỗi kiếp sống cũng vậy dầu cho ta có bị khó khăn như thế nào ta cũng phải sống với trọn kiếp của mình với một niềm tin tưởng chắc chắn rằng: Trên Thiên Đình, không bao giờ bắt ta trả dứt ngay một

quả mà ta không thể chịu đựng.

Những câu hỏi sau đây đã được nêu ra: Đối những người đau khổ vì một chứng bệnh quả báo, phải dùng phép điều trị như thế nào? Có hy vọng chữa khỏi chứng bệnh như quả đó không?

Luôn luôn trong những cuộc soi kiếp, ông Cayce đều lập lại câu này với bệnh nhơn: “Đó là nghiệp quả của anh chị. Và bây giờ là điều mà anh chị có thể làm để sửa đổi lại.” Bệnh được thuyên giảm một phần nào do sự áp dụng phương pháp điều trị về thể chất. Nhưng nếu những tâm hồn này lấy làm tự mãn và không chịu thay đổi thái độ về mặt tâm linh, nếu y còn nuôi lòng hận thù, ích kỷ, độc ác, bất công và ganh ghét, nếu y vẫn còn nuôi trong lòng những gì trái ngược lại với đức kiên nhẫn, khoan dung, bác ái thiện cảm, thì bệnh trạng của y không thể nào chữa nổi.

Dưới đây là một thí dụ và sự khuyên răn của ông Cayce cho một người bị chứng bệnh lao tủy xương sống: “Anh hãy nhớ rằng nguồn gốc bệnh trạng của anh là tự anh gây ra. Nó là một chứng bệnh quả báo. Phương tiện tốt nhất là anh hãy cầu nguyện Ôn Trên và hoàn toàn tin tưởng nơi Đấng Thiên Liêng, vì Ngài là công bằng chơn lý và ánh sáng.”

Nhưng muốn được hiệu nghiệm, những phương pháp đó phải được thi hành một cách thành thật chớ không phải làm máy móc, tượng trưng. Nếu không có một tình thương nhơn loại và chúng sanh phát ra từ đáy lòng, nếu không lập đức từ bi nhân ái, thì phương pháp thực hành kể trên chỉ là trống rỗng.

Bàn thêm. Chúng ta mở nhiều phòng thuốc phước thiện, nếu thật muốn cho bệnh nhơn mau khỏi, tôi tưởng cũng nên khuyên họ trọn tin nơi Trời Phật mà cầu nguyện,

phát tâm từ bi thương đều muôn vật.

Khi ta lo lắng mãnh liệt bám vào cái gì thì cái đó tuột ra khỏi. Tôi đã học được thái độ này của Rainer Maria Rilke (1875-1926, nhà thơ Đức): “Ly biệt trước đi, bất kỳ là đối với cái gì. Mình không bám vào một cái gì cả, thì ai có thể cướp của mình được. Sự an toàn của tôi là sự an toàn của loài chim, tôi không nghĩ phải dự trữ gì cho ngày mai, chỉ lo việc ngày nay cho chu toàn, sống vui với thực tại mà vươn lên. Ngày nay phải hơn ngày hôm qua về tinh thần hy sinh cho đại thể để tiến hóa.”

38. NƠI NƯỞNG TỰA CUỐI CÙNG

Tháng 6-1942, thành số Tobrouk rơi vào tay quân Đức. Về phía Đông Nam thành phố có một đơn vị đang phòng thủ bị tấn công tới tấp. Một vài người trong bọn tôi còn sống sót phải lê bước dưới trời nắng chang chang kéo theo những người thương binh. Chúng tôi sợ đủ mọi thứ: Sợ chết, sợ bị bắt, sợ những điều đang chờ đợi. Đột nhiên một vài tiếng nói xẹt qua tâm trí tôi: “Tôi đi qua thung lũng của Tử Thần. Tôi sẽ không sợ gì nữa...” Tôi không hiểu tại sao lại có ý nghĩ đó. Lời nói ấy đang vang lên trong lòng tôi, và bao nhiêu sự sợ hãi lo âu như bay mất, nhường chỗ cho lòng can đảm và hy vọng. Thực khó cất nghĩa được những ý nghĩ đó, trong khi tôi đang đi trong hỏa ngục. Điều tôi biết chắc chắn là tôi cảm thấy mình không cô đơn và chính một *sức mạnh nào đó từ trên trời đã dẫn dắt tôi trong lúc đau khổ*. Bạn muốn đặt cho sức mạnh nào đó cái tên gì cũng được, nhưng vấn đề quan trọng là sức mạnh đó có thật, chỉ chờ được đặc dụng trong trường hợp cần thiết. Nếu chúng ta muốn trưởng thành trong tâm trí, chúng ta phải nhận rằng an ninh của chúng ta nằm trong một sức mạnh vô hình tiềm tàng trong người ta. Không

biết đến sức mạnh đó, không lợi dụng nó tức là đã đi vào cõi chết ngay trong lúc còn mạnh.

Nhưng nếu chúng ta muốn vươn cao lên, trí óc chúng ta cần một thứ đồ ăn: Cầu nguyện, hy sinh, và kỷ luật.

(Theo *Sống Mạnh và Sống Vui*)

39. TÌM LẠI TÌNH YÊU

Tình yêu là điều cần thiết cho loài người và nguồn gốc phong phú về sức mạnh và ảnh hưởng trong xã hội chưa được khai thác đúng lý. Người đàn bà đem hết cuộc đời mình ra phụng sự chồng con đến nỗi không còn biết gì đến thế giới bên ngoài, thật ích kỷ hơn là yêu chồng. Tình yêu thật sự không thể vui lấp như thế mà phải tung bừng nở hoa. Thực ra họ chỉ làm hư con cái hơn là giúp cho chúng phát triển. Đối với một người chín chắn, thì tình yêu phải như Platon nghiên cứu: Tình yêu bắt đầu từ lòng yêu người chung quanh, rồi sau đó phát triển ra khắp nhân loại. Yếu tố của tình yêu giống nhau hết dù là giữa vợ chồng cha con, mẹ con hay giữa người với nhân loại. Tình yêu thật sự giữa các cá nhân phải giúp cho con người phát triển và khuyến khích cho con người phát triển. Tình yêu thực sự không phải là cản trở, và một con người tiến bộ không thể bắt buộc một con người khác làm nô lệ cho mình, dù là nô lệ tình yêu. Một nhà báo viết: Yêu người khác tức là cho người đó điều gì họ cần, vì lợi ích của họ, chứ không phải vì lợi ích của mình. Tình yêu [*đạo Cao Đài gọi là thương yêu*] cũng bao gồm cả tâm lòng từ bi bác ái. Đừng đưa cho người một hòn đá, khi người cần bánh mì. Và đừng đưa bánh mì cho người chỉ cần thông cảm. Mỗi người chúng ta đều có một CON NGƯỜI. Những kẻ thường tình không nhìn thấy được [*đó là CHON NHON, Chơn Tâm, Phật Tánh, Như Lai...*]

Tình yêu chính là đất, là không khí là mầm sống của con người. Tình yêu không thể van xin được mà phải nâng đỡ con người. Nếu chúng ta để cho mình bị ngự trị bằng những tưởng tượng “KÈM CHẾ người” thì tình yêu sẽ phai tàn ngay.

Bác sĩ Montagu trong cuốn sách hướng dẫn sự phát triển con người đã viết: “SÔNG và YÊU là một và tôn giáo nào cũng nhấn mạnh đến chỗ đó. Giới hạn tình yêu vào người trong gia đình và bạn bè mình là điều lầm lớn. Càng yêu người bao nhiêu, càng có thể yêu nhiều bấy nhiêu. Tình yêu là một sức mạnh của đời sống, tỏa ánh sáng khắp mọi phương diện của cuộc đời.”

Bàn thêm. Yêu và hy sinh có quan hệ qua lại. Có yêu mới vui hy sinh, hy sinh lạc thú và tự do riêng mình, hy sinh thì giờ công sức để làm nên cho người, giúp người nên đạo. Có hy sinh mới biểu lộ, thể hiện tình yêu tấn hóa. Loài nào, người nào càng biết hy sinh, càng có lòng thương yêu rộng thì trình độ tấn hóa càng cao. Muốn được lòng người khác chúng ta phải cho trước khi nhận. Không phải chỉ tự nhủ rằng: Chúng ta có một trái tim bằng vàng là đủ. Vàng đó cần phải đem chia nhau xài mới có ích.

Thí dụ ta đoán được những nhu cầu của người khác, ta tỏ ra tế nhị kín đáo không nói rằng thương, nhưng ta cũng tìm cách giúp đỡ để biểu lộ ra ngoài. Một ông già 103 tuổi đã nói: “Muốn tận hưởng những năm cuối cùng của đời mình, chúng ta nên làm việc hết mình. Mình sẽ không còn thời gian nghĩ đến tuổi tác, bệnh tật và tất cả những sự khó chịu.” Nếu chúng ta trưởng thành và chấp nhận quan niệm nói trên, thì chúng ta không hề già đi chút nào, chúng ta chỉ lớn lên thôi (lớn về tâm hồn).

40. TẬP HIỀN MINH

Trong kho tàng văn hóa của nơn loại có biết bao nhiêu lời hay ý đẹp, những suy tư về hạnh phúc, những tư tưởng thâm sâu, những quan niệm sống trong sáng có thể nâng cao tâm hồn chúng ta, giúp chúng ta chỉ đạo đúng cuộc đời mình, tránh được sai lầm và có được trạng thái tâm thần ổn định, thanh thản và hạnh phúc. Những lời khuyên dạy hướng dẫn cùng những kinh nghiệm sống của các bậc hiền triết, các nhà lãnh đạo tôn giáo... đáng cho chúng ta ghi chép lại để suy gẫm học tập và áp dụng [*đó là tự mỗi đức tuệ mà đi trên đường tu thân hành đạo*].

(Theo *Nâng Cao Sức Khỏe Tinh Thần Để Sống Hạnh Phúc*, của Nguyễn Thừa Nghiệp)

Bàn thêm. Thánh trước hiền xưa, tùy trình độ nơn sanh trong mỗi địa phương mà dạy đạo nên có cao thấp. Ngày nay Thầy mở Đạo qua thần cơ diệu bút, qua cửa miệng của quý vị tiên bồi linh căn: “*Lữ truyền bửu kinh dĩ giác thế ... thường thi thần giáo dĩ lợi sanh. 屢傳寶經以覺世 ... 常施神教 以利生*” Thế nên kinh sách ngày càng nhiều như lá rừng, như nước biển.

Không rừng nào chứa đủ thứ danh mộc, thì cũng vậy, không quyển kinh quyển sách nào chứa hết lý đạo thường hằng mà thường chuyển nhứt nhứt tâm. Vậy người tu chúng ta cần sắm một quyển sổ để ghi lại những tư tưởng đẹp, những lời hay, những kinh nghiệm nhiệm màu của thánh hiền truyền lại. Nó sẽ giúp ta ôn cố tri tân, tùy duyên phát minh sáng kiến, quyền biến dùng đạo pháp trị thân, vượt qua những hoàn cảnh khó khăn xảy đến.

Nếu muốn tiến bộ tự thi đua với mình, ta cũng nên có một quyển nhứt ký ghi lại mỗi ngày những việc thành công hay thất bại trên mặt tinh thần chống thập tam ma, để

rút kinh nghiệm mà đặt chương trình cho ngày sau phải hay hơn ngày trước, tiến thêm một bước về văn minh đạo đức.

41. TU HỌC NỘI TÂM

Đức Nguyễn Bửu Tài dạy:

“Chúng Tiên Huynh chỉ muốn nói riêng với chư hướng đạo và các em trong phạm vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Điều cần yếu là mỗi cá nhân trước hết phải tự lo TU HỌC về NỘI TÂM... Bởi vì Đạo là hoàn thiện hóa bản thân để lo phổ độ người đời vào đường chánh giáo, không tự kỷ, không lợi lộc về danh vọng, tiền tài thì có chi đâu mà tranh giành ảnh hưởng. Mỗi người đều lo lập công bồi đức, giác ngộ khuyến nhủ người đời vào đường thánh thiện. Dầu với hình thức nào chẳng nữa, mục đích chánh hoàn thiện hóa bản thân, độ người về đường chánh là quý rồi. Duy chỉ có một điều chưa gặp nhau, đó là quan niệm dị đồng về phương pháp hoằng dương chánh đạo, phổ độ chúng sanh.

“Chúng Tiên Huynh năm xưa đã vấp phải chỗ dị đồng về quan niệm. Hơn thế nữa, vì trong thời kỳ đạo sơ khai, sự tu học về nội tâm chưa được bao nhiêu, thế nên lòng tự ái, tự cao tự phụ mỗi người quá lớn. Còn đức hy sinh cái bản ngã thì chưa có bao nhiêu. Đó là nguyên nhân nảy sanh ra nhiều hình thức hành đạo...

“Chúng Tiên Huynh nhận thấy sự hiện diện hôm nay của chư hướng đạo từ các Hội Thánh thánh thất, thánh tịnh quang lâm đến dự lễ để thể hiện tinh thần liên giao hòa ái và xây dựng Đạo, đó là điều rất tốt vậy...

“Cứ mỗi lần chư hướng đạo cùng các em đi dự một buổi lễ đạo nào đó, khi về hãy ôn lại những gì nghe thấy

được rằng chánh chơn, thiện mỹ và hữu ích, thì hãy cố gắng ghi khắc những điều nghe thấy đó vào tâm não [*hay ghi vào sổ tay*] và liên tục nuôi dưỡng phát triển sự kiện ấy để tìm gặp lại nhau trong thời gian kế tiếp... Có như vậy mới mong nối nhịp cầu thông cảm xây dựng nền tảng qui nguyên Đạo. Nhược bằng mỗi lần đến dự lễ, sau phân lễ bái, liên giao cúng hành hương hoặc tiệc tùng liên hoan, rồi khi về đến địa phương là hết việc, thì dù có sống trăm năm chẳng nữa, bôn cũ lập lại mãi như vậy, Đạo không làm sao qui nguyên thống nhất được.”

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Ngọ thời, 30-9 Canh Tuất (29-10-1970)

42. ĐỨC KHIÊM TỐN và PHỤC THIỆN

Đức Hiệp Thiên Đại Đế dạy:

“Chư hiền đệ muội trong giới tu hành, đức tính khiêm tốn và tinh thần phục thiện là hai trong những đức tính cần thiết để giúp đỡ người tu thân lập hạnh, hành đạo, độ đời đi đến nơi đến chốn... Đạo lý dạy người đời tu thân lập hạnh, để hoàn thiện hóa bản thân trở nên hàng hiền nhân, thánh thiện. Chớ nếu con người đã hoàn thiện rồi, thì Đức Thượng Đế cũng như Phật Tiên Thánh đâu còn đến thế gian để độ đời nữa... Phật, Tiên, Thần, Thánh ngày nay ngày xưa được trọn tốt trọn lành đều phải trải qua những giai đoạn thanh lọc ấy. Có nhiều Thánh Tiên Phật, trước cũng mang thể xác làm người, cũng lâm vấp những thói hư tật xấu như ai. Nhờ biết khiêm tốn để trau sửa bản thân, rèn luyện bản tánh, mới có thể tiến hóa từ kiếp người tới hàng Thần Thánh.

“Đức khiêm tốn, tinh thần phục thiện là món bửu bối quý giá vô cùng, để giúp người tu thân hành đạo có những

cử chỉ khả ái, tác phong dễ thương, tư cách đức độ, việc làm nhơn từ, khả dĩ gây được bầu không khí hiền hòa với những người đối diện đó là tu vậy.”

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 01-02 Tân Hợi (25-02-1971)

43. TU HỌC

TU là tu tâm sửa tánh, tu đức lập thân, biến nét hư tật xấu thành tâm thiện, tánh lành, nét hay ý đẹp.

HỌC là THU THẬP KIẾN THỨC. Học để hiểu kỹ, hiểu đúng, và hiểu rộng để tiếp nhận điều hay, lẽ phải, biện biệt chánh tà, đề mình vận dụng, tài bồi phép tu đúng hướng, đạt kết quả tốt, bởi vì tri thức là chìa khóa vạn năng mở rộng mọi cánh cửa.

Muôn TU thì phải HỌC và học đúng. Tu không thể thiếu học, nhưt là ở thời đại văn minh ngày nay. Tu mà không học là ảo tưởng, mù quáng, dễ lầm lạc. HỌC mà không TU thì trở nên kiêu căng, ngã mạn. TU và HỌC phải đi đôi, phải gắng liền. Chúng ta phải quán triệt ý nghĩa đó thì việc tu học mới hữu ích.

TỔ CHỨC. Nhờ HỌC VẤN, ta có óc tổ chức, có sáng kiến và chí TIẾN THỦ. Bất cứ công việc lớn nhỏ nào cũng cần phải có phương pháp, có tổ chức hẳn hoi, có phân công trách nhiệm (để không ai tự ý dẫm chân lên việc người khác, để mỗi chiếc xe có một người lái lành nghề chịu trách nhiệm) có kế hoạch rõ ràng, có KỶ LUẬT và tinh thần tập thể giữ và nâng cao uy tín chung.

Nhiều người vào đạo ít lâu, nghe nói Huệ Năng chỉ biết giã gạo, mù chữ mà thành Lục Tổ, họ liền vội thốt ra câu: “Đại Đạo TRONG TÂM chớ ở đâu xa mà cứ HỌC HOÀI” để chế người nào thường tìm học giáo lý. Thử hỏi

mấy ngàn năm nay đã có mấy người như Huệ Năng? Đức Không hỏi: “*Học đã hảo? Bất học đã hảo?*” (Học thì tốt? Hay không học thì tốt?) Ngài đáp luôn: “*Học giả như hòa, như đạo, bất học giả như cỏ, như thảo. 学者如禾如稻, 不学者如蒿如草.*” (Người có học như lúa thóc, kẻ không học như cỏ dại.) Tôi tưởng HỌC đây là học định luật nhân quả bù trừ, học kinh nghiệm SỐNG đạo của Thánh Hiền, hoàn thiện hóa bản thân, hoàn thiện hóa tha nhân, học hiểu rành cái lý VẠN VẬT ĐỒNG NHỨT THỂ. Chánh trị học, khoa học cũng chỉ là một ngành của Đạo học.

Thử nghĩ lại xem: Một lương y đặt trọng tâm vào việc chữa trị bệnh nhơn đau khổ; một đoàn cứu trợ đặt trọng tâm vào việc hàn gắn vết thương của thiên tai chiến họa... Chớ không phải lương y chuyên khoa đầu thang thuốc bổ; đoàn cứu trợ không phải đến để đem lại sự giàu sang thịnh vượng cho lớp người nào.

Con đường PHỔ ĐỘ cũng vậy. Vì người đời quá đau khổ về tinh thần, bị đời xáo trá lừa bịp dối gạt, đang cần có người an ủi, xoa dịu tâm hồn. Đoàn người phổ độ có nhiệm vụ đặt trọng tâm vào công quả phổ biến đạo Trời, TRUYỀN BÁ GIÁO LÝ, đem tình thương thể hiện sự CHƠN THẬT, sự giúp đỡ, tương thân hòa ái, san bằng những hố sâu chia rẽ cá nhơn và cá nhơn, giữa đoàn thể và đoàn thể, giữa tôn giáo và tôn giáo. Chớ không phải phổ độ là giành giật nhơn sanh, kêu gọi nhóm kia, nhóm nọ về dưới quyền hành của mình. Hỏi rằng về như thế để làm chi? Ở đâu mà chẳng được nếu như mọi người biết tu thân, biết đem tình thương, lẽ thật đối xử với mọi người, biết đem lòng vong kỷ vị tha giúp đỡ người đời (đó là hiệp nhưt về tinh thần, qui tâm về nguồn gốc Đạo).

Ngọc thời, 28-8 Đinh Mùi (01-10-1967), Đức Mẹ có dạy tại Điều Trị Bưu Điện (thánh thất Bình Hòa, Gia Định) như sau:

“Các con đầu nhóm này, đầu nhóm khác trong đạo Cao Đài cũng như trong các tôn giáo khác đều đã phát tâm hành thiện, đã thiết lập nhiều hội thiện giúp người đời xấu số, bạc phước, cô đơn, thì cũng là con của Mẹ. Sở dĩ các con chưa có dịp gặp nhau là vì đã trải qua nhiều thời mở Đạo, mỗi phương thức hành đạo khác nhau, mỗi tổ chức tôn giáo khác nhau, mỗi con mỗi nhóm bị đóng khung vào mỗi tổ chức. Do đó đã có sự ngăn cách, nên việc làm chưa được thống hợp. Do sự đơn độc từ tổ chức một, lực lượng tinh thần trong công quả từ thiện chưa hàn gắn vết thương đau của nhơn loại.

(...)

“Từ xưa đến nay, các tôn giáo, các giáo phái trong Tam Giáo Đạo chỉ khác hẳn ở hình thức do tập quán, phong tục mỗi xứ mỗi nơi. Thật ra mục đích và tác dụng đều là tạo cho nhơn loại sống đến Chân Thiện Mỹ trong đời, và đời khỏi diễn ra cảnh ngục hình ác đạo, thì các con nào có trách nhiệm nào hãy giữ nguyên trách nhiệm ấy, và phải xem các tôn giáo bạn, các hội thiện bạn cũng đồng trách nhiệm. Nên tương trợ, khuyến khích, nâng đỡ với nhau, đầu nặng nhẹ ít nhiều. Kết quả các con sẽ gặp lại nhau trên giáo lý đồng nhứt của Đại Đạo.

(...)

“Một lần nữa Mẹ lại nhắc với các con: Không ai đặt tất cả ngọc trai trên thế giới này vào một râu chuỗi bao giờ. Cũng như không ai nạm tất cả kim cương trên thế giới này vào một chiếc nhẫn bao giờ. Thánh Ngôn cũng thế.”

Tôi nghĩ: Một vài mươi quyển thánh giáo cũng không

thể dạy hết chơn lý Đạo. “Đạo khả đạo phi thường Đạo. 道可道非常道.” Lời kinh ví như mũi tên chỉ về Bạch Ngọc Kinh dựng trên muôn vạn nẻo đường đời, tùy chúng sanh để ý dò theo đó mà tìm tới mục đích nào mình muốn đạt. Cố níu chặt mũi tên mà không dám buông ra để đi tới thì thật là phí công tu. “*Bưu tòa thơ thời trở thêm hoa*”, nhưng Thầy đâu muốn các loại hoa đều lấy một hình sắc bề ngoài giống hệt nhau. Nếu vậy thì còn gì vẻ đẹp thiên nhiên để làm vui cảnh trường cho các con vừa học vừa giải trí mới dễ phát triển tâm linh.

44. PHÁ HÌNH DANH

*Phá hình danh cho lòng vô niệm,
Vô niệm rồi trách nhiệm mới xong.*

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Ất Mão (21-8-1975)

Theo Thánh ý, người hành đạo đừng quá đặt nặng, đừng chấp nê hình danh sắc tướng bên ngoài, mà hãy hướng về mục đích tối cao của Đạo. Mượn chữ hình danh, sắc tướng làm phương tiện để đi đến cứu cánh phổ thông, phổ truyền giáo lý Đại Đạo, để thức tỉnh con người nhớ lại nguồn gốc Thiên Chân của chính mình mà lo tu học, trau tâm luyện tánh cho được càng ngày càng sáng suốt tinh diêu để giúp đời, đưa nhơn loại đến một xã hội Thánh đức đại đồng huynh đệ tương lai. Đó là mục đích tối thượng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, mà Cơ Quan nói riêng, Đại Đạo nói chung, có sứ mạng thực hiện trên hai lãnh vực: Ngoại giáo công truyền và nội giáo tâm truyền.

Đức Quan Thế Âm dạy: “*Mọi hình thái, sắc tướng, âm thanh đều là những phương tiện phô bày diễn tả đạo lý đó*

thôi. Kỳ thật, Đạo là Đạo. Chỉ có tâm vô sai biệt mới nhìn thấy lý huyền nhiệm của Đạo. Người học đạo, kẻ tu hành không nên chấp cứng danh từ hay hình thức sai biệt mà mong đắc được lý nhất nguyên của Đạo.” (13-01 Ất Mão, 23-3-1975).

(Theo Chí Tín, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý)

45. TU KHÔNG VÌ DANH

Trước đây ở ngoài đời, chúng ta chán ghét danh lợi đua chen giành giựt của thế nhơn mới vào cửa đạo để tìm những gì cao quý, không phải danh lợi, không phải là giựt giành. Mục đích cao cả là như vậy... Nhưng khi vào đạo rồi, chúng ta cố gắng tối đa để lập công, chúng ta cố gắng đóng góp tâm lực, tài lực, trí lực, tối đa vào đạo sự để có nhiều âm chất, phúc đức. Tập thể nhơn sanh, bôn đạo thấy ta có nhiều ưu thế về tâm, về đức, về tài, về vật cho nên bầu cử ta vào một chức vụ quan trọng. Rồi từ chức vụ đó, mình bỗng thấy có danh vị ai cũng kính trọng, ai cũng phải nể nang tôn ti. Từ đó tâm lòng háo danh nẩy sanh càng ngày càng lớn, khiến chúng ta độc tài, độc đoán, độc tôn rồi độc chiếm quyền hành. Từ đó khiến chúng ta tự mãn, không còn sáng suốt như buổi đầu mới vào đạo. Buổi đầu, vì chán ghét danh lợi mới vào đạo, rồi lại vương mang danh lợi trong đạo. Chỗ này Đức Mẹ gọi là tránh dây xích sắt, đeo dây xích vàng: *“Mặc dù nó bằng vàng, nhưng nó vẫn là dây xích trói buộc các con không phương giải thoát.”*

Nói tu không vì danh, không cầu danh nhưng cũng phải sống đàng hoàng đúng theo đạo lý, để giữ danh thơm tiếng tốt, hiển kỳ phụ mẫu, báo ơn sanh thành báo hiếu cha mẹ thiêng liêng đã hóa sanh dưỡng dục. Người ta luôn nhắm vào hạnh đức của hành giả mà đánh giá cái đạo của cha, vì

có câu: “Cha nào con nấy.”

46. VÀI MẪU CHUYỆN VỀ PHẠT HỮU HÌNH

a. Một nam tín hữu thuộc thánh thất Cầu Kho, rất nghèo, làm nghề chạy xe kéo. Anh ấy có một căn nhà nhỏ ở sát đường Nguyễn Tấn Nghiêm (nay là đường Phát Diệm). Trong nhà anh đã có thượng tượng thờ Thầy. Một bữa kia thừa dịp anh đi vắng, một tên phù thủy nhà bên cạnh viết một lá phù rồi qua kẹt cửa lén ném vào Thiên Bàn. Tức thì chư Thần phạt tên phù thủy ấy chạy từ đường Nguyễn Tấn Nghiêm ra đến đường Frères Louis (Võ Tánh), Général Leman (Cao Bá Nhạ) rồi chạy thẳng đến thánh thất Cầu Kho.

Lúc ấy độ 6 giờ chiều ngày thứ Bảy, cửa thánh thất mở hoát để đêm đến sẽ hành đại lễ. Tên phù thủy đầu cõ chơm bươm, hai mắt ngơ ngáo như dại như ngây, miệng không nói được một tiếng gì. Đến trước cửa thánh thất, tên ấy bị quyền lực gì chặn lại, hai chân dường như bị đóng đinh xuống đất, không giờ lên được. Đồng thời thân xác bị bắt cúi đầu đập trán xuống đất lia lịa. Thấy thế một vị đạo hữu lật đật vào báo cho cụ Đốc Đoàn Văn Bán hay. Cụ đang dùng cơm, nghe vậy bèn lên chánh điện mặc áo lễ vào, tay bưng một chung nước tam bửu và quỳ xuống khẩn vái. Vái xong cụ trao chung nước phép cho vị đạo hữu nói trên và dạy đem ra lấy một cành hoa nhúng vào nước ấy rảy lên đầu kẻ bị phạt.

Công việc được thi hành đúng như lời dặn. Dần dần người phù thủy tỉnh lại, đi vào tạ ơn cụ Đốc và thuật lại lý do bị phạt.

b. Cũng tại thánh thất Cầu Kho có một bà quanh năm chỉ chuyên môn cho vay lấy lời. Tới thời kỳ đóng tiền lãi,

con nợ nào trẻ nãi đều bị bà chửi mắng không tiếc lời. Tính hung hăng ấy của bà đã thành tật, dù rằng bà đã nhập môn và ăn chay.

Một đêm kia, bà nằm mơ thấy một ông lão râu tóc bạc phơ, điểm mặt bà mà nói rằng: “Mi dữ lắm ta phạt mi cầm ba năm.”

Sáng thức dậy, bà nói không được, bà cảm thiệt. Bà bèn đến nhà cụ Thượng Giáo Sư Lê Văn Sanh ra dấu. Cụ Giáo Sư không hiểu. Tức thì bà xuống nhà bếp của cụ bung lên một chén tương và chỉ thẳng ra hướng Bà Rịa, hai tay chấp lại và xá xá.

Cụ Giáo Sư hội ý mới hỏi lớn: “À chị bảo tôi dất chị ra Bà Rịa cho anh Phủ Tương cúng cho chị phải không?” Bà ấy gật đầu. Thấy thế cụ Giáo Sư và cụ bà cùng với bà ấy thuê xe ra quận Đất Đỏ là nơi thuộc quyền cai trị của cụ tri phủ Nguyễn Ngọc Tương.

Đến nơi, cụ Giáo Sư bày tỏ sự việc. Cụ Phủ vui lòng làm lễ giải tội cho bà. Đến lúc tụng Ngũ Nguyện. Cụ Phủ chứng đàn nghe bà ấy niệm rõ ràng năm câu nguyện.

Từ đó về sau tánh tình bà rất đằm thắm, lời nói rất hiền lành, từ tốn, không còn hung dữ như xưa.

(Theo tập san *Cao Đài Giáo Lý*, 1966-67, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý xuất bản).

Bàn thêm. TRÍ giả tự xử, ngu giả quan phân, người mê cần có bệnh hành hạ nhãn tiền mới tin mà sợ, nguyện hồi đầu hướng thiện. Kẻ học kinh nghiệm ở việc người khác mà sớm giác ngộ cái ác từng lương, làm lành giải nghiệp trước, không chờ có quả báo, mới đúng là người TRÍ dũng...

47. THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN

24-12-1926

Ngọc Hoàng Thượng Đế
viết Cao Đài giáo Đạo Nam Phương

Thầy cũng để lời rằng: Phần nhiều trong các con chưa để hết tâm tánh giúp ích vào đường chánh giáo. Thầy vì thương căn quả của các con mà lấy đức từ bi đặng Thiên phong cho các con là cố ý để cho các con hành đạo cho hoàn toàn, để bề tương công chiết tội tiền khiên hầu nâng mình vào nơi cựu vị; song nhiều đứa vẫn còn thế tục đeo đai, bước trần chưa trở nẻo, còn chất chứa gánh trần ai, ngổn ngang lẫn gió bụi, chẳng hiểu rằng sự khổ hạnh trau mình là nấc thang để bước khỏi chôn luân hồi ràng buộc. Nếu Thầy chẳng vì thương tâm, thì các Tiên Phật đã ghi lỗi rất trọng hệ của các con mà chẳng khứng cho lập công chiết tội.

Phải thường hồi lấy mình khi đem mình vào lạy Thầy buổi tối, coi phận sự ngày ấy đã xong chưa mà lương tâm có điều chi cần rút chằng? Nếu phận còn nét chưa rồi, lương tâm chưa đặng yên tịnh, thì phải biết cải quá, ráng sức chuộc lấy lỗi đã làm, thì các con có lo chi chằng bị bực chí thánh. Thầy mong rằng mỗi đứa đều lưu ý đến sự sửa mình ấy, thì lấy làm may mắn cho nền Đạo; rồi các con sẽ đặng thông dong mà treo gương cho kẻ khác. Các con thương mến nhau, diu dặt nhau, chia vui sót nhọc nhau, ấy là các con hiến cho Thầy một sự vui vẻ đó.

Thánh thi

*Hôn mê chẳng quản một thân hiền,
Tâm niệm từ nhiên đặng thấy Tiên.
Thử để hỏi tâm, tâm sẽ dạy,
Rằng trong thế giới Lão cao quyền.*

(*Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, 1964, tr.

110)

48. TRƯỜNG THI CÔNG QUẢ

Đọc *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I (1964), chúng ta thấy Thầy rất chú trọng đến trường thi công quả phổ độ nhân sanh (không nhắc đến độ tử). Thầy lập đi lập lại nhiều lần: Phải khiêm nhường [tức là bỏ tánh tự cao, tự đại, kiêu mạn], hoàn thiện hóa bản thân để dễ cảm hóa tha nhân. Như những đàn cơ tôi trích dưới đây:

a. “Con chỉ có tu mà đắc đạo. Phải ngó đến hàng ức, thiên vạn kẻ nhơn sanh chưa đặng khỏi luân hồi, để lòng từ bi độ rỗi kéo tội nghiệp.” (31-5-26, tr. 20) [Độ rỗi là khuyến thiện, giác tỉnh cho người đời đang bận rộn đa đoan, tranh lán lợi quyền sớm giác ngộ, sợ tội lỗi mà tu giải nghiệp cho tâm hồn được thanh thân, rảnh rỗi nợ tiền khiên, an vui cảnh cực lạc tại tiền. Chớ chờ hồn lìa khỏi xác còn đang mang nghiệp buộc ràng mới lo độ thì làm sao rỗi đặng?]

b. “Thần Thánh Tiên Phật muốn cho đắc đạo phải có công quả. Thầy đến độ rỗi các con là lập thành một trường công đức cho các con nên đạo.” (05-7-1926, tr. 26).

c. “Thầy hằng nói cùng các con rằng: một trường thi công quả. Các con có muốn đến đặng nơi Cực Lạc, thì phải đi tại cửa này mà thôi [cửa công quả]. Thầy lại khuyên nhủ các con rằng: Thầy đã đến chung cùng với các con. Các con duy có tu mà đắc đạo. Phải đoái lại bá thiên vạn ức nhơn sanh còn phải trầm luân nơi khổ ải chưa thoát khỏi luân hồi, để lòng từ bi mà độ rỗi.” (04-8-1926, tr. 33)

d. “Các con liệu phương thế mà nâng đỡ đức tin của

môn đệ cao lên hàng ngày. Ấy là công quả đầu hết.” (07-8-1926, tr. 34).

e. “Hạnh khiêm nhường là hạnh mỗi đứa con, phải noi theo gương Thầy mới độ rỗi thiên hạ đặng. Các con phải khiêm nhường sao cho bằng Thầy. Thầy lại nói buổi lập Thánh Đạo, Thầy đến độ rỗi kẻ có tội lỗi. Nếu đời không tội lỗi, đâu đến nhọc công Thầy. Ấy vậy các con ráng độ kẻ tội lỗi là công lớn làm cho Thầy vui lòng hơn hết.” (11-9-1926, tr. 41).

f. “Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều Phổ Độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này, thì tìm cách khác mà làm âm chất thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đoạt địa vị tối cao.” (05-3-1927, tr. 94)

g. “Lớn nhỏ phải cần tương thân tương ái nhau, kính yêu chỉ dẫn nhau, đem tác lòng thanh bạch để làm mảnh gương soi sáng bước đường hậu tấn.” (05-4-1927, tr. 95-96).

h. “Nếu các con không biết nghĩa vụ của Đạo thì sao cho xứng đáng? Vậy Thầy khuyên các con cứ thìn lòng, thìn nét cho có trật tự trong Đạo thì tức nhiên muôn điều khó cũng tan như giá.” (15-4-1927, tr. 98).

i. “Các con đặng tự do mà hành biến cho xong việc. Kẻ lo lắng bao nhiêu thì đường về chung hiệp cùng Thầy bước đặng bấy nhiêu. Kẻ vô tâm trở lòng phá nền Đạo bao nhiêu thì hành phạt sẽ chát đầy bấy nhiêu.” (12-4-1927, tr. 97)

j. “Hội Thánh phải hội một tháng một kỳ mà chỉ dẫn cho nhau về việc thuyết đạo trong mỗi đàn, nghe!” (05-4-1927, tr. 96).

k. “Nếu cứ than khó dưng bước thì dầu sự dễ cũng không thành tựu.” (05-4-1927, tr. 96).

Bàn thêm. Tôi thấy Thầy Trời còn nói đi nói lại, lặp đi lặp lại nhiều lần, vậy mà lắm người chưa thấm nhuần, chưa nhập tâm được. Tội nghiệp nhơn sanh còn chút căn lành đã lập nguyện vào Đạo. Mấy chục năm rồi mà không được ai độ rồi dạy tâm pháp Cao Đài, thực hành tam công mở lòng tứ vô lượng. E không qua khỏi ngày Hội Long Hoa.

Phàm thi

*Bao lần Thầy dạy phải thương yêu
Độ rồi nhơn sanh sống nhĩn nhiều
Thiếu đũng, chúng ta buông bốn phận
Từ bi, bác ái cũng bỏ liêu
Mãi lo tranh luận danh từ rỗng
Hành thiện tượng trưng tương quá nhiều
Yếm thế tranh ngôi kỳ thị bạn
Chờ cho người chết mới cầu siêu.*

49. ĐEM TRÍ LỰC RA THI THỐ

Đàn Cầu Kho, ngày 8-01-1927.

Thầy các con

Thầy vui thấy nhơn sanh biết hồi ngộ, chẳng quản dậm dài, đến hội hiệp nhau để bước vào đường đạo đức.

Các con phải biết: Hễ là người thì phải biết đạo; không biết đạo không phải là người. Cái chánh cái tà rồi đây sẽ phân biệt nhau. Nếu các con còn để một điểm mơ hồ trong dạ thì làm sao chóng đến nơi, đến chốn đặng?

Các con phải đồng tâm hiệp lực nhau, bỏ hết các điều tệ theo thường tình, thì mới dễ thành đạo. Vậy Thầy khuyên các con, đũa nào có trí lực bao nhiêu khá đem ra mà thi thố, chớ đừng sứt sè theo thói nữ nhi, vậy cũng uổng cái

điểm linh quang của Thầy ban cho các con lắm. Các con hiểu à!

(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, 1964, tr. 73-74)

Bàn thêm. Tôi chỉ là một tín đồ thấp thời, trí thiên tài sơ, đọc bài này, tôi mới có ý định: Một chữ cũng thi, hai chữ cũng thi, vì sắp phải rời trường. Đã đến giờ góp bài thi không lẽ để giấy trắng. Tôi nói hết chỗ hiểu biết của tôi, nếu có chi không phải, cúi xin quý vị thương tình tha thứ hay sửa sai cho.

Các tiền bối đã đem hết sức lực, vật lực dựng nên Đạo, xây thánh thất, thuyết giáo giác tỉnh người đang ngộ độc tham sân si, danh lợi tình quyền, đứng trách nhiệm Thầy đã giao phó.

Nhưng lắm đàn anh lãnh đạo mấy chục năm nay, vì khiêm nhường hay vì nhiều lẽ khác, dù thừa trí lực cũng chưa mấy ai chịu nổi bước muốn đem ra thi thố, mà chỉ ngồi chờ Thầy chuyển Thiên cơ.

50. ĐÔI ĐIỀU VỀ MÊ TÍN DỊ ĐOAN

Trong bài “*Sôi động thị trường hàng hóa cõi âm*”, tác giả kết luận: “Vấn đề chỉ có thể giải quyết được với quyết tâm của ngành văn hóa song song với việc nâng cao dân trí ngay từ lúc phong trào mê tín chưa đến lúc bắt trị.”

Nếu khoán trắng cho ngành văn hóa lo nâng cao dân trí, chúng tôi thấy chưa đủ vì chính tác giả cũng đã nhìn nhận “cả một số thanh niên trí thức nhập cuộc cũng không e dè”.

Thiết nghĩ, song song với hoạt động của ngành văn hóa, chúng ta cần phải khuyến khích giúp cho những người tu chánh tín có phương tiện tự do giáo dân vì thiện giải trừ bình tham quấy ích kỷ. Vì mê tín dị đoan cũng là một hình

thức tham nhũng, hối lộ các đảng để nhờ cậy chở che, giúp đỡ.

Muốn trị bệnh thân thì giao cho các bác sĩ lương y. Muốn trị bệnh tâm thì cần giao cho tôn giáo là ngành chuyên môn sở trường. Chính quyền chỉ cần khéo léo kiểm soát việc làm của nhóm lãnh đạo bên ngoài, coi họ như những cán bộ làm việc không lương. Khen thưởng người làm tròn bổn phận phục vụ nhân dân, bắt phân tôn giáo hay gia đình nào dạy được con em thành người tốt làm việc tốt theo đường lối tôn sư trọng đạo được Nhà nước đề xướng.

Bàn thêm. Thời nào thanh thiếu niên cũng đều có xu hướng bắt chước theo người lớn, còn muốn vượt hơn nữa là khác...

Đàn anh chị, cha mẹ, thầy cô giáo còn có khi làm lỗi, thì thế hệ sau càng xấu hơn vì gương tốt khó học, mà tật xấu dễ nhiễm, dễ đua đòi. Không phải chỉ dùng hình phạt nghiêm trị răn đe mà có thể chặn đứng lại được [*như uống rượu phải phạt, chết vì tai nạn, bệnh tật, tham nhũng bị tử hình mà có mấy ai sợ để chừa...*]. Lực lượng tôn giáo cần phải được huy động, khuyến khích đem tình thương cảm hóa giới phụ huynh trong gia đình, để họ tự giác phục thiện nêu gương “tôn sư trọng đạo” cho con em đàn hậu duệ bắt chước tiến lên dễ hơn.

Muốn dạy trẻ con, trước tiên hãy dạy người lớn trở nên hiền đức, trọng đạo làm người. Nhơn đạo dạy có lòng nhơn, nghĩa, lễ, trí, trung tín, hiếu đễ, liêm sĩ, hành chánh, chí công vô tư... Ta nên nhớ câu này: *Thượng bất chánh, hạ tất loạn*. Người lớn giữ luật mà phạm luật, tội một phải thành mười vì làm mất lòng tin của quần chúng. Người mất lòng tin nơi luật công bình xã hội thì tự nhiên phải hướng đức tin về các đảng siêu hình. Họ có thể dễ bị

người xấu lợi dụng dẫn vào đường mê tín hay bạo lực, nếu các tôn giáo chánh tín không được phép tự do đem đức tài mình giáo dân vi thiện.

51. VỀ ĂN CHAY

Tầm quan trọng của chất đạm trong đậu nành đối với sức khỏe. Các nhà khoa học Hoa Kỳ thông báo là chất đạm trong đậu nành làm giảm liều lượng cao *cholesterol* trong máu rất hiệu nghiệm. Hàm lượng cao của một loại cholesterol trong máu làm tăng rõ rệt nguy cơ bị nhồi máu cơ tim hay đột quy.

Các nhà nghiên cứu thuộc Đại học Kentucky đã tiến hành nghiên cứu và báo cáo kết quả trên tập san y học *New England Journal of Medicine* số tháng Giêng 1996. Theo các nhà khoa học từ Kentucky thì phương pháp hiệu nghiệm nhất để giảm lượng cholesterol là thay thế protein động vật trong thực đơn bằng protein đậu nành. Họ cho biết lượng cholesterol trong máu một người càng cao bao nhiêu thì hiệu quả làm giảm cholesterol của protein đậu nành càng lớn bấy nhiêu. Họ thực hiện 38 nghiên cứu, có sự tham gia của 730 người (nam nữ, người già và trẻ em). Những người này ăn trung bình mỗi ngày 47 gram protein đậu nành. Sau đó lượng cholesterol ở hầu hết những người này sụt giảm khoảng 9% mỗi tháng. Những người có lượng cholesterol đặc biệt cao thì giảm nhiều hơn đến 20%.

Các nhà nghiên cứu cho biết protein đậu nành còn ngăn chặn gia tăng cao liều lượng chất béo nguy hiểm khác trong máu có tên *triglycerides*. Và nhiều nghiên cứu đã chứng minh đậu nành giúp phòng chống bệnh ung thư và nhiều bệnh khác.

Sách báo và dư luận quốc tế nhiều năm trở lại đây càng ngày càng đề cao những hữu dụng của rau quả. Thống kê chính thức trên tờ *American Medical Association* (Hiệp Hội Y Tế Mỹ) cho thấy những thể trạng thường xuyên hấp thụ rau quả thay cho thịt thì giảm được 50% nguy cơ bệnh tim mạch, 60% nguy cơ tiểu đường, 84% ung thư phổi và 26% nguy cơ ung thư tuyến tiền liệt. Ngoài ra, thực đơn rau quả còn chữa được một số bệnh khác: béo phì, nhãn khoa, bại liệt, đường ruột, suyễn...

Supachai là một bác sĩ từng trải qua 30 năm tích cực thay đổi nếp sống cho phù hợp với đường lối chỉ ăn toàn rau quả. Trong cuộc họp mới đây, ông cho thấy những sản phẩm từ sữa cũng tạo ra nguy cơ tiềm ẩn do chứa cặn bã của những chất kích thích bò tiệt xuất sữa. Theo Supachai, để đạt hiệu quả tối ưu của thực đơn rau quả, người ta còn cần phải quân bình mọi nếp sinh hoạt của đời sống để tránh nuông chiều thái quá những xu hướng VỊ KỶ.

52. STRESS VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Stress là từ được dùng phổ biến trong xã hội văn minh ngày nay. Áp lực của công việc, bùng nổ dân số, mức độ đô thị hóa, biến thiên gia đình, kinh tế, bùng nổ thông tin, bệnh tật không trị được và những khó khăn không thể vượt qua trong xã hội... là những nguyên nhân thông thường dẫn đến stress. Nguyên nhân gây ra stress có thể là bất cứ những gì gây ra sự rối loạn, và cả những kích động mạnh về tâm lý.

Cơ chế để kiểm soát stress là tìm cách hóa giải, trung hòa hay làm mất tác dụng của nguyên nhân gây ra stress ấy. Thí dụ đừng quá coi trọng vấn đề, phải biết trung dung, thư giãn **TRÁNH VUI BUỒN QUÁ MỨC** và phải biết **TỰ MẢN NGUYỆN**, an phận hoặc là nhìn xuống hơn

là đua đòi thái quá. Tuy nhiên vì hoàn cảnh nào đó, nếu stress quá nặng bất thường, hoặc kéo dài thì rất khó tránh tác hại, **NẾU KHÔNG ĐƯỢC GIA ĐÌNH**, người thân, xã hội [*nhất là nhờ tôn giáo, người tâm đạo*] an ủi giúp đỡ.

Cũng một tình huống, những sự ứng suất của mỗi người mỗi khác. Một đứa trẻ chưa biết gì về con rắn, có thể thấy rắn lạ đẹp mà vui mừng. Một người đã bị rắn cắn hoặc chứng kiến người khác chết vì rắn cắn, sẽ hoảng hốt hơn. Ngược lại, một người hiểu biết về rắn có thể phân biệt được rắn độc hay rắn lành, tập tính của rắn, nên có thể đối phó bình tĩnh hơn nhiều. Do đó cách tốt nhất để tránh được tác hại của stress là hiểu biết nhiều, có kiến thức sâu rộng về mọi mặt [*đạo đời, khoa học, văn hóa, chọn lý tương đối, thiện ác họa phúc, nhân quả...*] để tránh những sự lo sợ không cần thiết [*làm chủ thất tình tham độc tham sân dục*].

CÁCH HÓA GIẢI STRESS. Phải biết cách làm giảm lượng stress mà cơ thể phải tiếp xúc và biết cách đương đầu với chúng. Các môn thể dục thể thao và các kỹ thuật thư giãn như THIỀN, TỤNG KINH, TỰ KÈM CHẾ và tự kỷ ám thị [*mình là quân tử, bồ tát, có sứ mạng làm sáng danh Đạo, hay hằng tướng có Thầy ngự ở nội tâm thị hiện tình thương yêu và nhân xả*] là những cách tốt nhất để kiểm soát hay hóa giảm stress. Người lớn tuổi thì tập thở, tập thái cực quyền dưỡng sinh, ngồi thiền hay yoga, đi chùa, đi nhà thờ tụng niệm.

(Theo bản nguyệt san *Thuốc và sức khỏe*, số III, ngày 01-3-1998)

53. GIÁO THAI

Ở thành phố Tế Nam (Trung Quốc) có một bé gái tên Tường Thế Cẩm, mới sinh được tám ngày. Lúc 8 giờ 7 phút tối ngày 28-2-1988 bé biết gọi “Mẹ”. Sự phát triển sau đó của bé càng làm cho người ta kinh ngạc. Tròn một tháng tuổi bé biết gọi “bố, bà, cô”; biết đếm 1, 2, 3, 4, 5. Tròn một trăm ngày biết nhận ra mũi, tai, mắt, mồm...; biết tính $1+2=3$, $2+3=5$. Đến chín tháng tuổi khi nghe những bài hát tiếng Anh thì biết múa tay theo điệu nhạc. Lại còn biết nói mấy câu tiếng Anh đơn giản như “Good bye, How are you, Thank you”.

Cha bé là Tường Hoán Như, tốt nghiệp trường Đại Học Sư Phạm; mẹ là Lý Kiến Hoa, giáo viên một trường trung cấp. Hai vợ chồng đã chọn lúc thời tiết tốt nhất, lúc tinh thần vui vẻ nhất để có con.

Trong thời gian mang thai, bà mẹ buộc mình phải vận động nhiều, ăn nhiều. Từ khi mang thai đến khi sinh con, mẹ bé không hề nghỉ ngày nào. Hàng ngày đi ngủ sớm, dậy sớm và duy trì đều đặn ngày hai buổi sáng và tối đi dạo ở quãng đường dài không đổi.

Trong thời gian mang thai mẹ bé tuyệt đối không đọc sách báo bạo lực hay tình cảm ướt át, mà chỉ đọc những loại sách có lợi cho sức khỏe và tinh thần như tâm lý học nhi đồng, giáo dục học nhi đồng, v.v... Mẹ lại thường đọc to lên cho đứa con trong bụng nghe.

Cả hai vợ chồng rất chú trọng việc dạy bảo con ngay khi còn là bào thai trong bụng mẹ. Họ tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc đề ra. Sáng sớm ngủ dậy, mẹ vỗ nhẹ vào bụng và gọi: “Thế Cẩm à, mau dậy đi con, đừng có mà lười đây!” Vào những lúc nghe nhạc vào buổi trưa và buổi tối, mẹ bé đặt radio hoặc máy cassette lên bụng để hai mẹ con cùng nghe. Mẹ bé còn nói: “Thế Cẩm à, mẹ hát

một câu rồi con hát theo nhé. Con ngoan sau này lớn lên sẽ trở thành nhạc sĩ.” Bố bé khi đi làm về là nhìn vào bụng vợ và nói: “Thế Cẩm à, bố về rồi đây này. Gọi bố đi con.” Hai vợ chồng trong lúc đi dạo, nhìn thấy cái hay cái đẹp, thấy người xe qua lại, đều thì thầm kể cho đứa con trong bụng nghe.

(Theo Trần Thanh Hà, dịch từ báo *Người Tiêu Dùng Trung Quốc*, đăng báo *Đồng Tháp Chủ Nhật*)

Bàn thêm. Thuật chuyện để chúng ta thêm kinh nghiệm về dạy con ngay khi còn là bào thai. Và cũng nhớ thực hiện lời Thầy dạy ngày Chủ Nhật 30-5-1926: “*Dầu cho trẻ con trong bụng cũng phải độ...*” (*Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, bản in 1964, tr. 19)

54. CAO ĐÀI BIẾT BAY

Thánh Tòa Thiên Thai ở giữa ruộng rẫy sinh lầy trên kinh Bà Bèo thuộc lảng biển. Chung quanh Tòa Thánh đều là rạch nhỏ, phân đông đạo hữu đến cúng ngày sóc, vọng phải bơi xuồng.

Chánh phủ thực dân xuống lệnh cho tỉnh, quận theo dõi Cao Đài Tiên Thiên. Mỗi đêm cúng đều có một viên đội trưởng dắt vài mươi tên lính, chống xuồng đến rình rập bên ngoài.

Đêm nọ, viên đội và lính được lệnh đi rình bắt bôn đạo đang lập đàn cơ. Họ bèn bao vây, cho lính gác dưới Bát Quái Đài của Thánh Tòa Thiên Thai (có ba tầng). Ở tầng trên Thiêng Liêng dạy hãy giữ đàn yên tịnh, chi chi cũng có Thầy. Và ngọn linh cơ vẫn gõ lên bàn lộc cộc để dạy đạo hàng vài giờ liền.

Lính gác đợi đến khuya cũng không thấy tín đồ đi xuống. Đến chừng mỗi mệt quá, viên đội và lính gác gục

đầu ngủ khò.

Ồn Trên dạy bốn đạo rón rén theo hướng bắc xuống đài về hết. Sáng ra quân lính lên tầng trên coi, thì chẳng còn ai trên đài. Là dưới đài, tén đồ bỏ lại rất nhiều giày, guốc.

Có người đưa ý kiến: Đạo Cao Đài biết bay!

55. KHÚC KINH TỬ HẢI CÓ NƯỚC NGỌT

Năm 1931 bắt đầu tạo tác thánh tịnh Châu Minh, thì kinh Tứ Hải chưa chảy thông ra rạch Tre Bông như ngày nay. Nước trong kinh nổi phèn vàng mặn đắng, không dùng được.

Trong hai năm tạo tác, tén đồ làm công quả từ các nơi tựu về rất đông, phải đi gánh nước ngoài sông Tiên Thủy, hay là trong rạch Tre Bông, xa đến ngót ngàn thước.

Khi thánh tịnh Châu Minh tạo tác xong Tam Đài (năm 1934), có lệnh thiết lập Đại Hội Phục Nguyên trong ba ngày thì khúc kinh Tứ Hải từ nhà Nữ Tu đến gốc mít (bây giờ ở sau Tòa Cửu Viện) tự nhiên đầy nước, trong và ngọt. Tất nhiên tén đồ lấy nước đó đem lên dùng, khỏi phải đi xa gánh nước nhọc nhằn.

Khi xong dứt ba ngày Đại Hội Phục Nguyên, thành linh có một đám mưa to trút xuống. Sau đó khúc kinh Tứ Hải trở lại mặn đắng như trước.

56. VONG LINH CHIẾN SĨ TOẠI LÒNG

Ngày 08-11 Đinh Dậu (1957) Thánh Tòa Thiên Thai đổi tên là thánh tịnh Thiên Thai, thiết lễ an vị Bát Quái Đài.

Trước lễ an vị, dân chúng trong vùng chung quanh

Thánh Tòa Thiên Thai ban ngày cũng như ban đêm đều không dám léo hánh đến đó vì vong hồn tử sĩ vùng này thật nhiều, thường hiện hiện nhất người. Đến nỗi lính đi tuần, có súng cũng không dám đến gần, bắt luận ngày giờ.

Nhưng lễ an vị xong rồi thì linh hồn tử sĩ không còn hiện ra khuấy phá nữa. Nhờ có lệnh Đức Lý Giáo Tông cho phép cả thầy các vong linh chiến sĩ trận vong đó nhập môn tu hành ở trong thánh tịnh Thiên Thai.

(Theo lời kể của tiền bối Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài)

57. ĐỂ BẠN THỰC SỰ LÔI CUỐN HƠN

Đa số ai cũng muốn mình trở nên lôi cuốn, hấp dẫn. Sức hấp dẫn, lôi cuốn có thể do cách ăn mặc, nghệ thuật trang điểm hoặc vóc dáng. Song sức hấp dẫn như vậy chắc chắn không bền.

Sức lôi cuốn, hấp dẫn thực sự do ở vẻ khả ái, một cái duyên. Duyên là một khái niệm tuy trừu tượng, rất khó nắm bắt nhưng luôn hiệu quả ở mọi nơi, mọi lúc với điều kiện bạn phải rèn luyện hoặc phát triển cái duyên tiềm tàng đó.

Những lời khuyên dưới đây của một nhà tâm lý học nước ngoài có thể giúp bạn trở thành người có duyên, lôi cuốn, hấp dẫn.

* *Hãy học cách lắng nghe.* Biết lắng nghe người đối thoại với mình có lẽ là tặng vật quý giá nhất mà bạn có thể trao tặng cho họ. Trong lúc trò chuyện, nếu bạn muốn ngắt lời người khác thì bạn hãy thở một hơi thật sâu và... để cho người đó tiếp tục nói. Hãy rèn luyện cho được thói quen này. Nó sẽ làm cho người đối thoại cảm mến và sẽ đánh giá bạn cao.

* *Chớ hà tiện lời khen.* Thật tình mà nói, trong cuộc

sống, chỉ có rất ít người không thích được tán dương, khen ngợi. Rất có thể lúc đầu những người chung quanh bạn sẽ ngạc nhiên trước những lời khen của bạn dành cho họ, nhưng bạn phải chứng tỏ cho họ nhận ra đó là những lời khen chân thành. Nói một lời dễ chịu, êm tai đâu có phải là chuyện khó nhưng kết quả lại rất to, miễn là lời khen của bạn xuất phát từ tấm lòng.

* *Hãy động viên người khác khi họ mở đầu một việc làm tốt đẹp.* Người yêu hoặc người bạn đời của bạn sẽ dễ chịu biết bao khi nghe bạn nói: “Anh bỏ thuốc lá như vậy thật tuyệt vời đấy!” Hoặc cô bạn thân sẽ chăm chỉ gần bó hơn nếu được bạn khích lệ: “Bồ quyết định tập thể dục rồi phải không? Còn gì bằng!”

* *Hãy cố gắng trở nên hữu ích.* Hãy giới thiệu với cấp trên của bạn những người có năng lực thật sự. Và, bạn hãy đứng ra làm trung gian để những người này trở thành bạn bè. Dĩ nhiên bạn phải cân nhắc, chọn lọc sao cho phù hợp giữa đôi bên trong điều kiện và khả năng của bạn. Nên cố gắng giúp đỡ người khác mỗi khi bạn có thể giúp được. Chắc chắn mọi người sẽ luôn có ấn tượng đẹp về bạn.

* *Chớ nên tức giận hoặc hằn thù ai.* Bạn đừng bao giờ giận dữ lâu quá mức cần thiết, dù chỉ là một phút! Không có gì nặng nề hơn sự thù hằn, giận dữ. Trong khi bạn tiêu hao sức lực, gây mòn đi vì tức giận một kẻ nào đó thì rất có thể kẻ đó đang nhơn nhơ dạo chơi hoặc đang vui thú với bạn bè. Họ đâu có để tâm gì đến nỗi bức tức của bạn.

* *Đừng kêu ca, than vãn số phận.* Dù hoàn cảnh của bạn có bi đát cách mấy, bạn cũng chớ kêu ca, than vãn. Bạn sẽ chẳng được lợi gì đâu. Nhưng cũng chớ nên nói rằng mọi thứ trong cuộc đời bạn đều tốt đẹp tuyệt vời. Bạn cố gắng rũ bỏ tâm trạng buồn phiền và có thể bạn hãy tập nhìn những chuyện không vui đó bằng một cách nhìn hóm

hình pha một chút hài. Những người chung quanh dứt khoát sẽ nhận thấy nỗ lực của bạn và cảm phục bạn hơn.

* *Chớ khoe khoang tự đề cao mình.* Bạn chớ nghĩ rằng không ai nhận thấy bạn khoe khoang đâu. Những người chung quanh bao giờ cũng dễ dàng nhận thấy bạn khoe khoang và hậu quả tất yếu là họ sẽ xem bạn là kẻ không đáng tin cậy.

* *Hãy luôn thể hiện lòng tốt.* Bạn hãy thể hiện thiện ý và lòng tốt ngay cả với những người có vị trí thấp hơn bạn trong xã hội.

* *Hãy mạnh dạn thừa nhận sai lầm.* Biết thừa nhận sai lầm, thiếu sót chỉ làm tăng lòng cảm mến của những người chung quanh bạn. Thật đáng tiếc rằng rất ít người có được phẩm chất này. Họ không biết rằng thừa nhận sai lầm là con đường chắc chắn để được người khác tôn trọng.

* *Hãy mở ngay những món quà tặng.* Người tặng quà bao giờ cũng muốn món quà của họ tặng được bạn yêu thích. Vậy bạn chớ nên cất sang bên để sau mới xem và nhất là chớ nên tỏ vẻ thờ ơ, xem thường món quà tặng.

* *Hãy cố gắng cho người khác những gì họ cần.* Thông cảm, hiểu biết, trợ giúp – đó là những phẩm chất vô giá. Hãy đặt mình vào vị trí của người khác. Hãy cố thấu hiểu tâm trạng của người khác để thông cảm với họ, giúp đỡ họ. Nếu làm được như vậy, bạn sẽ là một người tuyệt vời.

(Theo một bài báo của Lộc Thành)

58. THẨM HỌA AIDS (SIDA) Ở THÁI LAN

Bệnh AIDS lan truyền do mại dâm, xì ke ma túy là chủ yếu, thì cả hai nạn này đều hoành hành ở Thái Lan rất mạnh cả chục năm nay, báo chí thế giới đều cảnh giác.

Để cứu vãn tình trạng này, Thái Lan chủ trương *nhờ các chùa* đứng ra giúp săn sóc bệnh nhân AIDS cũng như *rao giảng giáo lý cấm tà dâm, nghiện ngập* để giảm bớt thảm họa AIDS đang làm băng hoại đất nước Thái Lan. Nhiều nhà chùa đã xung phong nhận nhiệm vụ này. Thái Lan có rất nhiều nhà chùa nên chính phủ nước này hy vọng sẽ giải quyết một cách hiệu quả một số nạn nhân nhiễm bệnh.

Chúng ta rút ra được kinh nghiệm gì từ Thái Lan?

(Theo báo *Time*, ngày 16-9-1996)

Bàn thêm. Tôn giáo phải xung phong độ đời giác tỉnh bọn thanh thiếu niên đang đua đòi, ham vui, thích lạ, háo thắng. Chánh quyền cần chủ động phối hợp chặt chẽ với tôn giáo để cùng nhau bảo vệ đạo đức xã hội, giáo dục công dân sống lành mạnh.

59. DỪNG VĂN HÓA ĐỐI PHÓ GIANG HỒ

Dùng văn hóa để đối phó với Mafia. Đó là nguyên lý hành động của Sant'Egidio (nhóm xã hội ở Naples, nước Ý) để lôi những đứa trẻ đang học làm trùm Mafia trở về với lẽ phải và từ bỏ “luật giang hồ”.

Chánh án Cavallo, đặc trách trẻ em vị thành niên của Naples nói ngày nay, từ lúc 8 tuổi trẻ con đã biết vũ trang. Đối phó với nạn “bạo động nhí” này nhóm Sant'Egidio đã hành động. Mỗi tuần ba lần họ đi rảo các con đường nguy hiểm để lôi trẻ con về các lớp học bình dân dành cho lứa

tuổi từ 5 đến 14.

Theo chánh án Cavallo: Tội phạm trẻ con có liên quan đến sự thất bại của học đường. Những đứa trẻ bị nhà trường đuổi học sẽ đi bụi để trả thù đời.

Bàn thêm

*Dạy trẻ, con toan trước dạy mình,
Cái công giáo hóa cũng đồng sinh.
Đạo đời tua biết rằng đời trọng,
Một điểm quang minh một điểm linh.
(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I,
đàn ngày 23-02-1926)*

60. THẦN MINH

Bữa cơm chiều đã chuẩn bị xong, đĩa rau luộc rất ngon nhưng chén mắm ớt lại thiếu một lát chanh. Chị Hoa tặc lưỡi tiếc rẻ. Chợt trong đầu chị hiện ra một cây chanh với những trái căng mọng nước. Đó là cây chanh mọc cạnh giếng trong vườn nhà anh X đã chết, vườn lẫn nhà bị bỏ hoang. Người trong xóm đồn ở đó có ma. Chiều tối ít ai dám đi ngang qua đó. Tuy sợ, nhưng nhìn ra ngoài trời thấy chưa tối hẳn nên chị Hoa tự trấn an: “Kê, ráng một chút cho bữa cơm ngon hơn.”

Khi chị bước vội đến cây chanh, đưa tay ra thì... “Trời Phật ơi! Cứu con với...ới...ới...” Tiếng kêu cứu vang lên từ lòng giếng khiến chị giật mình, tim đập thình thịch, hai chân rùn xuống. Chị muốn bỏ chạy nhưng sợ quá, đứng lên không nổi...

“Cứu con với...ới...ới...” Tiếng kêu đau đớn như tiếng khóc lại dội lên từ lòng giếng. Thu hết can đảm, chị cúi nhìn xuống. Một cái đầu trẻ trôi lên, động đậy dưới đáy giếng đen ngòm. Vậy là người chú không phải ma.

Cháu gái được vớt lên, kháu khỉnh, chừng 5-6 tuổi. Sau khi cháu được lau khô, xoa dầu làm ấm, thì công an phường Trang Đài (thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) nghe báo tin đã vào tìm hiểu sự việc. Đang nằm nghỉ mệt, thấy mấy công an, cháu ngồi bật dậy chỉ tay vào ngực, tự giới thiệu rành mạch: “Ở nhà con tên là Nô-en. Ở trường con tên Nguyễn Hoàng Băng Châu. Con được 6 tuổi. Con học lớp 1 trường Nguyễn Du. Nhà con ở gần nhà hàng Quyết Thắng.”

Có người hỏi: “Sao con kêu Trời Phật cứu mà không kêu ba má hay người khác?” Cháu trả lời: “Tại con thấy trong ti-vi người ta cũng kêu như vậy. Với lại lúc đó không có ai hết!”

Cháu mồ côi mẹ, ba mới cặp bồ với một cô. Hôm đó ba cháu đi vắng, cô ta lái xe đến nhà bảo là chở cháu đi gặp ba rồi đem bỏ xuống giếng.

Bàn thêm. Trong cái KHÔNG luôn ẩn cái CÓ. Lực thần của Trời, Phật, Chúa đang tầm thình cứu khổ, cứu nạn những người vô tội, khiến cho kịp thời có ơn trợ duyên cho các Đấng thị hiện đức hạo sanh ô sát, và trừng phạt kẻ gian ác đã đánh mất lương tâm mà Trời đã ban cho mình.

61. CÔNG QUẢ PHỔ ĐỘ

Thực hiện công quả phổ độ về phương diện nhân sinh là dùng công sức, tiền bạc làm phương tiện giúp người khác. Về mặt tâm linh, là đem đạo lý hướng dẫn hoán cải lòng người.

Làm công quả cầu danh, cầu phước thì nhiều khi bị phản tác dụng.

Muốn làm công quả phổ độ cần phải đủ bi, trí, dũng.

Thiếu bi, không biết thương xót chính mình để cố tu học cho bản thân được giải thoát thì khó mong giúp người giải thoát.

Thiếu trí, không học sâu giáo lý để thấp sáng được tuệ, thì giảng đạo sai chánh pháp, cứ tưởng giúp người mà rốt lại là hại mình, hại người.

Thiếu dũng, thấy việc phải làm mà không làm, vì không đủ can đảm thắng tánh lười biếng, không thắng nổi tánh tự cao, tự ái, không tham gia giờ học giáo lý lại tìm lý do này cơ nọ để buông trôi ngày tháng.

Người hướng đạo mà thiếu bi, trí, dũng như thế sẽ khiến cho tín hữu phải nản lòng, mất niềm tin. Vậy thì đành phải tội vọng ngữ, phải lỗi lời “*Nhi nguyện phổ độ chúng sanh*”, phải vong lời thề “*hiệp đồng chư môn đệ giữ luật lệ Cao Đài...*”

Phản người tín đồ, tham gia các buổi cúng quan hôn, tang tế, giải bịnh, cầu siêu, mỗi kỳ sóc vọng đèn thánh thất làm lễ và nghe đàn anh có trách nhiệm chỉ dạy, đó cũng là những dịp cho mình bồi công lập đức về mặt phổ độ.

62. CẦU MƯA

Truyện xảy ra vào khoảng năm 1981. Khi ấy Việt Nam đang ở vào giai đoạn hết sức khó khăn về lương thực vì hậu quả của trận lụt lớn năm 1978 tại đồng bằng sông Cửu Long, các cuộc chiến tranh biên giới ở phía Nam với Khơ-me Đỏ và chiến tranh biên giới phía Bắc với Trung Quốc, mọi lưu thông nông nghiệp bị ngăn sông cấm chợ. Đã vậy, hạn bà Chần lại xảy ra tại huyện Cần Giuộc, là một vùng trồng lúa không thuận lợi lắm. Vì thế dân địa phương hết sức lo âu.

Một buổi trưa thứ Bảy, đoàn thu hái thuốc nam, hỗn hợp giữa lễ sĩ đồng nhị Văn Phòng Đại Đạo và Tân Minh Quang, dưới sự dẫn dắt của đạo huynh Thiện Lễ (ba của em Trần Hữu Nhân) lên đường hướng về thánh tịnh Bửu Quang Đàn (thường gọi là chùa Ông Đá).

Tối hôm đó, đến gần 11 giờ đêm, tất cả được đánh thức. Buổi lễ cầu mưa tập thể chống hạn cho địa phương được tổ chức nghiêm trang, có hiền tỷ Thanh Trước chứng lễ.

Khoảng ba giờ chiều ngày hôm sau, chúng tôi ra về. Tới lộ đất đỏ chạy được vài cây số, mưa bắt đầu rơi và càng lúc càng nặng hạt. Đám mây đen bay về phía đoạn đường chúng tôi vừa vượt qua, và từ từ lan tỏa xám xịt một khoảng trời. Con mưa đi qua, chúng tôi tiếp tục lên đường trở lại thành phố.

63. THUỐC ĐỘC KHÔNG HÀ, ĐỪNG UỐNG!

Tại vùng nọ, có một ông bị chứng đau bụng lâu ngày. Đã đi nhiều thầy, chạy chữa nhiều nơi vẫn không hết.

Khi ấy phong trào cầu cơ Cao Đài đang phát triển. Nghe nói lắm khi Thiêng Liêng ban cho các toa thuốc rất linh nghiệm. Người phạm đã trị không hết thì xin thuốc của Thần Tiên vậy. Thế là ông liên lạc với một người bạn tín đồ Cao Đài để xin được hầu đàn cơ. Chứng lòng thành kính của ông, Ôn Trên điểm danh và cho một bài thuốc, đồng thời dạy người con ra tiệm thuốc bắc mua đem về sắc ngay, và cho uống liền tại chỗ. Trong lúc ông chờ đợi, đàn cơ vẫn tiếp tục dạy các người khác.

Có ai đó nắm lưng áo giật giật. Ông quay lại, thì ra một người quen vốn cũng biết về thuốc. Người ấy kể tai ông nói nhỏ: “Toa này thuốc độc không hà, đừng uống!”

Thoáng suy nghĩ vài giây, người bệnh trả lời: “Đã chạy

hết thầy hết thuốc rồi mà không khỏi. Nay bề trên chữa trị thì cứ uống. Có gì theo bề trên luôn cũng được.”

Thuốc đã sắc xong, ông vội uống ngay. Đàn vẫn đang còn. Mười phút sau, Ôn Trên dạy: “Lấy lông gà ngoáy trong họng cho mưa.” Ra ngoài sân làm theo lời dạy, ông mưa ra con gì như con sên. Từ đó hết bệnh luôn.

64. HOÀNG THIÊN BẤT PHỤ HIẾU TÂM NHƠN

Tháng Bảy âm lịch là mùa báo hiếu. Phật tử thiết lễ Vu Lan cúng dường tam bảo, thí thực phóng sanh để hồi hướng công đức cầu siêu cho cửu huyền thất tổ.

Tôi tưởng không nhứt thiết là phải chờ ngày rằm trung nguơn (tháng Bảy âm lịch) ta mới lo báo hiếu được.

Đức Khổng Tử đã dạy: *Nhơn sanh bách hạnh hiếu vi tiên.* 人生百行孝爲先 (Đời người có trăm hạnh đức thì hạnh hiếu thảo đứng đầu.)

Ca dao ta có bài:

*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Hãy sớm thăm tới viếng để biết sức khỏe song thân đang cần gì mà phục vụ kịp thời. Lúc cha mẹ còn sanh tiền, làm con phải lo báo hiếu trọn đời mới đúng lý.

Trong *Đại Thừa Chơn Giáo*, Thầy đã dạy người tu không đợi mặc đồ dĩa, cạo râu thí phát, bỏ nhà lia con, ông bà, cha mẹ đang còn phải lo báo đáp.

Chúng ta muốn độ siêu cha mẹ thì không chờ đến ngày các người thoát xác, mà phải thường trợ duyên cho song

thân nghe pháp, hành pháp và chính mình cũng phải học tập giáo lý cho biết hành tân pháp (công trình, công quả công phu), lập thân, lập chí, lập đức, lập ngôn, phò độ chúng sanh cho cha mẹ được tỳ hỷ.

Sách Nho có câu: *Hoàng thiên bất phụ hiếu tâm nhơn*. 皇天不負孝心人 (Trời không phụ người có lòng hiếu thảo.) Từ xưa chưa có vị nào chí hiếu mà phải làm than suốt đời. Cũng không có vị nào bất hiếu mà thành Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Có người nói: Giàu đặng trung đặng hiếu, nghèo mất thảo mất ngay. Đó là lời nguy hiểm, chớ kể vì phú bất nhơn làm cho cha mẹ càng khổ tâm lo sợ cho ngày mai của chúng. Họ bận làm giàu, đâu có thời giờ sớm thăm tối viếng. Sao bằng kẻ nghèo hèn biết đạo tri túc, hằng gần gũi mẹ cha ấp lạnh quạt nồng, sớm chiều hầu cơm dưng nước, tuy là đạm bạc nhưng với tất cả lòng thành kính vâng lời làm cho cha mẹ ông bà được vui mãn nguyện, coi như siêu thoát tại tiền. Nên sách có câu: *Gia bần tri hiếu tử*. 家貧知孝子 (Nhà nghèo mới biết con hiếu thảo.)

Ngày nay, trong đạo Cao Đài, Đức An Hòa Thánh Nữ về cơ đã chứng minh: “*Tệ nữ chưa có công quả là bao, mà nay được đắc vị vào hàng Thánh Nữ là nhờ một phần công quả và đại nguyện của các con phục vụ đạo Trời với tất cả tấm lòng thành và mọi sở hữu.*”

Đúng theo lời kinh cúng cửu:

*Thong dong cõi thọ nương hồn,
Chờ con lập đức giúp hườn ngôi xưa.*

Người xưa nói:

*Hiếu thuận hoàn sanh hiếu thuận tử,
Ngỗ nghịch hoàn sanh ngỗ nghịch nhi.*

(Minh hiếu thuận thì sanh con hiếu thuận,

Minh ngỗ nghịch thì sanh con ngỗ nghịch.)

Chúng ta ai cũng muốn có con hiếu thuận. Vậy thì đừng chờ đến ngày lễ Vu Lan mới báo hiếu, mà phải thành tâm tích cực mỗi ngày lập công bồi đức, hành tam công, tự độ và độ tha, trong đó có mẹ cha mình được ảnh hưởng trước. Đúng như câu: *Nhứt nhơn hành đạo cứu huyền thất*. 一人行道九玄升 (Một người hành đạo thì cứu huyền thất tổ đều siêu thăng.)

65. DANH, LỢI, TÌNH

Danh, lợi, tình là chiếc xích bọc nhưng êm ái, nên dầu mang nó có lúc thật nặng nề, khó nhọc nhưng con người vẫn không lia xa. Do đó, phải lên xuống, xuống lên trong cõi hồng trần.

Đức Thích Ca trầm tư dưới cội bồ đề tìm giải pháp thoát khổ cho nhơn loại. Đức Chúa Ki Tô đổ máu hồng trên thập giá để chuộc tội cho thế gian. Một câu hỏi đặt ra ở đây: Cuộc sống của các Ngài không có danh, lợi, tình hay sao?

Nếu lấy sự giàu sang phú quý mà đổi được sự nghiệp đạo đức, tinh thần thì thái tử Sĩ Đạt Ta không cần phải xa lìa điện ngọc vàng son. Nếu sự nghiệp tinh thần mà đổi được uy quyền tối vị thì Đức Chúa Ki Tô không giáng sinh vào một gia đình bản hàn và chào đời nơi máng cỏ.

Thế thì tất cả đều bởi sự hy sinh, dứt bỏ mọi duyên nghiệp, thế tình mà gây nên đại nghiệp. Đại nghiệp ấy tuy không vang dậy rầm rộ như cuộc chiến thắng của hùng binh, mà nó ảnh hưởng vào tinh thần nhân loại, từ thế hệ này sang thế hệ khác và bàng bạc ở mọi thời gian, mọi không gian.

Tu không những tự giải thoát cho riêng mình mà chính

là giải thoát cho đồng loại, tức là đã có tình thương vô bờ bến. Người tu xả kỷ vị tha mà tối hậu cũng có lợi cho mình: được âm chất, phát triển tâm linh, lợi được giải thoát phiền não, lợi có danh thơm để báo hiếu mẹ cha. Mặc dù người tu không cầu danh nhưng phải tự trọng giữ thanh danh cho lắm, vì sách có câu: *Danh ô nan thực* 名惡難贖 (Tiếng như nhuốc khó mà chuộc lại.).

*Danh lợi tình đời mau chóng mất
Danh lợi tình đạo thật trường tồn
Hòa trong vũ trụ cần khôn
Lưu truyền vạn đại Chí Tôn hiệp cùng*

66. ÔN HỌC THÁNH GIÁO

• Tệ Nữ trước kia kể ra thì sự tu hành công quả chưa có là bao. Ngày nay được đặc vị vào hàng Thánh Nữ là nhờ những đặc điểm sau đây:

1. Những ngày tàn tạ của chuỗi đời, Tệ nữ đã trọn thành trọn kính, nhìn nhận rằng trên không đã có bộ máy huyền linh do Thợ Trời cai quản, sắp xếp mọi điều.

2. Trọn lòng tin tưởng trong việc thiện từ nhơn nghĩa, khuyến khích tử tôn noi theo đường đạo lý đừng để dở dang, và cũng chính tự mình ráng làm những gì có thể được.

3. Đến giờ phút cuối cùng sắp cõi bỏ nhục thể, bao nhiêu ăn năn hối hận những gì trong chuỗi đời đã tạo gây, và xin nguyện nếu được về cõi tiên thiên, nguyện sẽ cùng các Đấng tùy duyên hóa độ người đời theo đường đạo lý, để thuận lòng người và hợp lòng Trời.

4. Nhờ công quả và đại nguyện của các con phục vụ Đạo Trời với tất cả tấm lòng thành và mọi sở hữu.

(Đức An Hòa Thánh Nữ, Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý, 14-5 Đinh Mùi, 21-6-1967)

• Tu phải học, học để hiểu rõ ngọn nguồn. Hiểu phải hành cho kiên trì, nhẫn nại, liên tục, để phát triển thánh tâm, mở mang thánh ý, khêu tỏ ngọn đèn từ huệ nội tâm của mỗi người.

(Đức Đông Phương Chương Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Quý Sửu, 18-3-1973)

• Đời đã đến hồi hỗn độn, đạo phải lúc chinh nghiêng. Thế nên, biết mà không hành là thừa; hành mà không đúng là phá hoại. Người giữ đạo không hành là không đạo, hành đạo không hiểu đạo là hại đạo.

(Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 03-3 Ất Ty, 05-4-1965)

• Học mà không tu như đọc thuộc lòng một bản thực đơn mà không thực phẩm; còn tu mà không học ví như người mù đi đêm. Học tu, tu học phải đi đôi.

(Đức Giáo Tông Đại Đạo, thánh tịnh Ngọc Chiếu Đàn, 05-01 Ất Ty, 06-02-1965)

• Đọc lời thánh giáo phải liên tưởng đến việc làm. Kết quả việc làm mới là kết quả thật sự. Chớ đọc lời thánh giáo không, thì kết quả chỉ là trong tưởng tượng mà thôi.

(Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 01-6 Giáp Dần, 19-7-1974)

• ... người giác ngộ hãy tự nguyện tìm việc đạo mà hành trong lúc còn phương tiện sức khỏe, ngày giờ có thể hành được. Đừng đợi khi nước đến trôn, lửa cháy mày, dù muốn làm cũng không sao có phương tiện sức khỏe và thì giờ.

(Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Ất Mão, 26-3-1975)

• Nếu các em chưa tìm hiểu lý tưởng, mục đích cao cả của đạo Cao Đài, cũng như nếu không biết đặt lý tưởng mình dung hợp với đạo Cao Đài để xây dựng những gì cao cả ích lợi thiết thực cho non sông Tổ Quốc, đạo lý và nhân loại, thì sự giữ đạo Cao Đài không ích lợi gì. Chẳng khác nào các em giữ một món đồ cổ trong muôn ngàn món đồ cổ khác.

(Đức Tiên Bồi Cao Triều Phát, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 08-7 Kỷ Dậu, 20-8-1969)

67. ĐẠO ĐỨC

Trong *Đại Thừa Chơn Giáo*, Đức Chí Tôn dạy đạo đức là cái khuôn mẫu để cho loài người phải nương đó mà sửa mình dựng mở trí hóa thông minh sáng suốt, hoàn toàn tánh cách cho đến chí thiện chí mỹ. Con người nương pháp đạo mà luyện tánh tu tâm, dùng đức cả sửa mình nên hạnh tốt.

Theo *Đạo Đức Kinh*: Đạo là thể, đức là dụng. (Đức là công dụng của Đạo dùng để cứu đời.)

Tôi xin thêm hạnh là cái tướng hiện ra ngoài khi người lập được đức tứ vô tượng tâm (từ bi hỷ xả). Nhờ thường chịu khổ học hỏi giáo lý, biết lập tam công (công trình, công quả, công phu) mà bồi công đức cho tròn sứ mạng.

*Lập công quả đó là lập đức
Lập công trình đánh thức tâm tu
Cùng chung hiệp với công phu
Đủ đầy âm chất đường tu đạt thành
Công trình, công quả, công phu
Ba công cốt yếu, cần cù siêng năng
Ấy người có đức có căn
Chung qui sẽ được siêu thăng Thiên Đàng*

Trên đường đạo, chúng ta trong khi chưa bồi công lập đức được bao nhiêu thì cũng phải coi chừng vô tình bị tổn đức.

Ví dụ một vài trường hợp gây tổn đức:

- Phung phí tiêu xài để học làm sang, khiến cho kẻ cơ hàn thêm tủi nhục, người đua đòi làm chuyện bất lương.

- Một lời nói có ý khinh rẻ người, hăm dọa cho người hiền phải sợ, xúi giục người làm quấy, ác khẩu, trù rửa, nghi quấy cho người. (Một nghi mười ngờ, một ngờ mười tội.)

- Trong cửa đạo cậy quyền yểm tài người, tranh luận cho hơn người, cường ngôn đoạt lý, kỳ thị phái chi, khinh khi tín hữu, khoe mình bày lỗi người, bàn luận việc tào lao, choán hết giờ học tập thánh kinh hiền truyện.

- Cố chấp theo nghi thức, làm đạo hữu vi, không tùy nghi quyền biến, không tùy thời tùy thế độ nhơn sanh học đạo vô vi, bước qua bờ giác ngộ.

- Muốn sống lâu để coi đời phải trả quả tiêu diệt.

68. SỨC MẠNH CỦA TÌNH THƯƠNG YÊU

Anh Valerio Vasineri ở Madonna (Bắc Ý) bị tai nạn giao thông tháng 11-1991, chấn thương sọ não, hôn mê sâu từ đó. Ngày 11-5-1995 anh nói được.

Cô bạn Cecilia Orlandi hai mươi tuổi cho biết: “Tôi không còn hy vọng gì cho đến khi tôi thấy trên màn hình máy theo dõi nhịp tim cho thấy tim ảnh đập mạnh hơn khi tôi nói chuyện với anh.”

Ba mẹ của Valerio nói thêm: “Chúng nó [Valerio và Cecilia] ở bên nhau hằng giờ liền trong suốt bốn năm qua.

Tôi không nhớ Cecilia đã trao cho đứa con hôn mê của tôi bao nhiêu nụ hôn. Tất cả những gì tôi biết được là Cecilia đã cứu sống con trai tôi bằng tình thương yêu.

(Theo báo *Sông Bé*, số 1147, ngày thứ Tư, 24-5-1995)

Bàn thêm. Vậy tình thương yêu mang tới sự sống. Xin ôn học thánh giáo của Đức Chí Tôn dạy ngày 11-01-1930 (12-12 Kỷ Ty):

Thầy các con

Thầy thường nói với các con rằng các con là cơ thể của sự thương yêu ...

Sự thương yêu là giếng bảo sanh của càn khôn Thế giới. Có thương yêu, hơn loại mới hòa bình, càn khôn mới an tịnh. Đặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau, mới giữ bền cơ sanh hóa.

(...) Vậy Thầy cấm các con từ đây, nếu không đủ sức thương yêu nhau, thì cũng chẳng đặng ghét nhau, nghe à.

(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển II, bản in 1966, tr. 68-69)

69. YẾU TỐ THÀNH TIÊN PHẬT

Đức Khổng Phu Tử là một bậc đại nguyên căn, cho nên Ngài siêu xuất quần sinh. Chúng ta là tiểu nguyên căn, cho nên chúng ta còn là thường hơn. Nhưng dầu đại nguyên căn hay tiểu nguyên căn, thì tất cả đều là nguyên căn, đều do Thượng Đế phú bẩm cho một điểm linh quang như nhau. Phật gọi các tiểu linh quang đó là Phật tánh, là hột giống Phật có sẵn trong mỗi người. Đức Khổng Phu Tử biết gieo hột giống ấy trước nên đã mọc lên trước. Ta biết gieo hột giống ấy sau thì như định sẽ mọc lên sau. Hễ gieo hột nào thì kết quả sẽ mọc lên cây ấy.

Chư Phật Tiên dầu ở trên cảnh thượng giới thì cũng đều từ chúng sanh thế gian do khổ công tu luyện mà thành. Phật Tiên không phải là đấng tiên chế từ trên trời rớt xuống.

70. MÀU XANH CỦA ĐỨC TIN

“Màu xanh của đức tin phải là màu xanh của cẩm thạch bất biến. Hãy dìu dắt và gieo niềm tin này cho những ai đã hiến dâng sát cánh bên mình chan hòa cùng chung trong lý tưởng cứu thế của Đại Đạo.”

(Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 14-02 Ất Mão (26-3-1975))

*

MƯỜI CÔNG ĐỨC

ẤN TỔNG KINH SÁCH KHUYẾN THIỆN

- 1) Một là những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ.
- 2) Hai là thường được các thiện thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước lửa, trộm cướp, đao binh, ngục tù.
- 3) Ba là vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán cừu, oán trái của đời trước cũng như đời này.
- 4) Bốn là các vị hộ pháp thiện thần thường gia hộ nên những loài dạ xoa, ác quỷ, rắn độc, hùm beo tránh xa không dám hãm hại.
- 5) Năm là tâm được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiền sáng, mạnh khỏe an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.
- 6) Sáu là chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y thực đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc đời đời.
- 7) Bảy là lời nói việc làm Trời, người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến ngợi khen.
- 8) Tám là ngu chuyển thành trí, bệnh lành mạnh khỏe, khôn nghèo chuyển thành thịnh đạt. Nhàm chán nữ thân, mệnh chung liền được nam thân.
- 9) Chín là vĩnh viễn xa lìa đường ác, sanh vào cõi thiện, tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy.
- 10) Mười là hay vì tất cả chúng sanh trồng các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sanh làm ruộng phước điền cho mình. Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phước quả thù thắng. Sanh ra nơi nào cũng thường được thấy Phật, nghe pháp, phước huệ rộng lớn, chứng đạt lục thông, sớm thành Phật quả.

PHIẾU PHÁT TÂM ĐÓNG GÓP IN KINH

Với mục đích truyền bá lời châu tiếng ngọc của các Đấng Thiêng Liêng và phổ thông giáo lý đại đồng của Đại Đạo, hằng năm Thiên Lý Bửu Tòa đều có tổ chức ấn tống các kinh sách quý báu để phát không cho bá tánh. Nếu quý vị muốn gieo trồng ruộng phước trong việc in kinh sách khuyến thiện, xin vui lòng điền phiếu công đức sau đây. Chi phiếu xin đề: “Thiên Lý Bửu Tòa” với ghi chú “Kinh sách”, và gửi về:

THIÊN LÝ BỬU TÒA

12695 Sycamore Ave

San Martin, CA 95046. USA

Điện thoại liên lạc: (408) 683-0674

Họ tên: _____

Địa chỉ: _____ Apt _____

Thành phố: _____ Tiểu bang _____

Quốc gia hiện cư ngụ: _____

Nay xin phát tâm đóng góp số tiền _____ để dùng vào việc ấn tống kinh sách khuyến thiện.

Thành tâm cầu nguyện xin ơn trên Đấng Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và thập phương chư Phật Tiên Thánh hộ trì cho âm siêu, dương thối, Đạo pháp phục hưng, tất cả chúng sanh đồng được tội diệt phước sanh, thiện căn tăng trưởng, tỏ ngộ Đại Đạo. Cầu xin hồng ân Bề trên hộ trợ cho gia đình chúng con và toàn tất đồng được an lạc, thanh tịnh, vạn sự kiết tường đầu năm chí cuối.

CÔNG ĐỨC PHÁP THÍ

Theo kinh Tam Nguơn Giác Thế (Chiếu Minh Đản, Càn Thơ: Nhà in Phương Nam, do Tiền bối Cao Triều Trục ấn tống), trong đàn cơ ngày 02.11 Tân Mùi (thứ Năm 10.12.1931), đức Thần oai Viễn trấn Quan Thánh Đế Quân giảng dạy như sau (tr.36):

“Phàm người tu hành mà đặt đặng một bộ kinh sám mà khuyên chúng làm lành thì người ấy đặng thành Tiên. Còn người vẫn chương quân tử mà làm đặng một pho sách dạy chúng luân thường đạo lý thì người đặng thành Thánh.”

Lời dạy của đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân soi rọi cho mọi người thấy rằng việc tiếp tay phổ truyền văn hóa đạo đức cho sâu rộng trong xã hội nhân sinh để góp phần xây dựng cuộc đời trở nên thuần lương thánh thiện là một việc rất quan trọng, rất cao quý. Đó là lý do kinh sách Tam giáo xưa nay luôn đề cao việc pháp thí.

Người có trí năng thì thuyết giảng, biên soạn. Người có tài chánh thì ấn tống. Thậm chí người thiếu khả năng để làm một trong hai việc ấy cũng vẫn thừa sức thực hành pháp thí. Nhưng bằng cách nào?

Thực hành rất đơn giản, bằng cách biết trân trọng thánh kinh hiền truyện, sách vở đạo lý; chẳng những giữ gìn cho chính mình đọc mà còn tùy cơ hội thích hợp, chân thành giới thiệu cho người khác cùng đọc, cùng chia sẻ với nhau những ý vị thanh cao để noi theo đó làm đẹp cuộc sống, trau luyện tâm hồn, giúp tư tưởng luôn luôn gắn gũi lời Tiên tiếng Phật.

TRẦN THẾ DÂN chuyết bút

NGỌC GIÁO HỮU BÙI VĂN TÂM

BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN

Trình bày bìa: LÊ ANH HUY

Con triện bìa 1: TÍN ĐỨC TU DƯỠNG 信德修養

Khắc triện: LÊ NGUYỄN LƯỢNG

SÁCH ẤN TỐNG (KHÔNG BÁN)

Địa chỉ liên hệ:

THIÊN LÝ BỬU TÒA

12695 SYCAMORE AVE

SAN MARTIN, CA 95046, USA.

☎ (408) 683-0674

www.thienlybuutoa.org

www.tamgiaodongnguyen.com